

# Bát Quan Trai Thập Giảng

Diễn Bồi Đại Sư giảng  
Thượng Tọa Thích Thiện Huệ dịch



## Lời Giới Thiệu

Giới là chánh nhân của xuất thế gian pháp, lìa Giới ra không thể có giải thoát, nên kể từ sơ phát tâm cho đến bát tướng thành đạo, đức Phật trong hàng niệam không rời Tam Tự Tịnh Giới, tu vô lượng thiện pháp, nhờ vậy mọi động tĩnh nơi ba nghiệp không gì không là pháp thiện xảo cứu độ chúng sanh. Giới có công năng phát sanh hạnh lợi mình, lợi người như vậy, nên trước lúc nhập diệt, đức Phật cũng chỉ ân cần dặn: “Sau khi ta diệt độ, nên tôn trọng, kính quý Ba La Đề Mộc Xoa (Giới) như tối tăm gặp ánh sáng, như nghèo khó được của báu. Phải biết đó là bậc thầy của các vị, Như Lai có ở đời cũng không khác như vậy”. Ngay khi tại thế, đức Phật cũng dùng Giới làm cửa ngõ vào đạo cho người tu học, cả hai hàng Tăng, tục đệ tử đều được trao cho giới pháp để tu. Vì Giới là nền tảng của muôn hạnh lành, không Giới ắt thành thiên ma hoặc sa ác đạo.

Người tu học Phật ngày nay vì lơ là giới pháp, nhất là hàng đệ tử tại gia, vọng cho Giới chỉ dành riêng cho Tăng, không lo thủ trì Ngũ Giới, tâm ý nhiễm trần, đem tâm phi giới này cầu tìm pháp môn nên không sao có trí phân biệt pháp, chánh tà chẳng rõ, Ma Phật không phân, nên dễ sanh tâm thích pháp tham dục, lạc vào nẻo dữ, thật uổng công tu hành. Hoặc có kẻ phát tâm tu học, nhưng cũng bởi coi nhẹ Giới nên chung cuộc không thực đạt được tự lợi lợi tha, vẫn lẫn lẩn trong vòng nhân ngã thị phi. Thế nên, Diễn Bồi đại sư cũng từng khuyên cáo: “Chúng ta phát tâm tu học Phật không phải để tiêu khiển mà để mong cầu Thánh Quả; song Thánh Quả không chỉ mong cầu mà được, mà phải cầu bằng sự thực tiễn thực hành. Sự thực hành không ngoài hai phương diện hành thiện và đoạn ác. Nếu ác pháp không đoạn, thiện pháp tất khó tu”. Phương pháp hành thiện đoạn ác tích cực nhất chính là giới pháp. Vì vậy, Như Lai đã từ bi rất mực, thương xót chúng sanh đa dục

khó xả, nên dùng phương tiện thiện xảo, lập nên pháp tu Bát Quan Trai Giới giúp người tu học có nền tảng thánh đạo vững chắc, gieo duyên mật thiết với Tam Bảo. Bởi Bát Trai Giới là nhân xuất gia nên duyên với Tăng Bảo, bởi Bát Trai Giới là nhân của pháp xuất thế nên duyên với Pháp Bảo, bởi Bát Quan Trai Giới là nhân thành Phật quả nên duyên với Phật Bảo. Vì vậy, tu Bát Quan Trai Giới chính là chân thật phụng sự, cúng dường và thân cận Tam Bảo.

Song le, hàng đệ tử Tăng, tục dù đã nhiều lần thọ trì Bát Trai Giới, nhưng nơi ý nghĩa, công ích, tác pháp và các vấn đề khác liên quan đến Bát Giới vẫn còn rất hàm hồ, hiểu biết lệch lạc, nên không thể đạt được điều quan trọng nhất và tôn quý nhất là trong pháp thọ trì là đắc được giới thể và phương cách dụng công tu tập cùng trì giới. Chính vì các lý lẽ trên, để người tu học Phật có được pháp căn bản, để Phật pháp được cứu trụ, để thế gian thêm lợi lạc, các bậc cao tăng đại đức như ngài Diễn Bồi, Từ Hàng... đã ra công giảng giải và sửa đổi lại các thói quen sai lạc xưa nay trong pháp tu Bát Quan Trai, là pháp tu căn bản một tháng phải thọ trì sáu ngày vào thời Phật. Những lời giảng dạy này được gọi là Bát Quan Trai Thập Giảng và Phụng Khuyến Tăng Tục Nam Nữ Phổ Trì Bát Quan Trai Giới Văn, là kim chỉ nam giúp người tu học có nhận thức chính xác về Trai Giới, không còn hoài nghi hay coi nhẹ giới pháp, nhờ vậy có thể thực tu, thực chứng, đạt được thực lợi. Mong người đồng tu đạt được nhiều lợi ích nơi quyền cầm nang tu tập nhỏ bé này.

Nguyện mười phương chư Phật chứng minh và hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Thích Thiện Huệ. Bern, ngày 29 tháng 02 năm 1992

## Chương 1 Huấn Luyện Xuất Gia

Đức Phật chế Cận Trụ Luật Nghi, mục đích để cho người tại gia có được phương pháp tu học xuất gia tạm thời. Như trong kinh Thập Thiện Giới dạy: “Bát Quan Trai Giới là do chư Phật quá khứ, hiện tại vì hàng tại gia chế pháp xuất gia”. Do đó, ta thấy rõ rằng: Chẳng riêng đức Thích Ca chỉ bày pháp xuất gia Bát Trai Giới này cho hàng tại gia, mà chư Phật quá khứ cũng đều chỉ dạy như vậy. Từ quá khứ, hiện tại, suy đến vị lai, tất nhiên chư Phật vị lai cũng có chế độ này. Vì vậy, Bát Trai Giới tuy có vẻ đơn giản, song rất trọng yếu, đáng cho Phật tử thường luôn thọ trì, học tập pháp xuất gia Bát Quan Trai này, để từ từ tiến đến việc chánh thức xuất gia.

Ở đây, hẳn có người tự hỏi: “Phật pháp đã có hai chúng xuất gia và tại gia. Hàng đệ tử tại gia có thể ở nhà tu học được rồi, cần gì phải chế pháp xuất gia tạm thời này?” Về điểm này, tôi xin minh xác cùng quý vị: Phật pháp tuy cũng nói có thể gian pháp, nhưng vẫn lấy xuất thế làm mục đích tối hậu, không hề coi thế gian pháp là trọng. Những người đắm nhiễm thế gian, dĩ nhiên muốn họ xuất thế không phải điều dễ, hơn nữa, sức họ cũng không làm nổi chuyện đó. Nhưng bất luận họ đủ sức hay không, để đạt được mục đích tối cao, chỉ cần trong đầu óc người học Phật luôn tâm niệm rằng đây là mục đích duy nhất của mình. Không những chỉ vậy mà còn phải luôn ghi nhớ không quên, mong mỗi sẽ có ngày thực hiện trọn vẹn được mục đích xuất thế. Đó là căn bản của việc học Phật. Người học Phật nếu không có ý niệm này thì dẫu học hay tu hành môn nào, cũng vẫn không tương ưng với tinh thần chính yếu của Phật pháp.

Phật pháp đã coi xuất thế là mục đích cao nhất, xuất gia lại là con đường để đi tới mục đích này, nên tuy là hàng tại gia học Phật cũng cần tìm cách học tập đời sống xuất gia để sau này ắt có ngày chân chính xuất gia, đồng tiến trên con đường xuất thế giải thoát. Phật

pháp dĩ nhiên chẳng kêu gọi hết cả mọi người phải xuất gia, chỉ có điều hoàn cảnh thanh tịnh và phương thức sinh hoạt của đời sống xuất gia thích hợp với những người tìm cầu xuất ly và tiến tu giải thoát, bởi họ nhận ra rằng đây là con đường thích hợp nhất để đạt được xuất thế giải thoát.

Tại sao trong Phật giáo lại coi trọng pháp xuất gia như vậy? Bất luận các Thánh Quả của hàng Đại Thừa hay Tiểu Thừa, dù A La Hán Quả hay Vô Thượng Phật Quả, cũng đều do xuất gia mới hoàn thành. Như hỏi ba đời chư Phật thành Phật cách nào? Đức Phật trả lời trong kinh, không có vị Phật nào không từ xuất gia mà thành Phật. Nếu đã như vậy, chúng ta học Phật, mong mỗi tương lai thành Phật, nếu không phát tâm xuất gia, làm sao thành tựu được mục đích thành Phật? Luận Bồ Tát Bồ Nhãn nói: “Lợi ích của xuất gia cao hơn cả Tu Di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư không. Sở dĩ như vậy là do xuất gia mới thành Phật, ba đời chư Phật chưa có vị nào thành Phật mà không do nhờ xả gia, xuất gia cả”. Vì vậy, người hành Phật pháp, nếu muốn chứng thành Phật Quả, tất phải có ngày xả tục xuất gia. Muốn khỏi xuất gia mà thành Phật, cứ y theo kinh điển thì điều này không thể thành tựu được.

Chẳng những ba đời chư Phật như vậy, mà ngay cả đến A La Hán của Tiểu Thừa cũng thế. Cứ như thuở giờ vẫn thấy người xuất gia chứng Sơ Quả, tại gia cũng chứng Tu Đà Hoàn, cho đến hàng xuất gia chứng Tam Quả, tại gia cũng chứng quả Bất Hoàn (A Na Hàm), điều này chẳng có gì lạ từ thời Phật đến sau này, nên ba quả đầu, xuất gia, tại gia đều có thể chứng quả bình đẳng như nhau. Trừ ra A La Hán, tại gia không thể chứng được. Điều này không có nghĩa hàng cư sĩ học Phật không có khả năng chứng quả A La Hán, mà ngụ ý phải hiện tướng xuất gia trước khi chứng A La Hán quả. Như sắp chứng A La Hán quả mà vẫn xả không nổi mái tóc, xuất gia thì vẫn dừng ở Tam Quả. Vậy nên mới biết: Xuất gia mới đạt được quả vị cao nhất của cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa.



Nhưng vì đời sống xuất gia không đơn giản đến mức độ ai cũng làm được, nên đức Phật dạy từ đại bi, vì hàng tại gia học Phật, chế ra Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm để huấn luyện cho người học Phật từ từ quen với đời sống xuất gia. Vì vậy, Thái Hư Đại Sư nói: “Đây là Phật vì cư sĩ tại gia chế ra giới điều để luyện tập ngắn hạn đời sống xuất gia”. Hoặc có người cho rằng: “Tôi đã thọ Ngũ Giới, hoặc đã thọ Bồ Tát Giới, cần gì phải thọ Bát Quan Trai Giới?” Phải biết thọ Bát Quan Trai Giới là thọ sự huấn luyện đời sống xuất gia, cũng như tân binh phải tập tác chiến, từ từ huấn luyện không ngừng sẽ trở thành thói quen, khác hẳn thọ Ngũ Giới hay tại gia Bồ Tát Giới sống đời thế tục. Đây là điều chư vị phải nhận thức rõ ràng trước tiên.

Có người ngỡ đời sống xuất gia rất đơn giản, cho rằng xuất gia là chuyện dễ, thậm chí bảo rằng người xuất gia được hưởng phúc nhân. Nào hay đời sống xuất gia rất mộc mạc, thanh bần, ngay đến nhu yếu trong đời sống như y phục, đồ ăn, chôn ở đều khác người thường. Trong Giới Luật đã dạy chúng ta: Hàng nam tử, nữ nhân xuất gia phải mặc áo hoại sắc, phải bỏ hết các món trang sức, phải ở phòng ốc giản lậu; y lời Phật dạy, xuất gia còn phải ôm bát đi khát thực. Các vị hiện tại thọ Bát Quan Trai Giới, bao nhiêu nữ trang, vàng ngọc đều rời bỏ, y phục hoa hòe đều được thay bằng áo hoại sắc, đó là tập đời sống thanh đạm của người xuất gia. Các vị đều nhất nhất làm tròn, chứng tỏ các vị đã nhận chân được trong lúc sống đời xuất gia, là đang quan sát để cải tiến đời sống vật chất hưởng thụ của ngày hôm nay. Các vị hẳn rất khó được như vậy.

Song thực sự xuất gia không chỉ có như vậy, trong Giới Luật dạy phải khéo nhẫn chịu mười việc:

- 1) Thứ nhất, trời lạnh phải chịu đựng được hàn khí xâm hại, chẳng nề mưa tuyết, gió sương.

- 2) Thứ hai, trời nóng phải kham nổi nắng thiêu gay gắt, chẳng quản khí trời oi ả như thiêu như đốt.
- 3) Thứ ba, phải chịu đựng được các thứ bức hại từ thiên nhiên, chẳng ngại một thứ nào cả.
- 4) Thứ tư, phải chịu được sấm sét rung trời, quyết không vì vậy mà sợ sệt rúc trốn.
- 5) Thứ năm, khi bụng đói còn cào vãn phải chịu đựng được cơn đói.
- 6) Thứ sáu, miệng khô, cổ rất vằn nhằn được cơn khát.
- 7) Thứ bảy, nghiêm cách tuân thủ không ăn quá ngọ, mỗi ngày chỉ ăn một bữa đúng ngọ, hoặc hai bữa sáng và ngọ.
- 8) Thứ tám, nghiêm cách trì giữ các giới hạnh của đức Phật chế ra, cho dầu lúc bị đe dọa tánh mạng, cũng không được làm trái giới luật.
- 9) Thứ chín, nhẫn chịu các ác ngữ khi nghe lời nhục mạ, chế giễu, nói bóng, nói gió, nói sàm, nói quấy của người khác, phải tảng lờ như không nghe, quyết không cho đó là điều ngang ngược.
- 10) Thứ mười, nhẫn chịu độc trùng làm hại. Bởi lẽ, Ấn Độ là xứ nhiệt đới, các vị Tỳ Kheo thường ngồi dưới gốc cây. Trong mười hai hạnh Đầu Đà, có pháp ngồi dưới gốc cây. Muỗi mòng và độc trùng đến bức hại, đức Phật chỉ cho phép đuổi loài độc đi, hoặc các vị Tỳ Kheo phải sắp xếp nơi chốn sạch sẽ, tránh làm chỗ sanh sản cho độc trùng, tuyệt đối cấm Tỳ Kheo không được giết hại độc trùng.

Như mười điều đã nói ở trên, nghe có vẻ giản đơn, song biết bao người nhẫn chịu không nổi mười điều này, nên trong Luật, đức

Phật nói rằng: “Chỉ có đại trượng phu mới nhẫn nổi”. Xuất gia cho đúng pháp, thực là điều cao quý. Nếu chịu không nổi các sự bức hại của hoàn cảnh, sự đả kích của tha nhân, sự gây tổn hại của độc trùng, sự đạu bạc của đời sống, thì không bao giờ trở thành người xuất gia chân chính được. Vì vậy, thật tình mà nói, xuất gia không phải là chuyện dễ. Đức Phật vì hàng tại gia học Phật, chế Cận Trụ Luật Nghi học tập đời sống xuất gia, phải nói đó là thiện xảo phương tiện, bởi lẽ đức Phật hiểu rõ căn lành giải thoát xuất thế không thể gieo trồng trong chốc lát, phải huân tập lâu dần mới thành tựu. Tuy vẫn có thể học Phật tại nhà, song hiềm bị quyền thuộc bao quanh, ân ái trói buộc thân tâm, điều này gây trở ngại không ít cho mặt tu trì, nên đức Phật phương tiện chế Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm, khiến hàng nhị chúng nam nữ học Phật tuy ở trong gia đình mà vẫn làm được như trong kinh Bát Đại Nhân Giác: “Ngũ dục họa hoạn, không nhiễm thế duyên” để có thể làm nổi: “Thường niệm ba y, bình bát pháp khí, chí nguyện xuất gia”. Như vậy mới được nhân duyên thù thắng xả tục xuất gia, giải thoát ràng buộc. Cho nên Bát Quan Trai Giới chính là một trong những pháp môn phải tu của người học Phật tại gia muốn tiến lên con đường giải thoát.

Thọ trì Bát Quan Trai Giới đã là sự huấn luyện cho người tại gia tập đời sống xuất gia nên tôi rất mong trong số các vị thọ giới hôm nay, do sự huấn luyện này mà chân chánh phát tâm xuất gia. Phật giáo ngày nay mong mỗi có người, đặc biệt là nam nhân, phát tâm xuất gia. Điều này đã trở thành vấn đề cấp bách. Bởi vì trong nước cũng như hải ngoại, Tăng chúng càng ngày càng ít. Nếu không có những người mới xuất gia bù vào, chẳng những không người hoằng dương chánh pháp, mà ngay đến chùa chiền cũng thiếu Tăng trụ trì. Như thế há bảo vấn đề chưa đến nỗi nghiêm trọng ư? Sự kiện này há không khiến những người quan tâm đến sự tồn vong huệ mạng Phật giáo lo như lửa đốt sao? Há không tìm cách lôi kéo thanh niên đến chùa học Phật xuất gia sao? Há không vì mạng mạch của Tăng Già sắp đứt mà tìm cách cứu vớt sao?



Kinh, Luật dạy chúng ta: “Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, khuyên người xuất gia, khen ngợi kẻ xuất gia, hoặc chính mình xuất gia, hoặc đê người xuất gia, đều có đại công đức”. Như kinh Hiền Ngu Nhân Duyên thuyết: “Cho người xuất gia hoặc tự xuất gia, hoặc già hoặc trẻ, phúc đức vô cùng”. Nhưng tôi cho rằng: ngày nay Tăng chúng sắp đoạn tuyệt, nếu khéo khuyên người xuất gia, hoặc huấn luyện người xuất gia, thì được công đức cũng không thể nghĩ bàn.

Phật giáo sở dĩ có chế độ xuất gia, đức Phật sở dĩ lập Tăng đoàn, mục đích để cho chánh pháp mà Như Lai cần khổ chứng được được tiếp nối lâu bền ở thế gian. Cũng bởi lẽ này nên đức Phật đã trịnh trọng giao phó trụ trì Tam Bảo cho hàng Tăng chúng. Có Tăng chúng hành hóa, một số người mới biết có Phật, có Pháp. Giả sử nếu không có Tăng chúng, thử hỏi ai biết được chánh pháp của Như Lai, biết được bậc Đại Giác? Vì thế, bất cứ ở thời đại nào, dầu là thời Chánh Pháp, Tượng Pháp hay Mạt Pháp đi nữa, Tăng Già, một trong Tam Bảo, vẫn không sao thiếu được. Nếu Tăng không có, Phật pháp ắt diệt vong. Phật Pháp lưu hành được ở thế gian hay không cũng tùy thuận nơi có Tăng Già hay không. Luật nói: “Tăng có thì Pháp có, Pháp có tức Phật có”. Đây là nói rõ ý đó vậy.

Vì Tăng có, để Pháp có là do nơi có người xuất gia. Như nếu không người xuất gia, thử hỏi Tăng ở đâu mà có? Thế nên, xét đến tột gốc, việc thứ nhất vẫn là khuyên người xuất gia. Như tự mình không khuyên người xuất gia, người khác tự đến xuất gia, lý ra khuyên khích và tán thán. Giả như không làm như vậy, mà ngược lại chế giễu, khinh miệt, cản trở người xuất gia, khác gì diệt mất hạt giống Tăng Già, cũng đồng với diệt hạt giống Phật, lỗi này rất lớn vậy. Kinh Xuất Gia Công Đức nói: “Nếu có người phá hoại nhân duyên xuất gia của người khác, tức là cướp đoạt kho báu vô tận phúc thiện, hủy hoại nhân của 37 phẩm Trợ Đạo; ở nơi bốn đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân), sanh ra thường đui, người này không có ngày giải thoát”. Như vậy, vào thời buổi Tăng

chúng sắp diệt này, chúng ta sao đành nhẫn tâm phản đối người ta xuất gia.

Xuất gia trong đạo Phật là việc cao thượng, không như một số người tưởng tượng, không còn cách gì nữa mới xuất gia. Nhưng người Trung Quốc đối với xuất gia thuở giờ thường hay quan niệm cho rằng xuất gia rồi không được hoàn tục, làm cho nhiều người muốn xuất gia mà không dám, vì sợ xuất gia mà trở về thì rất khó coi. Kỳ thật, Phật Pháp không có quy định cứng nhắc “xuất gia không được hoàn tục”, mà vẫn cho phép trở về. Vào thời không người phát tâm xuất gia này, điều này càng cần phải nhấn mạnh. Như vậy, bất kể ai, chỉ cần phát tâm xuất gia, không cần quy định kỳ hạn xuất gia, xuất gia hai ba tuần cũng được, hai ba tháng cũng được, đôi ba năm cũng tốt, được trường kỳ càng tốt. Đến lúc nào đó, muốn trở lại đời sống thế tục, cứ việc tự do rời đạo về thế.

Có điều hoàn tục cần có điều kiện, không được lén lút mà phải công khai trở về, phải trình bày rõ với một vị cao tăng. Như vậy, tuy hoàn tục vẫn là đệ tử Tam Bảo, vẫn thường lui tới chùa chiền. Ngày trước, những người xuất gia muốn hoàn tục phải lén lút trốn về. Tại vậy nên một khi hoàn tục là bỏ hết mọi quan hệ với Phật pháp, trong Phật pháp không còn thấy bóng dáng người đó nữa, chẳng những mất đi một vị Tăng, còn mất thêm một tín đồ, thật là mất mát cho Phật Giáo. Thái Hư Đại Sư hiểu rõ việc này nên hô hào mọi người nên “tôn trọng Tăng nhân hoàn tục”. Do đó, chư vị như không thể trốn đời xuất gia, cũng không nên ngại xuất gia ngắn hạn thử. Được tinh thần này, xuất gia cứ xuất gia, hoàn tục cứ hoàn tục mà trôi chảy chẳng dừng, khiến Tăng chúng không dứt, chùa chiền trụ trì cũng không thành vấn đề!

## Chương 2

### Chú Thích Danh Nghĩa

Bát Quan Trai Giới căn cứ theo Kinh, Luận, bất kể hàng tại gia đã quy y Tam Bảo hay chưa, bất kể là người học pháp Tiểu Thừa hay Đại Thừa, đều có thể thọ Bát Quan Trai Giới. Đây là điểm đầu tiên chúng ta nên biết.

Bát Quan Trai Giới thông thường cho rằng thọ vào các ngày lục trai nhật, nhưng căn cứ theo Luật điển thì không cứ phải vào ngày lục trai (sáu ngày ăn chay). Ngay cả những ngày vía chư Phật, Bồ Tát, những ngày vía sanh hay kỵ của cha mẹ hay của sư trưởng, hoặc ngày sanh của mình, thường tụng niệm làm công đức, cũng có thể thọ Bát Quan Trai Giới. Đây là điểm thứ hai chúng ta nên biết.

Bát Quan Trai Giới thông thường cho rằng thích hợp nhất là phải đến chùa chiền, chôn đạo tràng thanh tịnh, xa lánh trần tục, thỉnh một vị Tăng truyền thọ, nhưng cũng có thể tự mình thọ giới tại gia, bằng cách mời một vị Tăng đến nhà truyền giới. Nói đúng hơn, người nam đến chùa thọ giới thì tốt, còn người nữ thọ giới tại nhà tiện hơn. Đây là điểm thứ ba nên biết.

Bát Quan Trai Giới tuy là danh từ rất quen thuộc với chúng ta, nhưng trong kinh Phật Thuyết Trai, đức Phật vì phu nhân Duy Đa phân biệt có ba loại:

- Mục Ngưu trai.
- Ni Kiền trai.
- Phật pháp trai.

Nhưng không có nghĩa là có tất cả ba loại Bát Quan Trai Giới khác nhau, mà do cách dụng tâm của người thọ giới mà phân biệt xếp

loại, hợp với tinh thần thọ trai của Phật pháp mới là Bát Quan Trai Giới của Phật giáo. Đây là điểm thứ tư nên biết.

Nguyên nhân Phật nói kinh Phật Thuyết Trai: Do có một lần đức Phật trụ ở nhà thừa tướng tại Xá Vệ thành. Sáng sớm hôm đó, mẹ thừa tướng là bà Duy Da phu nhân dậy sớm, tắm rửa sạch sẽ, dẫn con cháu đồng đến chỗ Phật lễ lạy. Đức Phật hỏi: “Sáng sớm đến có việc gì không?” Duy Da phu nhân thưa: “Chúng con chỉ muốn thọ Trai Giới”. Đức Phật dạy: “Các vị phát tâm muốn thọ Trai Giới, điều này rất tốt và rất khó được, nhưng có ba thứ là Mục Nguu trai, Ni Kiền trai và Phật pháp trai. Vậy quý vị muốn thọ thứ nào?” Phu nhân Duy Da không hiểu ba loại này khác nhau chỗ nào, xin Phật chỉ dạy. Đức Phật vì vậy giải thích chỗ sai biệt của ba loại.

Thứ nhất, Mục Nguu Trai, các vị vừa nghe tên này đã lấy làm ngộ ngộ. Thật ra đây là thí dụ: Như người chăn bò, mỗi ngày ra đồng chăn bò, đến chạng vạng trở về, trong lòng luôn nghĩ: chỗ nào có cỏ nước nhiều, ngày mai đến chỗ ấy chăn cho bò được no nê, có vậy mới thấy bớt cực nhọc, và không thấy chăn bò là khổ. Người chăn bò thường như vậy. Cũng thế, một số người phát tâm thọ trai theo Phật một ngày một đêm, nhưng sau khi thọ giới, không chịu cố gắng thành tâm thọ trì các giới, trong lúc thọ trai lòng luôn sinh vọng tưởng: “Tôi hôm nay thọ Trai Giới, cái gì cũng bị hạn chế không được hưởng thụ, ngày mai phải hưởng bù chút dục lạc để vớt vát lại ngày hôm nay phải chịu nhịn”. Thọ giới, không lưu tâm đến các giới thọ, mà chỉ đặt tâm vào sự hưởng lạc ngày mai, như vậy không phải là chân chánh thọ giới. Tỷ dụ như các vị hôm nay thọ giới, nghiêm trì giới quá ngộ không ăn. Giả như có người nghĩ chiều nay không ăn cũng được; ngày mai về nhà ăn bù lại một bữa cho đã. Như thế, dưới con mắt đại trí của chư Phật, đó là thọ Mục Nguu trai, không phải đệ tử Phật thọ giới chân chính.

Thứ hai, Ni Kiền trai: Ni Kiền Tử là một thứ ngoại đạo ở Ấn, thường gọi là Ly Hệ Ngoại Đạo (liá trối buộc). Họ có phương pháp

tu của họ. Hơn nữa, mục đích dụng công tu của họ cũng để ra khỏi sự trói buộc của sanh tử tam giới. Nhưng, dẫu rất tinh tiến dụng công tu hành, vẫn không kiếm được con đường chân chánh, kết cuộc chẳng sao tìm được sự giải thoát các thứ trói buộc. Do họ chuyên tu khổ hạnh, như trời nắng như thiêu, phơi mình dưới sức nóng bỏng của mặt trời; trời lạnh thì nằm ngoài sương giá chịu rét, hoặc bôi tro, trét bùn trên người. Nhiều người thấy vậy cho là hy hữu, khó được. Dưới mắt đức Phật thì chỉ là sự khổ hạnh vô ích, chẳng có chút lợi ích gì nơi sự giải thoát sanh tử, cũng không chút công hiệu với việc thể ngộ chân lý. Họ thọ Trai Giới vào các ngày Rằm mỗi tháng. Khi thọ Trai Giới, nằm xoài ra đất, nói với chư thần trong mười do tuần rằng: “Tôi hôm nay thọ giới, không còn dám làm các việc không như pháp, không hợp lý nữa. Tôi nay rời gia đình, đồng với không có nhà. Vợ con, nô bộc trong nhà nay không là của tôi, tôi cũng không phải là chủ của họ”. Như vậy, không khác Bát Quan Trai Giới cho lắm, chỉ không kê khai từng điều giới tướng mà thôi. Họ tuy miệng nói như thế, nhưng không thiết thật thực hành, chỉ phô bày bên ngoài làm hài lòng tai mắt thiên hạ, thật thì khi người dối mình, kết quả vẫn đắm chìm trong biển sanh tử. Người phát tâm thọ giới nếu trong ngày thọ giới không buông bỏ được hết, hay lợi dụng ngày này thực tiến tu tập pháp, thì khác gì Ni Kiên Tử thọ giới. Qua hôm nay rồi, ngày mai mọi việc lại vì Ta (Ngã). Đâu phải là Trai Giới nên thọ của người học Phật.

Thứ ba, Phật pháp trai: Chính là Bát Quan Trai Giới chúng ta đang đề cập đến hôm nay, trong Luật điển có nhiều tên gọi khác nhau. Đơn giản nhất là Bát Giới, có nơi gọi là Bát Chi Giới, thông dụng nhất là Bát Quan Trai Giới. Nay lược giảng danh nghĩa như sau:

Bát trong Bát Quan Trai Giới là số mục. Tại sao lại là tám (bát)? Vì khi thọ giới này, đề phòng và ngăn chặn tám việc, nên gọi là tám nhánh (bát chi) hay tám phần (bát phần), tức là: Tám pháp ngăn che này, có khi gọi là Giới, có khi gọi là Trai, hoặc gọi là



Quan. Vì sao? Trong Phật pháp, Giới có nghĩa là ngừa quấy ngăn ác (phòng phi chỉ ác). Như hai nghiệp thân, khẩu: Thân có ba là sát sanh, trộm cướp, dâm dục; khẩu có bốn là hai lưỡi, ác khẩu, nói điêu, thêu dệt. Tổng cộng bảy chi đều là việc quấy. Các việc quấy ác này, sau khi thọ Bát Quan Trai Giới, nơi thân tâm sẽ phát sanh sức mạnh hoặc tác dụng có thể ngăn chặn được tám việc xấu. Như tội sát sanh, nếu không thọ Trai Giới, ắt sẽ sát sanh thẳng tay, không chút suy nghĩ; nhưng khi thọ giới rồi, khi sắp sát sanh, Giới nơi tâm sẽ phát sanh một sức mạnh bảo mình rằng: “Không nên giết, không được giết!” Nhờ vậy mà chặn đứng được việc làm sát sanh hại mạng kia, phải biết đó chính là sức mạnh và tác dụng của Giới.

Quan, giải theo chữ có nghĩa là “đóng”, hàm nghĩa người thọ Bát Giới này không còn làm bất cứ việc ác hại nào nên cánh cửa của tam ác đạo bị đóng chặt lại, không còn có thể vào trong ba đường dữ nữa. Té ra, ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều có cửa để vào. Bình thường, cánh cửa tam ác đạo luôn khép kín, bất cứ ai muốn tiến vào đều phải mở lách, nhớ rằng không ai mở giùm mình ngoài chính mình tự mở. Đằng sau cánh cửa, rõ ràng toàn là điều khốn khổ, sao lại tìm đến? Cũng chỉ vì không tự chủ được mình, tạo bao điều ác nghiệp, cánh cửa tam ác đạo kia tự mở, rồi mình bước vào hồi nào không hay, chịu bao điều quả báo khó kham. Hiện nay, thọ Bát Quan Trai Giới rồi không tạo các tội ác nữa, đừng nói cửa tam ác đạo chưa mở, chúng ta quyết không đến mở, mà ngay đến cửa này có mở rồi, ta cũng đóng nó lại để có muốn vào, vào cũng không được. Như vậy, chúng ta thấy rõ ràng: Cửa tam ác đạo mở là do tự ta mở bằng cách gây biết bao tội lỗi. Và cũng do chính chúng ta đóng bằng cách tu các thiện pháp, tạo bao việc lành. Cho nên tục ngữ có câu: “Họa phúc không cửa, do ta tự mời” (Họa phúc vô môn, duy nhân tự chiêu). Hay còn nói: “Thiên đường có lối không ai đến, địa ngục không cửa vẫn tự vào” (Thiên đường hữu lộ nhữ bất tẩu, địa ngục vô môn nhữ tự khai). Nên đã

là đệ tử Phật, chẳng những không nên đi mở cửa tam ác đạo mà còn phải đi đóng cửa này lại, có vậy mới hợp với ý thú học Phật.

“Trai”, thường giải thích như sau: Vì tư tưởng con người từ sáng đến tối tạp loạn không dừng, khi nghĩ đến này, lúc tưởng đến kia, không bao giờ ngừng nghỉ. Hiện tại, vận dụng một phương pháp khiến các tư tưởng tạp loạn được chuyên chú vào một cảnh, không còn lãng xãng, rối loạn. “Trai” còn có nghĩa thanh tịnh, như thế tục thường có Trai Thái Quán (tiệm chay), vừa bước vào đã thấy thật thanh khiết. Phải biết hoàn cảnh thanh khiết rất quan trọng, như đến nơi nào sạch sẽ, vẫn thấy thư thái; nếu chỗ dơ dáy, ất sanh tâm nhờm gớm. Nội tâm con người thường nhận thức và cảm giác như vậy trước cảnh bên ngoài. Sở dĩ gọi Trai là “thanh tịnh” bởi vì Trai Giới có thể giúp cho tâm được thu nhiếp tịch tĩnh, đoạn được hết mọi tội lỗi, phát sanh được sức phòng hộ căn môn. Căn môn là cửa của sáu căn. Thế gian đầy dẫy tội ác đều do sáu cửa này tạo ra. Như mắt thấy Sắc, thích thì khởi lòng tham, ghét thì khởi lòng sân, rồi đưa đến hành động hoặc chiếm hoặc bỏ, gây ra bao tội ác. Nếu muốn không tạo ác, phải tìm cách thủ hộ, đề phòng căn môn, đừng để cho nó chạy theo cảnh giới bên ngoài. Có vậy mới dứt trừ hết được các tư tưởng tạp loạn, xa rời các thứ gây đến lỗi lầm, không còn bị tà dục ở thế gian ô nhiễm. Chính vì Trai có nghĩa là thanh tịnh, nên hàng kẻ sĩ và thực nữ thích gọi tịnh thất hay thư phòng mình là “traị”, biểu thị siêu nhiên thoát tục, không bị nhiễm thế.

Như trên đã giảng, chư vị đã hiểu danh từ “Trai Giới” gốc từ Trung Quốc. Các điển lễ trong sách xưa ghi: “Trai giới để thưa với quỷ thần” (Trai giới dĩ cáo quỷ thần); cho nên, người xưa trước khi cúng quỷ thần phải trai giới, tắm rửa cho sạch sẽ. Lúc tu trai tức phải có giới, cho nên gọi chung là “Trai Giới”. Đặc tánh của Trai là tẩy sạch nội tâm, không để cho các ý niệm bất tịnh tồn tại. Năng lực của Giới ở chỗ phòng hoạn, không để cho các hành vi bất chánh được hoạt động.

Trai theo Án có nghĩa Bồ Tát hoặc Bao Sà Đà, bao gồm hai ý nghĩa “tịnh trụ” và “trưởng dưỡng”. Cư sĩ tại gia vào các ngày lục trai, thọ Bát Quan Trai Giới để trừ khử dần các ác pháp, đồng thời tu tập thêm các pháp lành, thiện pháp mỗi ngày mỗi tăng, ác pháp mỗi ngày mỗi giảm, nhờ vậy, thân tâm mới trụ nơi thanh tịnh, không bị trụ trọn ngày nơi phiền não và tội nghiệp, vì vậy gọi là “tịnh trụ”. Thứ nữa, hàng tại gia học Phật, nhờ thọ bát vào các ngày lục trai, thiện pháp mỗi ngày mỗi tăng trưởng, bởi lẽ bất kỳ ai nếu muốn công đức được trưởng dưỡng, bắt buộc phải tu tập không ngừng. Nếu nay tu mai nghỉ, ắt không sao trưởng dưỡng. Trong Trí Độ Luận, ngài Long Thọ dạy: “Hành thọ Bát Giới, đó là Bồ Tát, Tần gọi Thiện Túc”, ý nói: Bồ Tát còn dịch là Thiện Túc, nghĩa là thọ trì Bát Giới, khéo an trụ nơi pháp thanh tịnh, không còn bị dục nhiễm trần lao khuấy phá, nên gọi là “thiện túc” (khéo trú).

Liên quan đến vấn đề này, trong Trí Độ Luận ghi: “Thọ hành tám giới, tùy học các Phật pháp, gọi là Bồ Tát, nguyện giữ phúc đức này, đời đời không đọa ba ác (1), tám nạn” (2). Ý nói: Người học Phật tại gia phát tâm thọ trì, phụng hành tám giới, tự nhiên có thể tùy thuận học hết mọi Phật pháp; tu học và phụng hành Phật pháp như vậy gọi là Bồ Tát. Phúc đức Bồ Tát này nguyện hồi hướng đời đời kiếp kiếp không đọa ba ác, tám nạn. Ba ác, tám nạn nói theo Phật pháp là không mỹ mãn, không lý tưởng. Khổ như ba ác không lý tưởng đã đành, mà đến những nơi sung sướng tự thiên đường hay Bắc Câu Lô Châu, dù kiếp sống rất thỏa thích, nhưng vì không có cơ hội tu học Phật pháp, nên không những không được cho là chỗ tốt lành, mà ngược lại còn bị coi là nơi hoạn nạn nữa! Phải biết điều quan trọng nhất của học Phật là có cơ hội tu học, nếu sanh vào lúc không có Phật pháp, thử hỏi làm sao y pháp tu hành được? Cho nên sau khi thọ hành tám giới, nên phát nguyện do công đức này, không còn đọa vào ba đường tám nạn. Do đó chứng minh tám giới của Phật pháp, bất luận ở Luật hay Luận đều gọi là Bồ Tát, còn có thể thêm chữ Hộ gọi là Bồ Tát Hộ. Hộ có nghĩa là “thủ hộ”, chỉ sự

gìn giữ tự tâm, ý nói: người phát tâm thọ trì tám giới phải khắc khắc thủ hộ tự tâm, vì tâm là đầu mối của tội họa, tội ác nào cũng do từ tâm ra. Nếu khéo hành đúng tinh thần tám giới, luôn luôn phòng giữ tự tâm, ắt không phát triển ác nghiệp nữa, cho nên gọi là Bồ Tát Hộ. Thọ trì Bát Quan Trai Giới dĩ nhiên không chỉ chuyên phòng hộ nội tâm, mà phòng hộ cả thân khẩu nữa, chính vì vậy các bậc cổ đức thường bảo: “Nơi tâm gọi Hộ, nơi thân khẩu gọi Giới”.

Còn có Trai của Bát Quan Trai Giới, có người còn bảo quá ngộ không ăn gọi là “trì trai”. Do nghĩa này làm tự thể của Trai, thậm chí các giới trước như bất sát... chẳng qua chỉ trợ thành trai thể mà thôi. Lại có người bảo ăn chay trường là trường trai, ăn chay sáu ngày là hoa trai. Đâu biết “trai” của trường trai, hoa trai chẳng ăn nhập gì với “trai” của Bát Quan Trai, lại cũng chẳng quan hệ gì với giới “ăn ngộ”. Vì không ăn quá ngộ chỉ là duyên phòng phạm, cùng trai thể vô can.

Trong kinh đức Phật dạy: Căn cứ vào truyền thuyết của các tôn giáo Ấn, thế giới này khi mới thành lập gọi là Kiếp Sơ, có rất nhiều ác thần, ác quỷ có nhiều thế lực, thường ở thế gian hút lấy tinh khí của con người vào các ngày lục trai. Sự tồn vong của sinh mạng dựa vào sự duy trì của tinh khí, mà hễ tinh khí này bị rút mất, ắt sự sanh tồn phải bị đe dọa. Vì vậy, ai nấy cũng vì sự sanh tồn mà sanh tâm đề phòng. Bấy giờ, có một vị đại trí huệ muốn trừ sạch các mối nguy này, nên bảo mọi người rằng: “Đừng sợ sệt, đã có biện pháp. Chỉ cần mọi người cứ vào sáu ngày trai, không ăn nguyên ngày cho tâm tịch tĩnh, thân được tiết chế; nhờ vậy, ác thần, ác quỷ không sao hút được tinh khí. Tinh khí được bảo toàn, mạng sống không phải lo mất!”

Như thế, thuở giờ bên Ấn đã có lục trai nhật; hơn nữa, vào lục trai nhật còn không ăn bất cứ gì. Sau này khi Phật xuất thế, ngài thấy phương pháp lục trai nhật có thể duy trì, song cần phải sửa đổi để

thích hợp với Phật pháp, nên thay vì “không ăn” đổi thành “quá ngọ không ăn”, gọi là “không ăn phi thời”. “Phi thời” ý chỉ sau 12 giờ, qua giờ đó thì không ăn nữa, đó là một trong Bát Giới.

“Không ăn phi thời” đã là một trong tám giới, đương nhiên không phải là trai thể, ai bảo đó là trai thể tức ngộ nhận đó vậy. Nhưng có thể có người bảo: “Ăn cơm đâu phải là tội ác, không phải giờ mà ăn thì có sao đâu?” Phải biết rằng ăn uống là duyên tăng thượng trầm luân sanh tử của chúng sanh, do đó không nên xem thường. Tại sao ăn uống lại là tăng thượng duyên cho sự trầm luân sanh tử của chúng sanh? Chúng ta thường hay nói: “Ăn no ấm cật sanh tà vậy”. Đời sống người nào quá đầy đủ, ăn ngon, hưởng đủ hay sanh chuyện nghĩ bậy. Để giúp ta thanh tịnh, ít dục, đức Phật chế quá ngọ không ăn để tiết chế sự tham ăn không cho tăng trưởng, ngăn chặn ác pháp không để lan rộng. Cho nên Đạo Tuyên Luật Sư bảo là: “Duyên phòng đó vậy” rất đúng. Nếu bảo giới “không ăn phi thời” là trai thể, các giới khác là trợ thành trai thể thì không hợp với nghĩa trên. Chúng ta phải hiểu cho rõ điểm này. Nếu không thọ trì Bát Quan Trai Giới, chỉ mãi lo đặt nặng vấn đề “không ăn phi thời” mà xao lãng các giới kia, như vậy không hợp với tinh thần của Bát Giới.

Bát Quan Trai Giới còn gọi là Cận Trụ Luật Nghi, hay Trưởng Dưỡng Luật Nghi. Ý nói: Người phát tâm thọ Bát Quan Trai Giới thiện căn ban đầu vốn rất nhỏ nhưng lâu ngày sẽ tăng trưởng nhờ thọ tám giới. Hoặc có thể nói như vậy: Người học Phật tại gia khéo phát tâm thọ trì tám giới, huân tập công đức này không ngừng, lâu dần căn lành xuất gia càng tăng trưởng. Bởi vì thọ Bát Quan Trai Giới chủ yếu để tập đời xuất gia, tuy chỉ trong một ngày một đêm; nếu một tháng thọ một lần hay nhiều lần ắt sẽ huân tập và trưởng dưỡng căn lành xuất gia. Cho dù vốn không có ý niệm xuất gia, do vì thường thọ Bát Quan Trai Giới, chịu sống đời xuất gia, lâu ngày sẽ cảm nhận được đời xuất gia rất hợp với mình. Do vậy, ắt tự nhiên nghĩ rằng tại gia chẳng bằng xuất gia. Đó chính là trưởng



dưỡng căn lành xuất gia. Bởi vì khéo trưởng dưỡng như vậy, nên đức Phật còn gọi Bát Quan Trai Giới là Trưởng Dưỡng Luật Nghi.

Còn tại sao gọi là Cận Trụ Luật Nghi? Nói giản lược là do vì thân cận Tam Bảo, an trụ ở đạo tràng của Tam Bảo, chịu sự huân tập của tư tưởng Tam Bảo, như chư vị hiện đang trụ ở đạo tràng này vậy. Nói rõ hơn có ba nghĩa:

1. Thứ nhất, cận thời nhi trụ (ở thời gian ngắn). Ý nói: Chỉ thọ giới trong một ngày đêm; xét về mặt thời gian, chỉ trụ trong một thời gian quá ngắn tạm, trong vòng 24 giờ. Vì vậy gọi là Cận Trụ Luật Nghi.

2. Thứ hai, cận tận thọ giới trụ. Chúng xuất gia, bất luận là tỳ kheo hay sa di, không thọ giới thì thôi, như phát tâm thọ giới tất phải cả đời trì giới. Như hôm nay thọ giới Tỳ Kheo rồi thì phải giữ cho đến khi thọ mạng hết, giới thể mới lìa thân. Trước lúc chết, chỉ cần đừng phá giới căn bản, giới thể luôn tại thân tâm, có tác dụng phòng quấy ngăn ác, cho nên hàng tứ chúng xuất gia phải giữ giới đến chết. Bát Quan Trai Giới tuy chỉ tạm thời một ngày đêm, nhưng đó là quy tắc xuất gia tạm thời cho hàng nhị chúng tại gia, tuy chưa xuất gia, song vẫn tạo được thắng nhân cho giới xuất gia tận hình thọ. Bởi vì từng lần từng lần thọ trì, huân tập, không ngừng tăng trưởng căn lành xuất gia; dần dà nhận thấy thọ từng lần chẳng bằng một lần xuất gia thọ Đại Giới đến trọn mạng sống. Như vậy đủ thấy Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm tợ hồ rất ngắn, nhưng rất gần với giới xuất gia một đời, nên còn có thể gọi là “phương tiện ban đầu” cho giới xuất gia trọn đời. Vì vậy gọi là Cận Trụ Luật Nghi.

3. Thứ ba, cận A La Hán trụ. Ý nói: Thọ Bát Quan Trai Giới học tập đời xuất gia, đó là hành môn của A La Hán, nên thọ giới chính là tu học A La Hán. Như thường tu học A La Hán pháp, người thọ hành Bát Quan Trai Giới này, chẳng bao lâu, trong tương lai ắt

chúng được A La Hán quả. Tuy hôm nay còn là một kẻ phàm phu, song nhờ thân cận chỗ A La Hán, cùng A La Hán gần gũi, nên gọi là Cận Trụ Luật Nghi.

Danh nghĩa của Bát Quan Trai Giới tóm tắt giải nghĩa như vậy. Chúng ta có thể thấy rõ ràng: tu Bát Quan Trai Giới trong vòng tròn có một ngày một đêm, thanh tịnh thân tâm, phòng hộ giữ mình. Tuy chưa xuất ly tam giới ngay được, nhưng nhờ nương công đức Trai Giới này, gieo trồng hạt nhân xuất thế thù thắng; tương lai chắc chắn được giải thoát. Học Phật mục đích quan trọng và lớn nhất chính là sự giải thoát dứt sanh tử, như nếu chưa đạt được giai đoạn này thì rồi sẽ lại bị chìm đắm trong biển sanh tử mãi không ngày ra. Chư Phật vì muốn hóa độ chúng sanh nên đặc biệt chỉ bày pháp môn hy hữu, phương tiện tối thắng này. Mong chư vị thọ giới không nên xem thường đó vậy!

(1) Ba ác: tức tam ác đạo gồm súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục.

(2) Tám nạn: Tám sự chướng ngại việc gặp Phật, nghe Pháp nên gọi là Nạn, gồm: Địa ngục; ngạ quỷ; súc sanh; Uất Đan Việt (còn gọi là Bắc Câu Lô Châu), nơi đây thọ báo khoái lạc, không còn sự khổ; Trường Thọ Thiên (chỉ Sắc Giới và Vô Sắc Giới), nơi đó được an ổn trường thọ; đui điếc câm ngọng; thế trí biện thông: trí thông minh của thế gian; Phật tiền Phật hậu: sanh ra trước hay sau đời có Phật.

Phẩm Phương Tiện kinh Duy Ma Cật nói: “Khi Bồ Tát thành Phật, nơi quốc độ không có ba ác và tám nạn”. Tịnh Tâm Giới Quán Pháp nói: “Gốc sanh 448 thứ bệnh do nơi ăn đêm, gốc sanh ba ác tám nạn do nơi nữ nhân”.

### Chương 3 Chế Lập Duyên Khởi

Tất cả Giới Luật trong Phật giáo đều do đức Phật chế, có hai loại khác nhau: Một loại phải đợi nhân duyên mới chế, một loại không cần. Loại có nhân duyên rồi chế là Thanh Văn Luật Nghi Giới; loại không cần nhân duyên là Bồ Tát Tam Tụ Giới. Gọi là “đợi nhân duyên mới chế” là vì phải có một nhân duyên nào xảy ra, đức Phật mới nhân đó chế giới. Cho nên Sa Di có nhân duyên chế lập Sa Di Giới, Tỳ Kheo có nhân duyên chế lập Tỳ Kheo Giới. Hiện nay quý vị thọ Bát Quan Trai Giới là một loại Luật Nghi Giới, tất nhiên phải có duyên khởi chế lập của nó. Đại Thừa Bồ Tát Giới không vậy, do Như Lai nhất thời chế lập, trong một lần Ngài chỉ bày cặn kẽ giới Đại Thừa Bồ Tát mà chẳng phải đợi đến một nhân duyên nào xảy ra mới chế giới. Cho nên giới Đại Thừa, Tiểu Thừa không chỉ khác nhau ở nội dung mà còn khác ở phương thức chế lập.

Đức Phật vì chúng ta chế Bát Quan Trai Giới do nhân duyên nào, đó là điều hôm nay tôi muốn trình bày đến chư vị. Chư vị phát tâm thọ Bát Quan Trai Giới, điều này thực tốt, song nếu không biết duyên khởi chế lập Bát Quan Trai Giới thì thực không mỹ mãn.

Câu thọ Bát Quan Trai Giới, thực mà nói, vốn không cần hạn định thời gian, như thọ hằng ngày cũng được, một tháng thọ hai mươi ngày, mười lăm ngày gì cũng được. Thọ càng nhiều ngày càng được lợi ích, song vì một số người đầu óc rối ren chuyện gia đình, vì để duy trì đời sống gia đình, đôi khi phải cầu niềm vui thể tục, không thể xả bỏ hết được, cũng không có nhiều thì giờ để thường đến thọ Bát Quan Trai Giới. Đức Phật vì muốn thích ứng với thời gian của mọi người nên chế định thọ bát trong lục nhật trai. Như kinh Ưu Bà Di Đọa Xá Ca thuyết minh cho điều này: “Người ta có nhiều nỗi lo chuyện nhà, cho nên ta dùng cách cho thọ Bát Giới trong lục nhật trai. Nếu có người hiền thiện nào muốn được quả A La Hán, muốn mau thành Phật, hoặc muốn sanh Thiên, phải tự

đoan nghiêm tâm, nhất ý bất loạn, một tháng mười lăm ngày trai cũng tốt, hai mươi ngày trai cũng tốt. Người lo nhiều chuyện gia đình chỉ cần một tháng sáu ngày”. Đức Phật chế định thọ Bát Quan Trai vào lục trai nhật hoàn toàn vì hàng tại gia học Phật.

Theo tình hình hiện nay xét, phải nói rằng sự chế định này của đức Phật quả là sự chọn lựa từ nơi trí huệ của Ngài, bởi vì đến cái thời đại phát triển máy móc này, đừng nói một tháng thọ bát sáu ngày khó làm, mà đến một tháng một ngày cũng không phải dễ. Ngày xưa vào thời đại nông nghiệp, công việc đã không bận bịu như ngày nay, mà đời sống cũng không chật vật như hiện giờ. Cứ xem tình trạng hiện nay, ai nấy cũng bận cả ngày, bận đến bù đầu bù cổ, đến chuyện nhà còn lo không xuể. Vì vậy, từ vợ đến chồng cả ngày lo chuyện gia đình, giờ lại bảo ông hay bà bỏ chuyện nhà đi thọ bát thì quả là chuyện nan đăc. Bởi thế, quý vị trong trăm thứ lo, bỏ chút thời giờ nghỉ thọ Bát Quan Trai Giới, thực rất đáng tán thán.

Bậc Đại Thánh Thích Ca Mâu Ni xuất hiện cách đây hơn 2.500 năm quan sát tình thế lúc ấy, biết thế nhân không dễ thọ giới, nên mới chế trong lục nhật trai thọ Bát Quan Trai Giới, phải nói đức Phật đã sớm biết thời kỳ Mạt Pháp càng khó thực hiện. Sự thực quả vậy, đừng nói một tháng sáu ngày, một tháng một ngày cũng không mấy ai phát tâm.

Lục trai nhật đức Phật chế định là sáu ngày nào? Theo nông lịch của chúng ta thì vào các ngày 8, 14, 15, 23, 29 và 30 mỗi tháng. Nhưng vì nông lịch có tháng đủ, tháng thiếu không có ngày 30, phải lấy 28 và 29 thế 29 và 30, như vậy vẫn đủ một tháng sáu ngày.

Hàng cư sĩ tại gia thọ Bát Quan Trai Giới danh xưng khác với hàng cư sĩ không thọ Bát Giới. Dù thọ Tam Quy Ngũ Giới nhưng không thọ Bát Quan Trai Giới thì chỉ gọi là Ưu Bà Tắc hoặc Ưu Bà Di. Còn nếu có thọ Bát Quan Trai Giới thì được gọi là “tịnh hạnh ưu

bà tặc” hoặc “tịnh hạnh ưu bà di”. Tịnh hạnh ở đây có tánh cách rất trọng yếu. Như thọ Ngũ Giới vốn không chủ trương tuyệt hẳn dâm dục, sự quan hệ chính thường giữa vợ chồng vẫn được chấp nhận, cho nên gọi là “tận hình thọ bất tà dâm” (đến chết không tà dâm). Nhưng trong một ngày đêm thọ Bát Quan Trai Giới, chẳng những không được tà dâm, mà ngay đến sự quan hệ chính thường giữa vợ chồng cũng bị cấm chỉ, cho nên khi tuyên giới thường nói: “Nhất nhật nhất dạ bất dâm dục” (một ngày một đêm không dâm dục) là để hiển thị tinh thần hoàn toàn thoát ly quan hệ nam nữ. Có vậy mới thành chân chánh thanh tịnh hạnh. Cho nên tịnh hạnh ưu bà tặc, tịnh hạnh ưu bà di chẳng phải hành Tam Quy Y, thọ Ngũ Giới mà được gọi. Phải thọ Bát Quan Trai Giới vào lục nhật trai mới có danh xưng là “tịnh hạnh”.

Phật pháp nói chữ “trai” trong lục trai nhật, chủ yếu chỉ thọ Bát Quan Trai Giới. Điều này đã giảng trong phần Danh Nghĩa. Nhưng thuở giờ nhiều người ngộ hội, cho rằng ăn chay là Trai, cho nên dân gian vẫn thường hay nói: “Phát tâm tin Phật, ăn chay trường kỳ gọi là trường trai. Còn nếu chỉ phát tâm ăn chay vào sáu ngày gọi là hoa trai”. Đúng vậy, chỉ chuyên ăn chay không còn ăn thịt là điều Phật pháp đề xướng cực lực, hy vọng trong lúc trường trai, bồi dưỡng tâm đồng tình, tăng trưởng tâm từ bi. Nhưng nói chính xác: Trai của Phật pháp không phải chỉ ăn chay, còn phải thọ trì giới “không ăn quá ngọ” và các giới của Bát Giới, mới được là chơn chánh trì trai. Điều này chúng ta cần phải phân biệt cho rõ, không nên nhập bừa làm một.

Nhân duyên chính đức Phật chế định cho thọ Bát Quan Trai Giới trong lục nhật trai là để cho hàng tại gia nhị chúng gieo trồng căn lành giải thoát, thú hướng xuất ly, nên vào những ngày lục trai, nên đến trước chư Tăng thỉnh truyền tám giới này, nương nhờ thời gian ngắn ngủi này xa rời mọi sự phiền lụy ở thế gian, chuyên tâm nhất chí tu học Phật pháp để tuy thân còn ở nhà mà không hề bị bụi trần làm mê, vững bước trên con đường giải thoát. Đức Phật đại từ đối



với sự hóa độ hàng đệ tử này, một mặt quan sát tìm thời gian cho họ tu học, một mặt không quên dẫn dắt họ hướng đến giải thoát. Đây là thiện xảo phương tiện của Ngài. Đức Phật luôn vì chúng ta nghĩ bày, chúng ta nên tuân theo sự chỉ dạy của Ngài thực hành từng bước chắc, để khỏi cô phụ ân đức hóa độ của Ngài.

Tại sao thọ Bát Quan Trai Giới vào các ngày lục trai? Căn cứ theo Kinh, Luật, có hai lý do khác nhau, phân biệt như sau:

a. Thứ nhất, theo ngài Long Thọ trong Trí Độ Luận: sở dĩ đức Phật chọn lục trai nhật tu Bát Quan Trai Giới vì theo truyền thuyết của các tôn giáo cổ bên Ấn, trong sáu ngày này thế gian thường có loài quỷ dữ theo sau con người, rình đoạt lấy sanh mạng. Nếu không đoạt mạng thì cũng gây cho họ chuyện nghịch ý. Vì vậy, vào thời kỳ dân trí chưa mở mang, người ta cho rằng sáu ngày là những ngày cực xấu, và ai cũng sợ hãi khi tới những ngày này. Do vậy, theo truyền thuyết có một vị thánh nhân đại trí huệ, vì muốn trừ diệt sự khủng bố này, nên dạy mọi người phải làm phúc, tu thiện vào sáu ngày đó. Nhưng sự trì trai tu phúc đó không giống sự thọ trì Bát Quan Trai Giới của Phật giáo, chỉ dạy cả ngày đừng ăn gì cả, vì cho rằng như vậy quỷ dữ không theo được. Theo Phật giáo thì quỷ phần nhiều là nạ quỷ, các tôn giáo xưa của Ấn Độ cũng đều nhận như vậy. Bởi vì là nạ quỷ (quỷ đói) nên khi thấy người ăn uống, phải chịu đựng cơn đói rất là khổ sở. Nếu may gặp loại quỷ có chút thiện lương, có khổ sở và đói cũng nhẫn nại chịu đựng. Còn chẳng may gặp quỷ dữ ắt sanh khởi ác tâm, cho rằng tại sao loài người được no đủ mà mình chịu đói khát nên nghĩ cách làm khổ con người. Rồi thì loài người vì tránh họa quỷ nên trong ngày đó không dám ăn. Đó là truyền thuyết của Ấn Giáo.

Các tôn giáo cổ ở Ấn đã bày ra lục trai nhật, và truyền đến đời Phật vẫn được thịnh hành. Bây giờ, đức Phật thấy trì trai tu phúc là một việc tốt, nhưng Ngài sửa đổi lại thành Bát Quan Trai Giới, dạy mọi người: trì trai tu thiện làm phúc rất đúng, nhưng đâu phải chỉ trọn

ngày không ăn là đủ, còn phải trì giới mới thực sự trừ tai tránh nạn được. Như Trí Độ Luận nói: “Phải như chư Phật giữ tám giới trong một ngày một đêm, không ăn quá Ngọ, công đức này đem mình đến Niết Bàn”. Đức Phật coi nặng chuyện không ăn quá Ngọ vì Ngài cho rằng tảo và Ngọ phạm, hai bữa này không ảnh hưởng đến sự đói khổ của naga quý, còn buổi chiều là giờ ăn của naga quý, nên hề thấy ai ăn thì naga quý phải chịu sự đói khổ dày vò. Vì lẽ ấy, đức Phật thay vì cấm ăn như Ấn Giáo, thì cấm ăn quá Ngọ và thêm các giới khác. Như vậy, không những tu thiện, tăng phúc, tiêu tai miễn nạn, mà còn nhờ công đức này đến được Niết Bàn. Do đây biết rằng nghi thức tôn giáo trì trai vào lục trai nhật không phải là của Phật giáo bày ra, mà có sẵn ở Ấn, đức Phật chỉ sửa đổi thành Bát Quan Trai Giới, để không phải chỉ trừ tai nạn, mà còn để gây trồng nhân xuất gia giải thoát. Đó là thiện xảo phương tiện của Phật.

Phật pháp sửa đổi nhiều lại nhiều nghi thức của Ấn giáo cổ xưa, như kinh Tạp A Hàm quyển 93 từng đề cập đến việc bà la môn dùng ba thứ lửa để tế tự. Đức Phật xem hành động đốt lửa tế trời của bà la môn hoàn toàn là mê tín. Nhưng khi đi hóa độ bà la môn, Ngài khéo dùng thiện xảo phương tiện, không trực tiếp chỉ cái sai lầm của họ, mà vẫn khen họ dùng tam hỏa tế trời rất hay, “nhưng có điều trong giáo pháp của ta, cũng có ba thứ lửa. Nếu được giống như thứ lửa của ta thì còn đạt được công đức vô kể”. Bà la môn nghe lầy lăm kỳ quái, không biết Ngài thờ lửa gì, nên cầu hỏi Phật. Ngài bèn khai thị: “Ba thứ lửa của ta là: Cúng dường cha mẹ gọi là lửa căn bản (gốc). Cúng dường vợ con, quyến thuộc gọi là lửa nhà. Cúng dường sa môn, bà la môn gọi là lửa phúc điền”.

Mục đích thờ lửa của bà la môn không ngoài mong muốn được chư thiên ban phúc, nhưng đâu biết chỉ như vậy thôi thì thực không sao đạt được phúc. Đức Phật nhận rằng cầu Thiên ban phúc chẳng bằng cầu phúc ngay ở thế gian hiển thật này. Đó là con đường cầu phúc hợp lý nhất, vì lẽ nơi gia đình không lỗi nhờ hiếu thuận cúng dường cha mẹ, làm cho tình vợ chồng thêm hòa thuận; về mặt tôn giáo thì

cúng dường sa môn, bà la môn được công đức vô cùng. Bà la môn nghe đức Phật nói, thấy được cách thờ lửa của Ngài rất hợp lý, nên vứt bỏ hết khí cụ thờ lửa, theo Ngài học đạo. Nên biết lửa đại biểu cho sự ấm áp. Quan hệ giữa người với người quan trọng nhất vẫn là đạt được sự ôn ấm. Gia đình và tôn giáo cũng vậy, phải được sự ôn ấm, nên gọi là tam hỏa (ba thứ lửa).

Ngoài ra còn có tín đồ thần giáo lễ bái sáu phương. Đức Phật cũng dạy lễ bái sáu phương, nhưng đó là nghĩa vụ giữa cha con, thầy trò, vợ chồng, bạn bè, quyến thuộc, chư Tổ, sư trưởng và tín đồ (Trung A Hàm: Thiện Sinh Kinh). Qua các sự việc trên, chúng ta đều nhận thấy: để cảm hóa tín đồ các tôn giáo khác, không nên đả kích, chê bai họ là sai trái, mà nên khéo léo dùng lý chỉ cái hay cho họ, người có chút lý trí ắt sẽ tiếp nhận mọi điều hợp lý, trừ ra những kẻ cực kỳ cố chấp. Đức Phật đã dùng lẽ lối này sửa đổi lại nhiều nghi thức của các tôn giáo cổ thành cách thức hợp tình, hợp lý của Phật giáo có nhiều hiệu quả hơn nữa. Vì vậy, trong Phật pháp có nhiều nghi thức căn bản không phải của Phật giáo lập ra.

Thứ hai, theo kinh Tứ Thiên Vương: Sở dĩ đức Phật cho thọ Bát Quan Trai Giới vào lục trai nhật, vào các ngày này, chư Thiên thường đến nhân gian để xem xét thiện ác. Vì vậy, đức Phật dạy đồ chúng: Mỗi ngày trai, các người phải chú ý tâm mình, xem hướng thiện hay hướng ác? Nếu là hướng thiện thì phải gìn giữ luôn luôn. Nếu là hướng ác thì phải lập tức dừng ngay lại. Chẳng những quan sát tâm như vậy mà ngay đến thân và khẩu cũng phải cẩn thận, không thể lơ đãng. Đức Phật dựa vào truyền thuyết của Ấn giáo: Đế Thích Thiên của Dục Giới đầy đủ phúc đức, bên dưới có Tứ Thiên Vương. Vào các ngày trai, Đế Thích sai sứ giả đi tuần tra nhân gian, xem thiên hạ làm thiện nhiều hay ác nhiều. Nếu ác nhiều thì trừng phạt, gây cho nhân loại nhiều điều nghịch ý. Nếu thiện nhiều thì ủng hộ bằng cách cho nhân loại nhiều việc tốt lành. Đó là trách nhiệm của Tứ Thiên Vương. Theo trong kinh: Ngày 8 mỗi tháng, Tứ Thiên Vương phái sứ giả đi tuần tra nhân gian, xem

hoạt động của nhân loại, bất luận thiện hay ác đều phải báo cáo, như ông Táo của Trung Quốc có bức liễn đề: “Trên trời tâu chuyện tốt, dưới đất được bình an”. Ngày 14 của mỗi tháng, sai Thái Tử của Tứ Thiên Vương đi tuần tra. Ngày 15, Tứ Thiên Vương đích thân đi. Ngày 23 lại sai sứ giả tuần xét. Ngày 29 đến Thái Tử tuần tra. Ngày 30 Tứ Thiên Vương đi xem xét. Luận Tỳ Bà Sa quyển 41 nói: “Vào các ngày trăng sáng, tối, thường ngày 8 hoặc 14, hoặc 15, chư thiên 33 tầng trời tập họp ở Thiên Pháp Đường, luận kể thế gian bao nhiêu thiện ác, thấy người làm thiện thì ủng hộ, thấy người làm ác thì hủy đi”. Đế Thích cân nhắc việc thiện ác ở thế gian, hoàn toàn theo lời báo cáo của Tứ Thiên Vương. Trong kinh nói: Chư thiên đi tuần nhân gian, nếu thấy nhân loại trì giới như pháp, cần hành bố thí, hiếu thuận cha mẹ, liền báo với Thiên Đế Thích. Đế Thích hoan hỷ ban phúc cho nhân loại, khiến thế gian mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an. Nếu ngược lại, nhân loại hẳn không thể sống bình yên. Đế Thích có kệ: "Tháng sáu ngày thần du, thọ trì thanh tịnh giới, người này mạng chung rồi, công đức chẳng khác tôi". Đức Phật nghe Đế Thích nói kệ rồi, liền bảo các tỳ kheo: “Đế Thích nói kệ tuy không phải cứu cánh, nhưng không phải là sai, các ông nên tin vậy”.

Như vậy, chúng ta biết rằng: Bất cứ nơi đâu, chỉ cần có người thọ trì Bát Quan Trai Giới thì ác quỷ nào cũng phải lánh xa, nơi đó được tốt lành, nên nơi sáu ngày đó thọ trì Bát Quan Trai Giới được công đức nhiều hơn các ngày khác. Có điều ở đây xin mọi người lưu ý để tránh hiểu lầm, đừng cho rằng trong sáu ngày có chư Thiên lai vãng nên quy quy củ củ, không dám làm bậy, qua trai nhật rồi đâu lại vào đó. Nên biết rằng làm người ở thế gian này, bất cứ lúc nào, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều phải như pháp thanh tịnh, hành vi phải hợp đạo lý.

Theo Thành Thật Luận: “Tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín gọi là ba tháng lành, là tháng Tỳ Sa Môn thiên vương phân trần Nam Châu”, tại gia nhĩ chúng nên thọ trai phúc, tại sao trong kinh chưa

nói đến? Thọ trai vào ba tháng lành đối với Phật đương nhiên là chuyện tốt vô cùng, nhưng đối với tục nhân thực khó mà thi hành nên phải tùy thuận sức và khả năng họ, không bó buộc cứng nhắc ép họ phải thực hành. Còn lục trai nhật vì thời gian ngắn, thực hành tương đối dễ, không đến nỗi cảm thấy bất tiện, nên đức Phật chọn thọ Bát Quan Trai Giới vào lục trai nhật.

## Chương 4 Công ích thù thắng

Thọ giới, bất cứ giới nào cũng có công đức của nó. Thọ Ngũ Giới có công đức của Ngũ Giới. Thọ Bát Giới có công đức của Bát Giới. Chư vị hiện thọ Bát Giới, công đức như thế nào? Trước hết, phải so sánh với công đức của Ngũ Giới thì mới rõ được công đức thù thắng của sự thọ trì Bát Quan Trai Giới và mới có thể kiên quyết tín nguyện, thọ trì.

Trong kinh nói: “Giả sử có người nào phát tâm dùng y phục, ẩm thực, thuốc men, giường nằm cúng dường cho chúng sanh trong khắp bốn phương, như vậy cho đến cả trăm năm trường kỳ cúng dường, công đức người này tất nhiên không thể nghĩ bàn. Nhưng cho dù công đức có nhiều đến đâu đi nữa, cũng không bằng công đức thọ trì Bát Quan Trai Giới trong vòn vẹn một ngày đêm”. Giới đức cao tột, thù thắng, điều này ở đây có thể chứng minh.

Thọ trì Ngũ Giới, tuy có công đức lớn, nhưng so với công đức thọ trì Bát Quan Trai Giới còn kém xa. Trong Trí Độ Luận, ngài Long Thọ thí dụ rất hay: “Thí dụ như vị tướng đem quân đi đánh trận. Nếu khiếp nhược nhất gan thì dầu có nhiều năm tác chiến cũng không thể tạo công lao phá địch. Còn nếu là viên dũng tướng uy mãnh, mau lẹ phá tan cường địch, chỉ trong một ngày lập nên công lớn trong thiên hạ. Phải hiểu công đức của Ngũ Giới và Bát Giới không đồng, cũng giống như vậy”. Bởi Ngũ Giới chỉ có thể lìa tà dâm, chưa thể trừ tận căn của Dục. Bát Giới đoạn trừ hết dâm, không còn bị dục nhiễm làm loạn, sự tương đồng với vô lậu. Thời gian tuy chỉ một ngày một đêm, song được rất nhiều giới hạnh, cho nên công đức vượt xa Ngũ Giới.

Tuy nhiên, cũng có điểm phải cần nói rõ. Bất luận thọ trì Ngũ Giới hay Bát Giới, theo Đại Trí Độ Luận, điều quan trọng nhất là phải phát tâm rộng lớn. Có phát tâm rộng lớn thì tuy giữ giới một ngày



đem vẫn đạt được phúc đức thù thắng, nếu không phát tâm rộng lớn đầu giữ Ngũ Giới đến trọn đời, cũng chỉ được phúc đức hữu lậu. Thế nên các vị phát tâm thọ Bát Quan Trai Giới, không nên vì giải thoát hay công đức riêng mình, mà nên vì tất cả chúng sanh thọ giới hạnh này, nghĩa là không xem công đức thọ giới là của riêng mình, mà coi như của chúng sanh chung có, nguyện cùng chúng sanh đồng hướng đến quả vô thượng Phật đạo. Như vậy mới có thể đạt được công đức tối thắng. Đại Thừa Phật Giáo rất đặc sắc ở chỗ muốn mỗi người đệ tử bất luận làm việc công đức lành nào, cũng vì nghĩ tưởng đến hết thảy chúng sanh, không bao giờ vì lợi ích riêng tư của mình.

Hoàng Nhất Luật Sư nói: “Ngũ Giới, Bát Giới đều thuộc về Tiểu Thừa, thế nhưng muốn thọ Giới Phẩm phải phát Đại Bồ Đề tâm. Chưa thể riêng tu thiện cho mình, thiên câu tịch diệt, tuy vẫn Khai, Giá, Trì, Phạm, song không khác Thanh Văn. Phải nên đồng như bậc Đại Sĩ mà phát tâm hành thọ, như hăng tin trong sạch, nỗ lực tu tiến”. Luật Sư lại nói: “Bát Giới thông cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Tiểu Thừa như các luận Thành Thật. Đại Thừa tức Bồ Tát Bát Giới, như các kinh Văn Thù Vấn hoặc Bát Chúng Trưởng Dưỡng Công Đức đều nói rõ. Chúng ta đã thọ Bồ Tát Giới, nay thọ Bát Giới tức là Đại Thừa Bát Giới vậy”.

Cho nên đã thọ Bồ Tát giới, cũng có thể thọ Bát Quan Trai Giới. Ai bảo thọ Bồ Tát giới rồi, khỏi cần thọ Bát Quan Trai Giới thực là lầm. Cứ như lời Hoàng Nhất Đại Sư thọ Bồ Tát giới và thọ Bát Quan Trai Giới đã không lập lại, cũng không trở ngại nhau.

Công đức thọ Bát Quan Trai Giới thuộc vô lậu, và còn là Đại Thừa nên công đức hữu lậu thế gian không thể so được. Vì vậy, đức Phật đã từng trách mắng Đế Thích. Một hôm, Đế Thích nghe đức Phật nói các công đức thù thắng của Bát Quan Trai Giới, liền vui mừng tán thán: “Tháng Sáu ngày thân du, phụng hành tám Trai Giới, công đức thù thắng này, đồng với tôi không khác”. Một số người

nghe tu Bát Quan Trai được công đức đồng như Đế Thích rất hoan hỷ, song đức Phật quở Đế Thích: “Ông nói không đúng đạo lý. Ông cũng không đủ tư cách để nói lời này. Chỉ có bậc A La Hán mới nói như vậy được! Vì sao vậy? Đế Thích ông nên biết: Ông đã không xa rời các phiền não tham, sân, si, cũng không giải thoát được khổ lớn sanh, lão, bệnh, tử, biết bao ưu sầu khổ não còn vây chặt thân tâm ông. Sao lại dám bảo thọ trì Bát Quan Trai Giới được công đức như ông? Thực ra, công đức của ông chỉ có thể cảm thọ được quả báo Đế Thích, còn công đức của người thọ trì Bát Quan Trai Giới đủ chứng được quả Bồ Đề xuất thế của tam thừa thánh. Như bậc A La Hán xả gánh nặng sanh tử mới có thể bảo công đức của người thọ Bát Quan Trai Giới đồng với ta không khác”. Như vậy, chúng ta thấy rõ: phúc đức của Đế Thích so với công đức vô lậu của Bát Quan Trai Giới thật là một trời, một vực.

Hơn nữa, công đức thọ trì Bát Quan Trai Giới chẳng những tương đồng với các công đức A La Hán, mà còn là Bồ Tát ở thế gian. Trong Văn Thù Vấn Kinh nói: “Bồ Tát thế gian chính là tám giới” (Thế gian Bồ Tát, Bát Giới giả thị). Vậy đủ thấy muốn làm vị Bồ Tát ở thế gian cũng chẳng khó mấy. Chỉ cần phát đại Bồ Đề tâm thọ trì Bát Giới liền thành thế gian Bồ Tát. Công đức thọ trì Bát Giới còn hơn nữa. Như trong kinh Xử Thai nói: “Bát Quan Trai Giới là cha mẹ chư Phật”. Có thể nói công đức này đồng với chư Phật, thậm chí chư Phật đều do Bát Quan Trai Giới mà sanh. Kinh Kim Cương nói: “Tất cả chư Phật và pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề đều từ kinh này mà ra”. Dựa theo câu này, có thể bảo rằng: “Hết thầy chư Phật và các pháp Tam Miệu Tam Bồ Đề đều do từ Bát Quan Trai Giới mà ra”. Như thế, công đức thù thắng của Bát Quan Trai Giới thực là không thể nghĩ bàn.

Luận Bồ Tát Bốn Sinh Man cũng nói rõ công đức Bát Giới như sau: “Nếu có người có thể trì pháp Bát Trai Giới, tuy họ không mặc y phục hoa lệ, nhưng họ có y phục tâm quý (3). Phải biết y phục tâm quý trang nghiêm hơn hết mọi y phục. Người thọ trì Bát Giới

trai pháp, tuy không có bức tường ngăn chặn trộm cướp bên ngoài lên vào trộm của báu, nhưng họ có thành trì vô hình, chế ngự oán tặc lục căn cướp đoạt công đức nội tâm”. Nói theo Phật pháp, của cải có mất cũng không đáng tiếc. Pháp Bảo mất mới đáng tiếc. Muốn Pháp Bảo không bị trộm mất, phải xây tường Trai Giới. Thọ Bát Quan Trai Giới dù là chúng tộc thấp hèn như Chiên Đà La, nhờ thọ Bát Giới cũng ở địa vị của thánh, trải qua một thời gian chứng thành Thánh Quả. Nhờ vậy, Bát Giới thật cao quý. Ngày xưa, Ấn Độ cho anh lạc là món trang sức cao quý. Người thọ Bát Quan Trai Giới tuy không có anh lạc, châu bảo, nhưng nhờ có Bát Giới Trai Pháp trên thân nên được đủ các thiện pháp công đức trang nghiêm thân. Hơn nữa, loại trang nghiêm này không một bảo vật nào ở thế gian có thể bì được. Kinh Ưu Bà Tắc Giới, phẩm Bát Giới Trai nói: “Bát Giới Trai tức chính là anh lạc trang nghiêm vô thượng Bồ Đề”. Như vậy, người thọ trì Bát Giới Trai Pháp tuy không có thất bảo, kim, ngân, nhưng chứa đủ bảy pháp tài (4) của nhân thiên, không cần cầu bè cũng băng qua được hiểm đạo.

Công đức thọ trì Bát Giới thù thắng như vậy, cho nên trong kinh cũng nói: “Dùng tất cả trân bảo của mười sáu nước lớn cúng dường các tỳ kheo tăng không bằng công đức trì giới một ngày đêm”. Tát Bà Đa Luận cũng nói: “Nếu có vị vua Diêm Phù Đề hành hạnh bố thí rộng lớn, khiến cho hết thảy nhân dân được đủ các bảo vật, công đức này rất lớn, nhưng so với công đức thọ trì Bát Giới Trai Pháp, công đức vua Diêm Phù Đề chưa bằng một phần mười sáu”. Các kinh, luận sở dĩ tán thán công đức Bát Giới như vậy vì đây là căn bản của xuất gia lìa tục, là hạt giống đặc tam thừa Bồ Đề, cho đến thành Phật cũng do một niệm thọ trì Bát Giới Trai Pháp.

Thọ trì Bát Giới công đức thù thắng như vậy, ắt tự nhiên có thể trừ diệt các tội. Điều này trong kinh Thiện Sanh nói rất rõ: “Thọ trì Bát Giới có thể trừ được các tội nặng Ngũ Nghịch”. Kỳ dư, các tội khác dĩ nhiên không thành vấn đề. Ngũ Nghịch gồm các tội: giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra

máu. Các tội nặng này tương lai phải chịu quả khổ Vô Gian. Nhưng hiện tại nhờ thọ trì Bát Giới, tội nặng Ngũ Nghịch liền được tiêu trừ, công đức thù thắng của Bát Trai Giới quả khó nghĩ bàn. Trong Trung A Hàm Kinh cũng nói: “Hàng thánh đệ tử đa văn, khi trì tám giới này, ghi nhớ mười hiệu của Như Lai, nếu có các điều bất thiện nghĩ ác đều được trừ diệt”. Hàng đa văn thánh đệ tử còn phải nương công đức này để diệt trừ tội khiên, tu thiện tiến đức, vậy những ai muốn trừ tội tăng phúc nên nhân cơ hội này thọ trì Bát Trai Giới.

Thọ trì Bát Trai Giới được công đức thù thắng như vậy, không phải là vấn đề, vấn đề ở chỗ trong thời gian ngắn ngủi một ngày một đêm làm sao cho tịnh niệm tương tục, để gìn giữ cho thân tâm thanh tịnh, nhờ vậy mới đạt được công đức như nói ở trên. Nếu không, do vì tâm không nhất niệm, tương Đông nghĩ Tây, không chú tâm vào Trai Giới, nên công đức không sao thành tựu! Cho nên trong một ngày đêm thọ Trai Giới, phải buông bỏ hết mọi việc thế tục, đem trọn thân tâm tẩm gội trong Phật pháp, chịu sự thâm nhuần của Phật pháp và tương ưng với pháp Phật. Nếu chỉ làm hùa theo người, thọ giới thì thọ giới, nhưng chưa hề chuyển theo giới, kết quả một ngày trôi qua luống không, thực là đáng tiếc.

Tịnh niệm cũng tương tục, cố nhiên là phương pháp rất tốt để bảo trì cho Bát Giới thanh tịnh. Ngoài đây ra, trong Thành Thật Luận nói: “Có năm pháp có thể khiến cho giới hạnh được thanh tịnh. Thứ nhất, trong thời gian thọ giới có thể đúng pháp hành Thập Thiện. Thứ hai, trong thời gian thọ giới, đoạn trừ hết các điều gây náo hại cho chúng sanh từ trước hay sau này, không còn làm chúng sanh chịu khổ nữa. Thứ ba, trong thời gian thọ giới, không để cho ác tâm làm náo loạn nội tâm, tức không để cho các niệm không chánh đáng khởi lên, để khởi trở ngại cho sự thanh tịnh của giới hạnh. Thứ tư, trong khi thọ giới luôn luôn nhớ tưởng Phật, Pháp, Tăng, Giới, Xả, Thiên để thủ hộ cho giới hạnh. Dựa vào công đức của sáu niệm này, bảo trì cho giới hạnh thanh tịnh. Thứ năm, trong khi thọ giới, nguyện đem công đức trì giới này hồi hướng đến Cứu

Cánh Niết Bàn, quyết không dùng công đức này cầu phước báo nhân thiên. Thọ Trai Giới như vậy giới hạnh ắt thanh tịnh”.

Tỳ Bà Sa Luận phân biệt công đức thọ trì Bát Giới có được đại quả hay không bằng năm câu:

- Thứ nhất, như có người tự tại thọ Trai Giới này, biết nhà bếp sắp sát sanh để nấu cho mình ăn, người ấy bảo đầu bếp: “Hôm nay tôi thọ Trai Giới nên không sát sanh, hãy cất đi, để mai làm chưa muộn”. Đó là quan niệm chung của mọi người. Lại có người lính chiến, bắt địch quân giải đến thượng quan, xin xử tội kẻ địch. Thượng quan bảo: “Hôm nay tôi thọ Trai Giới không thể sát sanh, nhốt lại mai giết cũng được”. Thọ Bát Trai Giới kiêu này, căn bản nghiệp đạo tuy thanh tịnh, song cận phận thì không thanh tịnh. Đức Phật bảo tuy là thắng nghiệp, song không đủ để chứng đại quả.

- Thứ hai, lại có người thọ Bát Trai Giới, chẳng những căn bản nghiệp đạo rất thanh tịnh mà cận phận cũng rất thanh tịnh. Nhưng bị dục tâm tư (5), khuể tâm tư và hại tâm tư gây tổn hại. Thọ Trai Giới như thế vẫn chưa phải là lý tưởng. Phải biết ba loại tâm tư: dục, khuể và hại, là một thứ ác phân biệt. Có chứa sự phân biệt bất chánh này nội tâm không sao thanh tịnh được, và dĩ nhiên ảnh hưởng đến sự thủ trì giới hạnh. Chính do cái ác tâm tư nhiễu loạn tâm linh này mà đức Phật nói người phát tâm thọ giới và giới họ thọ tuy là thắng nghiệp, nhưng không thể nhờ đó mà đạt được đại quả.

- Thứ ba, còn có người thọ Trai Giới này chẳng những căn bản nghiệp đạo và cận phận rất thanh tịnh, hơn nữa, cũng không bị ác tâm tư gây tổn hại, tất nhiên rất khó được. Nhưng vẫn không lý tưởng vì họ chưa khởi được chánh niệm, không nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên, và vẫn còn hiện khởi các niệm bất chánh đáng. Do vì vọng niệm không ngừng hiện hành nên tâm không sao an trụ được nơi tịnh

giới, do đó, không thể cầu thanh tịnh giới hạnh được. Chính vì vậy, đức Phật nói người phát tâm thọ giới này và giới họ thọ tuy là thắng nghiệp, song không chứng được đại quả.

- Thứ tư, lại có người thọ trì Bát Trai Giới, căn bản nghiệp đạo cũng như cận phận đều thanh tịnh, cũng không bị ác tâm tư làm tổn hại, lại hay đề khởi chánh niệm, thực là nan đắc, nhưng vẫn không mỹ mãn. Vì họ vẫn không thể đem công đức thọ trì Bát Giới hồi hướng về quả xuất thế giải thoát, chỉ mong cầu sanh thiên hưởng lạc. Do vậy, đức Phật nói người thọ giới này và giới họ thọ tuy là thắng nghiệp, song không chứng được đại quả.

- Thứ năm, lại có người thọ giới này, nghiệp đạo căn bản và cận phận đều thanh tịnh, cũng không bị ác tâm tư tổn hại, nhiếp thọ chánh niệm, hồi hướng giải thoát. Đức Phật bảo người này và giới họ thọ chẳng những là tu thắng nghiệp mà còn chứng được đại quả. Theo Tiểu Thừa là giải thoát Niết Bàn, theo Đại Thừa là Phật Quả Bồ Đề.

Thọ trì Bát Giới xác thực có công đức thù thắng, nên phải thường phát tâm phụng hành Bát Giới. Có điều trong xã hội máy móc này, nếu cứ vào lục trai nhật thì ít có người thọ được. Vì vậy, tối thiểu mỗi tháng một lần. Hoàng Nhất Luật Sư nói: “Nếu thấy một tháng sáu ngày hơi nhiều, có thể giảm xuống một hay hai ngày. Bởi chỉ cần một ngày còn có công đức lớn, huống là cả sáu ngày”. Tuy nhiên khi phát tâm thọ giới, bất luận là trước hay sau, hoặc trong khi thọ giới, phải nghiêm túc dùng tám giới rửa sạch thân tâm khiến thân tâm tương ứng với giới. Như vậy mới được thanh tịnh và đủ công đức thù thắng.

(3) Tàm quý: là hai thiện pháp đứng đầu trong mười một thiện pháp của tâm sở. Tàm có nghĩa là tự thẹn mình, quý có nghĩa hổ thẹn với người.



(4) Thất pháp tài: Gồm bảy tài bảo dùng làm pháp xuất thế, còn gọi là Thất Thánh Tài.

1. Tín tài: Tín mới thọ trì chánh pháp được, nên Tín chính là tư lương (tài) để đến quả Phật.

2. Tiến tài: Chưa thấy lý Chân Đế, song nhất tâm tinh tiến cầu đạo xuất thế, nên là tư lương để thành Phật.

3. Giới tài: Giới là căn bản của đạo giải thoát, có công năng ngăn chặn và phòng hộ các lỗi quấy nơi thân khẩu ý nên là tư lương để thành đạo.

4. Tàm Quý tài: Do tàm quý nên không tạo ác nghiệp, nên là tư lương để đến quả Phật.

5. Văn tài: Văn đứng đầu trong Tam Huệ, nhờ Văn nên Tư, có Tư mới có Tu, nếu được nghe Phật thuyết pháp, ắt khai phát diệu giải, tu hành đúng Pháp, nên là tư lương để thành đạo quả.

6. Xả tài: Xả tức là xả thí, nếu vận dụng được tâm bình đẳng, không tác ý thương ghét, tùy sự cầu xin mà ban cấp tài vật hay thân mạng không chút luyến tiếc, nên là tư lương để thành đạo.

7. Định Huệ tài: Định Huệ là Chỉ Quán, Định nên nhiếp tâm không loạn, đình chỉ vọng niệm. Huệ nên quán chiếu các pháp, phá tan tà kiến, nên là tư lương để thành Phật Quả.

(5) Tầm tư: Cự địch là Giác Quán. Thô tư gọi là Giác, tế tư gọi là Quán. Hai thứ này phương hại đến định tâm nên tùy theo có tầm tư hay không mà xét đoán định tâm sâu hay không.

## Chương 5 Thọ Giả Phân Biệt

Phần trên đã cùng chư vị hai lần bàn về giới đức thù thắng. Giới đức đã thù thắng như vậy, lẽ ra mọi người đều nên thọ Bát Quan Trai Giới để được công đức thù thắng. Song tuy nói vậy, nhưng không phải ai cũng có thể thọ Bát Quan Trai Giới. Muốn thọ phải đủ tư chất, nếu không, dù có phát tâm đến đâu đi nữa, cũng không được phép thọ giới. Như vậy, ai là người được thọ, ai là người không được thọ; do đâu phân biệt được điều này? Việc này trước khi thọ giới, phải tra xét kỹ càng xem họ có phải là pháp khí thọ giới hay không, rồi sau mới quyết định truyền giới. Trong Giới Luật, sự khảo xét trước khi truyền giới là “vấn già nạn”. Truyền Giới Sư phải hỏi tường tận người phát tâm xem có làm các điều gây nạn (“nạn”) hay ngăn che (“già”) việc thọ giới không? Nếu có thì gây trở ngại không ít cho việc thọ giới nên không thể cho thọ giới. Chú Yết Ma nói: “Trước khi thọ giới nên hỏi Già Nạn”, ý chỉ việc này.

Những việc gì chướng ngại cho sự thọ giới? Theo kinh Thiện Sanh, kể ra bảy điều ngăn che như sau:

- 1) Có từng trộm vật của hiện tiền Tăng không?
- 2) Có từng hành dâm với nam nữ trong lục thân không?
- 3) Có từng phá thanh tịnh hạnh của Tăng, Ni không?
- 4) Có từng bỏ mặc khi cha đang bệnh không?
- 5) Có từng bỏ mặc khi mẹ đang bệnh không?
- 6) Có từng bỏ mặc khi sư trưởng đang bệnh không?
- 7) Có từng giết hại người phát Bồ Đề tâm không?

“Tăng vật” là những đồ cúng dường chư Tăng, hoặc tài vật thuộc về Thường Trụ. Vật thường trụ theo Luật có bốn loại:

- Thứ nhất, Thường Trụ Thường Trụ, như phòng ở của chư Tăng, đồ dùng, hoa quả hay cây cối của chư Tăng trồng, vườn tược, đất đai của chư Tăng. Ở đâu thuộc về nơi đó, không được di chuyển đi nơi khác; cho nên gọi là “thường trụ”. Chư Tăng trụ trong phạm vi thường trụ này chỉ có thể thọ dụng, nhưng không được chia hay bán, phải để của này tồn tại vĩnh viễn nên lại gọi là “thường trụ”.

- Thứ hai, Thập Phương Thường Trụ, tức các đồ cúng dường cùng phẩm vật ăn uống cung cấp cho chư Tăng trong chùa chiền, chẳng những chư Tăng hiện tiền trong chùa được quyền thọ dụng mà ngay các khách Tăng từ nơi khác đến cũng được quyền dùng, cho nên gọi là “thập phương”. Các đồ dùng ẩm thực này thuộc về chùa, tuyệt đối không được đem đi nơi khác, nên gọi là “thường trụ”.

- Thứ ba, Hiện Tiền Thường Trụ, như có tín đồ nào phát tâm cúng dường tài vật, nói rõ là cúng cho chư Tăng trụ trong chùa này, hoặc cúng đích danh cho vị Tăng nào trong chùa, gọi là “hiện tiền”. Người phát tâm cúng thí như vậy nay đem vật cúng đó chia cho các người được cúng, không để lại chút nào, nên lại gọi là “hiện tiền”.

- Thứ tư, Thập Phương Hiện Tiền, như hàng ngũ chúng xuất gia sau khi chết, các di vật có thể phân chia, nên cử hành phép Yết Ma phân chia. Trước khi hành Yết Ma, các di vật của người mất thuộc về Thập Phương Tăng, bất luận ông Tăng khách từ đâu đến cũng được một phần. Còn nếu đã làm Yết Ma, hiện tiền Tăng chúng tự chia, bây giờ có khách Tăng nào lại cũng không được dự phần, gọi là “hiện tiền”.

Tăng vật có bốn loại bất đồng, nhưng chúng ta không có quyền trộm bất cứ loại nào. Nếu trộm Tăng vật, lỗi này rất nặng. Theo Phật pháp thì vật của Tam Bảo thứ nào cũng nặng, nhưng Tăng vật là nặng nhất. Trong kinh Phương Đẳng, Hoa Tụ Bồ Tát nói: “Năm tội nghịch, bốn tội trọng, tôi còn có thể cứu, trộm cắp Tăng vật, tôi

không cứu được”. Kinh Đại Tập nói: “Người trộm Tăng vật, tội đồng Ngũ Nghịch”. Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Người dùng Tăng Kỳ vật, tội còn hơn giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ”.

Ở đây hoặc có người hỏi: “Trộm Tăng vật tại sao tội lại nặng như vậy?” Phải biết đàn na tín thí cúng dường cho chư Tăng dầu một hạt gạo, cũng vốn muốn cúng cho mười phương các phàm thánh Tăng. Cho nên mỗi lần trong chùa nổi chuông, bất luận xa gần đều nghe, hoặc phàm hoặc thánh đều có thể thọ dùng. Như vậy, vừa trợ thành đạo nghiệp cho Tăng chúng, vừa được các phúc đức sâu kín. Vì vậy, trộm Tăng vật không kể nhiều ít, tội này không thể tha thứ.

Trong hàng đệ tử Phật có tỳ kheo Nguu Thí, tuy tu chứng A La Hán quả, nhưng vẫn có tướng ăn như trâu nhai cỏ. Có người hỏi Phật do nhân duyên gì mà có tướng như vậy? Phật bảo các vị tỳ kheo: “Quá khứ Nguu Thí từng ăn trộm năm sáu hạt gạo cho vào miệng nhai, vì vậy bị đọa làm bò năm trăm đời. Bò thường nhai cỏ như vậy, nên trải qua năm trăm đời đã thành tập quán. Vì thế, tuy tu chứng A La Hán mà tướng ăn vẫn vậy”.

Trộm dùng Tăng vật dĩ nhiên phần đông là người xuất gia. Hàng tục nhân, nhất là các tín chúng, rất ít phạm tội này, song không phải không có. Như hiện nay ở các nơi, hạng tự xưng là đại biểu tín đồ, đôi khách làm chủ, là hạng chuyên xâm tổn của Thường Trụ, đem Tăng vật chiếm cứ làm sở hữu của mình. Tín đồ Phật giáo như vậy chẳng những không đủ tư cách thọ Bát Quan Trai Giới mà còn không đủ tư cách để gọi là chánh tín Phật tử.

Đừng nói đến trộm dùng Tăng vật có lỗi lớn, ngay đến hàng chánh tín ưu bà tắc, ưu bà di cho đến các bậc chánh nhân quân tử cũng đều biết Tăng vật không dễ có, của này thọ dùng khó tiêu hóa, nên Tăng chúng có không chiêu đãi, cũng chẳng những không nên hài lòng mà còn nên sanh hoan hỷ, cho rằng đó là quy luật của Phật

pháp. Thế nên, tín chúng đến chùa phải có quan niệm chánh xác: “Đến vì Pháp, không đến vì ăn!”

Hiện nay là thời Mạt Pháp, ở khắp nơi đều thấy có người vì Pháp mà đến thì ít, mà đến để ăn thì đông. Không tin xin xem: Bất luận nơi nào, hễ là pháp hội giảng kinh, thính chúng lác đác dăm người. Trong số thính chúng lác đác này, số người thật lòng nghe Pháp lại càng lơ thơ. Ấy nhưng nếu pháp hội có đãi ăn thì luôn luôn đông đảo. Đó là chưa kể, đại đa số đều chờ đến gần giờ ăn mới tới. Đã không dự tụng kinh, lễ sám, lại ăn xong là đi. Chẳng những ở các đạo tràng không có thuyết pháp cũng vậy, mà ngay đến các đạo tràng thuyết pháp, có pháp để nghe cũng thế. Vậy mà có người cho rằng đó là điềm Phật pháp hưng thịnh, nhưng dưới mắt người hiểu Phật pháp thì điềm đó khác gì những nơi nhiệt náo ở thế gian, thật là điềm suy thoái của Phật pháp.

Thế nên làm đệ tử Phật, bất luận Tăng hay tục, phải thương tiếc vật của chư Tăng như thương quý con mắt, đã không dám dùng bữa, lại không dám lấy trộm. Quá khứ không biết tội này là nặng nên đã từng vi phạm, hiện tại phát tâm thọ giới, ắt phải sám hối cho thanh tịnh. Nếu không, tuyệt đối không được thọ giới. Cho dù vì không biết mà truyền giới cho bạn, bạn cũng không thể được giới thanh tịnh. Cho nên có từng trộm Tăng vật hiện tiền hay không, khi hỏi Già Nạn, phải đáp thành thật. Có nói có, không nói không, không được đáp hàm hồ.

Lục thân nam nữ là những người có quan hệ mật thiết với mình, bất kể là thế pháp hay Phật pháp, đều không nên có các hành vi bất chánh. Giả như có, là kẻ địch chướng đạo, không thể thọ giới. Tỳ kheo, tỳ kheo ni là những người tu phạm hạnh, là bậc thượng sĩ cầu xuất trần giải thoát, là phước điền vô thượng của nhơn thiên, là khuôn mẫu cho chúng sanh, thật như các bậc thánh thần và cấm chỉ dâm dục. Nếu có người nam nữ nào làm các việc ô phá tịnh hạnh của Tăng, Ni, là tội ác vô cùng. Phải biết dâm dục tuy không

phải là căn bản của sanh tử, song nó làm chướng ngại đạo pháp, không những chướng ngại việc hiện thế đắc Niết Bàn, mà còn chướng ngại cho việc chứng Bồ Đề của đời sau. Thậm chí ngăn ngại cả việc sanh Thiên. Bởi vì từ trời Sắc Giới trở lên đều không có dục của nam nữ như ở trời Dục Giới và nhân gian. Đừng nói người thường đắm sắc còn bị nguy hại, ngay đến Độc Giác tiên nhân bay trên trời, vừa mới nhiễm sắc liền bị dâm nữ cưỡi trên cổ bay vào nhân gian; từ đó mất hết thần thông, không còn bay được nữa! Còn chúng ta là bậc nào mà có thể coi thường dục nhiễm được? Cho nên khi chưa học Phật có phạm các điều này cũng phải thành thật mà bộc bạch.

Cha mẹ, sư trưởng nếu không phải là người ân đã nuôi nấng chúng ta thì cũng là người ân dạy dỗ chúng ta nên người. Không có cha mẹ thì ngay cái mạng sống này cũng không có, mà dẫu có cũng chưa chắc đã trưởng thành như ngày nay. Không có sư trưởng thì sự hiểu biết tối thiểu cũng không có, nói chi đến kiến thức cao sâu.

Cha mẹ đối với con cái từ ái vô hạn, không có giây mực nào đủ để diễn tả tâm từ ái đó. Chỉ cần thấy con cái đau ốm, tuy rõ ràng người con bệnh rên khổ thống, vậy mà cha mẹ trong lòng còn đau hơn là chính mình bệnh, nên cả ngày quanh quẩn bên giường bệnh, chốc lại sờ xem con bớt nóng chưa, lát lại ép con ăn, xem chừng đến giờ uống thuốc là đưa thuốc đến tận miệng con. Chăm sóc chu đáo hơn hết những vị y sĩ tận tâm nhất, cha mẹ chăm sóc con đến quên hết mọi việc khác. Đến lúc cha mẹ bệnh, phận làm con lẽ ra phải lo phụng dưỡng thuốc men, một giây cũng không rời cha mẹ. Vậy mới biểu lộ được phần nào hiếu tâm. Giả sử hiện giờ có một người con, bình thường đã không biết làm vui lòng cha mẹ, đến lúc cha mẹ đau ốm lại chẳng ngó ngàng, để mặc cha mẹ hoặc bệnh hoặc chết, thử hỏi như vậy có đáng làm con người không? Người như vậy quả đã mất hết nhân tánh.



Sư trưởng là một vị thần thánh. Vì muốn giáo dục đời sau, họ đem hết mọi điều hiểu biết cùng đạo lý làm sao để nên người, tận tình tận lực dạy bảo cho chúng ta. Thấy chúng ta học vấn mỗi ngày mỗi tiến, vị thầy rất vui. Thấy chúng ta không tiến, vị thầy bất an như vì chính mình không hết lòng dạy dỗ. Sư trưởng ngoài sự truyền thọ kiến thức cho ta, còn khích lệ và ái hộ chúng ta nữa. Vì một vị thầy tận tâm luôn luôn mong muốn học trò mình thành sự nghiệp, và còn mong cho học trò mình có được phẩm cách thanh cao nữa. Sư trưởng không chỉ dạy cho chúng ta chữ nghĩa và kiến thức bằng trí thức của người, mà còn lấy đời sống tự thân mình ra dạy ta nữa. Nói chung, dạy từ lý thuyết đến hành động. Lại khéo khuyến dụ, sửa sai mỗi khi học trò có chỗ sai lầm, có lúc đánh mắng để cho học trò nên người. Vì vậy, bôn phận người học trò bất luận nơi đâu thấy sư trưởng đều phải kính lễ. Khi sư trưởng không còn cũng thường ghi nhớ những điều người dạy, chân thành tha thiết như hiếu tử nhớ cha mẹ, như người đói nhớ ăn. Khi thầy có bệnh phải gần gũi chăm lo thuốc men, coi sóc mọi việc cho thầy. Không được bỏ mặc, chẳng màng thầy sống hay chết, học trò như vậy sao đáng gọi là người có học?

Theo Phật pháp thì cha mẹ sanh dưỡng sắc thân này của ta, còn sư trưởng sanh dưỡng Pháp Thân ta. Thực khó mà nói hết được ân đức lớn này đối với chúng ta, đến đức Phật cũng không sao diễn bày hết được. Trong kinh Tâm Địa Quán, đức Phật bày tỏ: “Ta có ở đời nói một kiếp, cũng không thể nói hết”. Trong kinh, đức Phật cũng dạy khi cha mẹ hay sư trưởng có bệnh phải cung cấp mọi thứ, chăm sóc, thuốc men, nhất nhất không được thiếu sót. Giả sử hạng làm con hay học trò chẳng lo nuôi bệnh cha mẹ hay sư trưởng, chỉ lo hưởng thụ, như vậy tư cách làm người chưa đủ, làm sao lãnh thọ giới của chư Phật được? Vậy trước khi thọ giới phải hạch hỏi xem có phạm lỗi này không, phải thành thật trình bày, nếu có thì sám hối, sau đó mới được thọ Bát Giới.

Những người phát Bồ Đề tâm tuy hãy còn là phàm phu, nhưng công đức của họ đủ vượt quá Nhị Thừa; vì vậy, chúng ta đối với họ nên tôn kính thương mến, vì sao? Bởi Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, đầy đủ tinh thần quên mình, tất cả đều vì chúng sanh, bất kể tiền tài hay tri thức của mình, hoặc sức mạnh hay khả năng của mình đều cung cấp cho chúng sanh, bất kể xa gần hay thân sơ, Bồ Tát bố thí như vậy cho tất cả chúng sanh mà chẳng cầu báo đáp, cũng chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, chỉ một lòng chân chính cứu độ hết thảy chúng sanh, nhiếp thủ nhiều ích chúng sanh mới làm được như vậy. Vì Bồ Tát chỉ một niệm thương xót chúng sanh, thấy chúng sanh đắm chìm trong chốn đau khổ vô hạn, tự hỏi mình có đủ năng lực cứu vớt hay không, ngoài ra, chẳng còn niệm nào khác. Do vì niệm thương xót, nên phát tâm rộng thí, cứu giúp chúng sanh không điều kiện, cho dù không đủ sức, Bồ Tát cũng không ngần tâm nói: “Tôi chả có gì để giúp bạn!”

Phát tâm Bồ Tát quên mình vì người như vậy, chúng ta phải nên giúp họ đủ mặt, để họ có thể rộng làm chuyện lợi người. Nếu không làm nổi như vậy, cũng đủ làm cô phụ Bồ Tát sơ phát tâm, huống chi còn sát hại những người phát tâm Bồ Tát như vậy, khiến cho vô số người không được Bồ Tát cứu giúp. Thử hỏi như thế tội lớn đến dường nào? Cho nên nếu đã phạm tội này, tất không thể là bậc pháp khí thọ giới. Vậy khi hỏi Già Nạn, nếu có, phải chân thành sám hối, mới được thọ Bát Giới.

Già Nạn như trên đã nói. Ba giới Sát, Đạo, Dâm trong bốn loại tánh tội (6), giết người phát Bồ Đề tâm, trộm của Tăng hiện tiền, hành dâm với lục thân là các trọng tội trong các tánh tội. Cư sĩ tại gia nếu phạm phải ắt chướng ngại giới thể vô tác, do vậy giới thể không thể phát khởi. Ở đây, hoặc có người hỏi: “Tội vọng ngữ trong bốn loại tánh tội, tại sao không bị liệt vào Già, Nạn?” Đó là bởi vì “chưa chứng Thánh Quả nói chứng, chưa đắc đạo nói đắc”, đại vọng ngữ này đa phần là người xuất gia phạm, hàng tại gia khó phạm phải giới này, cho nên trong Già, Nạn không đề cập đến.

Yết Ma Sớ theo Thành Thuật Luận nói: “Chẳng những chỉ có bảy điều Già, Nạn trên không được thọ giới mà còn có tội Ngũ Nghịch, gã tặc trụ, làm ô tỳ kheo ni đều không được xuất gia”. Bởi vì các tội này của họ làm chướng ngại thánh đạo vô cùng, chẳng phải sám hối mà thanh tịnh lại được, nên dù có cho người đó xuất gia, họ cũng không sao chứng được Thánh Quả thanh tịnh, nhất định phải chịu quả báo nặng. Tuy nhiên, Bát Quan Trai Giới chỉ để luyện tập xuất gia, không phải chánh thức xuất gia, nên chỉ cần nhận chân sám hối, và chứng tỏ rằng sau khi sám hối không còn dám tái phạm thì vẫn được thọ Bát Quan Trai Giới, và có thể y đó tu hành bố thí, tạo dựng sự nghiệp từ thiện, lợi ích cho nhân quần chúng sanh.

Gọi là “tặc trụ” là người chưa thọ Cụ Túc Giới, lén lút xâm nhập vào hàng ngũ Tăng để được lợi dưỡng, hoặc nghe lén Yết Ma trong Tăng đoàn, điều này cũng làm trở ngại vô cùng cho sự xuất gia. Bởi lẽ bọn họ sau khi xem và nghe Luật, sanh khởi tâm kiêu mạn đối với Pháp và Tăng, đó là điều tệ hại nhất. Nhưng nếu là tặc trụ, cũng có thể thọ Bát Giới nếu sám hối chân thật. Cho nên, người chân chánh phát tâm thọ Bát Giới chắc chắn là người pháp khí thân tâm an lạc.

(6) Tánh tội: Bốn giới trọng Sát, Đạo, Dâm, Vọng tự tánh vốn ác, không cần phải đợi Phật chế. Hễ phạm phải chịu quả báo, nên gọi là Tánh tội. Còn giới ẩm tửu tự tánh chẳng phải ác, đức Phật vì bảo hộ các giới kia nên cấm không cho phạm. Nếu uống là phạm tội do Phật chế, nên gọi là Già tội.

## Chương 6

### Sám Hối Tất Yếu

Các pháp sự trong Phật giáo phần đông đều bắt đầu bằng lễ Sám Hối, đặc biệt là Quy Y và Thọ Giới lại càng không thể thiếu phần Sám Hối. Người sơ phát tâm quy y Tam Bảo, nếu thực tâm muốn trở thành một người mới mẻ tu Phật, mà không chịu đúng pháp sám hối, vẫn mang đầy thói hư tật xấu cũ vào cửa Phật, thì không sao thâm nhuần được đạo pháp, để trở thành một người theo Phật hoàn toàn mới. Vì cho dù trên hình thức đã theo Phật, song tội lỗi chất chứa nơi thân chướng ngại cho sự huân tu Phật pháp, cho nên trước tiên phải thành khẩn thiết tha sám hối, sau đó mới quy y hay thọ giới.

Chẳng những bó buộc phải sám hối trước khi quy y hay thọ giới, mà sám hối vẫn có tánh cách quan trọng ngay sau khi quy y và thọ giới rồi, bởi vì hạng phạm phu chúng ta dù có cẩn thận đến đâu đi nữa, hay vô cùng tôn trọng các giới đã thọ, song có mấy ai dám bảo đảm rằng mình không hề phạm các giới đã thọ. Phạm phu vẫn là phạm phu, đôi khi không tránh được phiền não vọng khởi, rồi không chế ngự được mình mà phạm giới, khiến thân tâm ô nhiễm. Nếu muốn khôi phục sự thanh tịnh, còn cách nào hơn sự sám hối. Vì vậy, Phật pháp rất coi trọng pháp Sám Hối. Bất cứ ai muốn vào đạo Phật hay đã vào rồi, đều phải hành pháp Sám Hối, để duy trì sự thanh tịnh của thân tâm, và khỏi bị chướng ngại khi tu học Phật.

Tánh chất quan trọng của Sám Hối chúng ta đã rõ rồi, nhưng Sám Hối nghĩa là gì? Phạm ngữ là Sám Ma Tỳ, gọi tắt là Sám Ma. Trung Quốc dịch là Yểm Ly (chấn bỏ), hoặc Cải Hối. Có người giải thích Sám là đầu, Hối là cúi xuống, có nghĩa là “cúi đầu chịu tội”. Trong Phật pháp cũng vậy, những người vi phạm giới luật, chỉ còn biết thuận theo đạo pháp, cúi mình dưới chân Tam Bảo, chân thành thiết tha sám hối, biểu lộ từ nay về sau không dám làm các chuyện như vậy nữa. Có vậy mới là thành tâm sám hối.

Lại có người giảng như vậy: Sám là chỉ cho bạch pháp, còn Hối là hắc pháp. Hắc pháp là các tội ác, nên hối cải không được tái phạm. Bạch pháp là các thiện pháp, nên cần cầu và đúng pháp thực hành. Còn có nghĩa như sau: Sám là sự tu học kể từ nay, trước kia bỏ bê không tu học các thiện pháp, từ nay trở đi thệ nguyện tinh tiến dũng mãnh tu học không ngừng. Hối là sự sửa đổi về sau, trước kia từng làm biết bao việc bất thiện, từ nay về sau thệ nguyện tha thiết, thực lòng sửa đổi. Theo hai cách giảng trên, chúng ta có thể thấy rằng: Sám Hối đủ cả hai phương diện tiêu cực và tích cực. Bỏ ác là mặt tiêu cực, hưng thiện là mặt tích cực. Phải bỏ ác hưng thiện như vậy mới là ý nghĩa cụ thể của Sám Hối.

Còn có một điểm rất quan trọng của sám hối, đó là phơi bày các lỗi của mình, bộc bạch các tội đã gây, không dám che đậy chút nào. Như vậy rồi còn phải đoạn trừ tâm tương tục, ăn năn chán ghét các tội lỗi tự gây, tuyệt đối xả bỏ không bao giờ tái phạm. Ấn Thuận Luật Sư nói: “Quy chế sám hối của Phật pháp phải bày tỏ trước đại chúng hết mọi lỗi lầm, chịu sự xử phạt của Tăng đoàn. Trải qua một phen chân thành thống thiết sám hối, thanh tịnh mới phục hồi. Như trong bình có độc, phải đổ hết chất độc, súc bình cho sạch, mới có thể đựng vị quý được. Như vải dơ, trước tiên dùng tro hoặc xà bông tẩy cho sạch, sau đó mới có thể nhuộm. Cho nên phải như pháp sám hối mới có thể trì luật thanh tịnh và khiến các động cơ không thuận dần dà hợp với Luật”. Vì vậy, phát tâm sám hối phải thẳng thừng bày tỏ hết mọi tội lỗi.

Chính do như vậy mà có người nói: Phạm ngữ vốn gọi là A Bát Đê Đê Xá Na. A Bát Đê dịch là “tội”, Đê Xá Na dịch là “nói”; có nghĩa là “nói tội”. Ý chỉ người học đạo nếu vi phạm giới luật không nên che giấu, mà phải thành thật bày tỏ với đại chúng, cầu xin đại chúng chuẩn hứa cho mình được sửa đổi. Bao giờ được đại chúng chấp thuận thì tội lỗi đó được tiêu trừ. Hơn nữa, nhờ oai đức của đại chúng khiến họ đối với tội lỗi sanh tâm sợ sệt không còn dám phạm nữa. Ngài Luật Sư Ấn Thuận nói: “Quy tắc của giới luật

không ở nơi một người, ở nơi đại chúng... Người học đạo nên theo chân tinh thần của cổ thánh, phát lộ tội lỗi, không dám che giấu, không dám tái phạm, để thân tâm được thanh tịnh, thừa thọ vô thượng pháp vị”.

Công khai bộc bạch hết mọi tội lỗi, điều này không phải dễ làm. Bởi tâm lý chung của mọi người không muốn người khác biết được lỗi mình. Hoặc giả nếu tội nhỏ có thể thổ lộ riêng cho những người thân, còn nếu tội nặng cho đến vợ chồng, cha mẹ cũng không dám nói. Cũng bởi họ biết tội lỗi là chuyện mất thể diện, hại danh dự. Vì vậy mà kẻ phạm tội nhiều, người nhận tội ít do tại nguyên nhân này. Họ nào biết chính vì vậy mà cứ đắm mãi trong hố sâu tội lỗi không có ngày ra.

Đại Sư Linh Phong Ngẫu Ích rất khẩn thiết bảo với những người không dám phát lộ tội lỗi: “Người ta khi tạo tội thực đang làm ác mà không biết xấu hổ. Nay phát lộ trước mọi người, đó là điều thiện, lại cho là xấu hổ. Cam lòng giữ ác mà tránh điều thiện, dần dà thành ác trong ác, vĩnh viễn không có ngày ra, điên đảo ngu si, còn có gì hơn đây nữa?” Không làm chuyện ác thì muốn mọi người biết. Nhưng khi làm ác, do vì phiền não xung động, chẳng còn biết xấu hổ, có can đảm làm quấy. Đợi đến lúc chuyện ác đã rồi, biết rõ đó không phải là việc đúng, nhưng vì thể diện, nên che giấu không chịu tiết lộ với ai. Nào hay, vì không dám phơi bày tội ác nên cội gốc tội ác không sao thanh tịnh được! Như vậy, chẳng phải là điên đảo hay ngu si sao?

Sám Hối lấy gì làm thể? Lấy tâm quý làm thể, vì vậy có thuyết cho Sám gọi là tâm, Hối gọi là quý. Người ta sở dĩ tạo ác, do bởi không đủ tâm tự giác đạo đức, lại bị tâm vô tâm vô quý sai sử, nên vô tình tạo tội tà trời, song con người vẫn có nhân tính, nên sau khi làm điều lầm lẫn, đôi khi tự vấn lương tâm và cảm thấy bất an trong lòng, hoặc cảm thấy mình không phải đối với cha mẹ, sư trưởng, hoặc tự trách mình vì sao lại gây ra những chuyện quấy như vậy?



Phải biết lúc đó, nhờ tâm tầm quý đồng hiện tự nhiên sanh tâm cầu sám hối, cho rằng nếu không tha thiết cầu sám hối, từ rày về sau khó mà làm người. Người ta ở thế giới đầy tội ác này đôi khi có thể chiến thắng được tội ác đều do sức mạnh trọng thiện khinh ác của tầm quý.

Tầm quý có nhiều đối tượng khác nhau, nên sức phát sanh tầm quý cũng có sai biệt. Giả sử bạn có tâm tầm quý đối với thầy bạn, biết việc này là quấy, đối với thầy bạn thực không phải, nên khi thấy thầy bạn, bạn tự dưng không dám làm các chuyện quấy, nhưng vẫn có thể làm quấy khi không thấy thầy bạn. Như vậy là sức tầm quý còn yếu. Giả sử bạn đối với Trời Phật phát tâm tầm quý, cho rằng nếu mình làm việc ác, tuy người khác không biết, nhưng Trời Phật đều thấy rõ, làm sao bạn dám làm chuyện không phải đối với trời Phật. Như vậy, cứ nghĩ đến trời Phật thì không dám làm ác. Nhưng hễ quên đi hay không nghĩ đến thì vẫn làm ác. Như vậy, sức tầm quý của bạn vẫn chưa đủ mạnh.

Tầm quý thực sự mạnh và đủ sức chính là tâm tầm quý đối với tự thân, vì thường cho rằng ta với Phật vốn đồng một giác tánh, mà giác tánh của chư Phật đã từ trong muôn lớp phiền não trùng điệp bủa vây, chiếu phá hiển hiện ra, thành vị Thánh giác cao tột ở thế gian; vậy mà ta giờ vẫn là một gã phàm phu chịu sanh tử, chẳng những chưa thể tịnh hóa được giác tánh, mà còn điên đảo tạo bao ác nghiệp, đối trước chư Phật, xét lại tự thân sao khỏi thẹn thùng? Một niệm tầm quý tâm này hiện khởi, liền lập chí sửa đổi con người, không chỉ sửa sai mọi lỗi lầm trong quá khứ, còn quyết tâm không tái tạo mọi ác nghiệp; nhờ vậy, dần dà khai mở giác tánh sẵn có nơi mình mà đạt được quả Chánh Giác. Như vậy, người nào tự biết nhân cách tôn nghiêm thì có thể khiến tâm tầm quý lìa ác hướng thiện kia hoạt động hữu hiệu, sửa các điều quấy, tu các pháp lành.

Tâm quý sám hối là sự tu trì quan trọng của người học Phật, nó quan hệ vô cùng đến sự thanh tịnh thân tâm. Cho nên người học Phật phải coi trọng pháp này. Nếu chúng ta niệm niệm tâm quý, tức chính là niệm niệm tu trì trang nghiêm thanh tịnh, đâu đến nỗi phạm giới hay tạo ác, và căn lành công đức của ta cũng được tăng trưởng trong niệm niệm. Đồng thời phải biết, các tội ác ẩn giấu trong tâm, nếu không do tâm tâm quý khởi sức sám hối, ắt nội tâm không bao giờ được an lạc. Nên trong Giới Kinh nói: “Có tội nên sám hối, sám hối ắt thanh tịnh”, hoặc nói: “Có tội nên sám hối, sám hối ắt an lạc”. Từ tâm tâm quý sanh sám hối, hiệu lực vô cùng như chúng ta đã thấy.

Chúng ta phát tâm học Phật, không phải để cầu tiêu khiển, mà để mong cầu Thánh Quả, song Thánh Quả không phải chỉ mong cầu là được, phải cầu bằng sự thực tiễn thực hành. Sự thực hành không ngoài hai phương diện là đoạn ác và hành thiện. Nếu ác pháp không đoạn trừ, thiện pháp ắt khó tiến tu. Song phương tiện hay nhất để đoạn trừ ác pháp không gì hơn sám hối. Kinh Lục Môn Đà Ra Ni nói: “Các ma nghiệp ở nơi ta nếu không sám hối trước, ắt không sao phát tâm duyên Vô Thượng Giác, cho nên mọi tội lỗi cần phải sám hối trước”. Một số người không chịu công phu sám hối, vì mắc bệnh cho rằng tội mình nhẹ không cần sám hối, hoặc đối với tội ác không chút bố úy. Thực ra đến tội nhẹ cũng không nên coi thường. Hôm nay làm một chút, mai làm thêm chút nữa, tích tiểu thành đại, lâu dần ác nhuộm đầy tâm, sao lại không sợ? Há lại không cần đến sám hối hay sao?

Do đó, tất cả các hạnh bất thiện do ta tạo từ quá khứ, bất kể hiện phát sanh, hay chưa sanh, giờ đây phát tâm thọ Bát Giới, phải tận tình phát lộ tội ác của mình, khóc mà khẩn cầu pháp diệt tội. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Nếu thọ Bát Quan Trai, trước tiên phải sám hối các tội tạo từ trước, sau đó mới thỉnh thọ giới pháp”. Chỉ có pháp sám hối như vậy mới có thể đạt được lợi ích của sự cầu giới. Bởi vì giới pháp vốn thanh tịnh, nếu tâm địa mình bất tịnh

làm sao lãnh thọ được giới pháp thanh tịnh này? Có điều khi cử hành pháp sám hối, phải chí thành tận đáy lòng quyết cải đổi các lỗi xưa, triệt để tịnh hóa thân tâm mới tiêu trừ được mọi nghiệp chướng từ vô thí. Nếu chỉ bằng hình thức bề ngoài sám hối thì không sao tiêu trừ được tội nghiệp. Điều này cần phải chú ý.

Chư vị đến đây thọ Bát Trai Giới, mỗi lần truyền giới, mở đầu tôi luôn luôn dạy chư vị sám hối: “Con tên... nếu thân nghiệp bất thiện, nếu khẩu nghiệp bất thiện, nếu ý nghiệp bất thiện, bởi do tham dục, sân khuê và ngu si. Nếu đời nay, nếu đời trước có tội như vậy, hôm nay thành tâm sám hối, thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, tâm thanh tịnh thọ hành Bát Giới”. Tuyên đọc lời sám hối này, chúng ta có thể hiểu rõ: tất cả tội nghiệp của chúng sanh đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý tạo thành, như sát sanh, trộm cắp là động tác của thân tạo thành tội ác, còn nói dối, nói lời hai chiều... là do lời nói tạo thành nghiệp tội. Các hoạt động nội tâm hướng ác là do nơi ý nghiệp phát sanh. Lìa các hoạt động của ba nghiệp thân, khẩu, ý, còn tội ác nào đáng kể nữa.

Đã rõ mọi tội ác đều do nhân duyên ba nghiệp sanh ra, hiện tại muốn sám hối thanh tịnh, đương nhiên phải từ nhân duyên ba nghiệp khởi sám mới có thể khiến tội nghiệp tiêu trừ thanh tịnh, nên phải cần dùng ba nghiệp cầu sám hối. Trước khi sám hối phải đủ tầm quý, tầm quý từ tâm sanh, lấy ý nghiệp làm nhân, lễ bái là thân, xưng tán là miệng, hai nghiệp thân khẩu làm duyên. Dùng nhân duyên ba nghiệp như vậy, chí thành cầu diệt hết thủy tội chướng, ắt được tâm thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, thân thanh tịnh. Sau đó mới thọ Bát Giới, như vậy, thân tâm mới lãnh thọ được giới pháp. Hết thủy tội chướng như ngôi nhà tối ngàn năm, tầm quý sám hối như ngọn đèn chiếu phá bóng tối ngàn năm. Cho nên quý vị thọ giới nếu sanh đại tầm quý, chân thật sám hối, chí thành lễ Phật, chẳng những mọi sự đều thành tựu mà ba nghiệp đều được thanh tịnh.

Quy chế sám hối của Phật giáo chẳng những phải chân thành sám hối khi thọ giới mà thường nhật cũng phải tùy thời sám hối. Nên người học Phật tốt nhất phải lập khóa sám hối hằng ngày, hoặc khi nhận thấy mình có lỗi là phải làm lễ sám hối chí thành, quyết không để cho chút tội ác nào tồn tại, làm nhiễm ô thân tâm. Có người không biết tầm quan trọng của sự tự mình sám hối, muốn thỉnh người khác sám hối cho mình. Điều này không thể được! Người khác sám hối giùm tuy cũng có công đức, nhưng như trong kinh nói: “Chỉ được một trong bảy phần. Nếu như tự mình sám hối, bao nhiêu công đức mình đều được cả”. Hơn nữa, sám hối không hạn chế thời gian nên lấy thành Phật làm kỳ hạn mà như pháp sám hối. Như vậy bao nhiêu tội chướng đều tiêu tan.

Vua xứ Ma Kiệt Đà là Tần Bà Ta La, một người Phật tử thuần thành, vì túc nghiệp đời trước nên bị con là vua A Xà Thế bắt nhốt trong ngục tối, tự biết mình nghiệp nặng, nhà vua chí thành sám hối, hướng về phía đức Phật thưa: “Đại Mục Kiền Liên là bạn con, xin thưa Phật từ bi cho Ngài đến truyền Bát Giới cho con”. Mục Liên tuân lời Phật, liền đến truyền giới cho vua mỗi ngày. Sau cùng, đức Phật từ nơi miệng phóng hào quang năm màu chiếu đến đánh của vua. Nhà vua tuy bị giam cầm trong ngục, song vẫn thấy được đức Phật, đầu diện đánh lễ, chứng quả A Na Hàm. Do tầm quý sám hối thọ Bát Quan Trai Giới, được công đức thù thắng khó nghĩ bàn. Phương pháp sám hối có rất nhiều cách. Nay chỉ nói công đức sám hối mà thôi.

## Chương 7

### Tác Pháp Lược Thuyết

Người tại gia học Phật phát tâm thọ giới, dù là Ngũ Giới hay Bát Giới, trước khi chính thức thọ giới, vị Giới Sư truyền giới cần nói rõ ý nghĩa thọ giới và giảng rõ duyên cảnh rộng hẹp cho giới tử để khai mở trí huệ cho họ, khiến họ hiểu rõ tầm quan trọng của giới hạnh, khích lệ họ phát khởi tâm chí duyên với cảnh tượng rộng lớn, vừa khiến họ lập thế thực hành như vậy trong thời gian đã quy định, vừa khiến họ khởi tâm từ bi đối với cảnh giới vô biên của tình và phi tình. Có như thế, giới mới tăng trưởng. Nhận thức được cảnh giới, tâm trí được khai phát. Vì sao lại coi quan trọng như vậy? Vì đó là điều chủ yếu để nạp thọ giới thể. Nếu người thọ giới không nhận thức được cảnh giới vô biên này, không mở tâm chí xa rộng thì không sao nạp thọ được giới thể. Vậy mà hành lễ thọ giới, thực có khác gì làm trò chơi trẻ con? Như thế làm sao không thuyết pháp khai đạo cho người thọ giới hiểu điều đó được!

Nói gì đến thời Mạt Pháp này, các vị Truyền Giới Sư hành sự hàm hồ, mà trước đây cả ngàn năm, cũng từng sơ sót rất nhiều trong việc truyền giới, đến độ Nguyên Chiêu Linh Chi Luật Sư của Nam Sơn Nhất Tông đời nhà Nguyên phải than thở: “Nhiều vị Truyền Giới Sư không rành nguyên lý giới pháp nên không thể giải thích được cho người thọ giới hiểu tầm trọng yếu của giới, chỉ như kẻ thuộc lòng y theo sách vở mà tuyên đọc các giới. Nào biết làm như vậy, không những thọ giới tử bị tội, mà người truyền giới cũng có lỗi lớn. Nếu cứ như vậy mà truyền giới mãi thì giới pháp của Như Lai chẳng những không được nâng cao mà ngược lại còn bị hạ thấp”. Quá khứ đã vậy, hiện tại còn muốn tiếp diễn nữa sao? Quý vị mỗi lần thọ Bát Giới lại được nghe thêm ý nghĩa của Giới, mong sao các vị hiểu rõ về giới mà biết được cảnh tượng vô biên của giới.

Các vị hôm nay tuy chỉ thọ Bát Giới, nhưng rất liên hệ đến tiền đồ học Phật mai sau, nên khi phát tâm thọ giới, trước hết cần có sự hiểu biết đại lược đối với các giới đang thọ. Chúng ta đã biết kinh điển của Phật giáo không phải chỉ do Phật nói, mà có cả thầy năm hạng người nói, nhưng giới luật của Phật giáo chỉ duy có Phật chế định, không ai có quyền chế. Đức Phật vì Phật tử chế đủ các giới pháp. Giới nào cũng là chế ước của mọi hành vi, tư tưởng của chúng ta. Chẳng hạn: nơi thân không được có những hành vi bất chính, nơi khẩu không được có những lời lẽ bất hợp lý, nơi ý không được có những ý niệm tà vạy. Đó là những điều cho người mới phát tâm nên đứng pháp học tập và ngay đến chư Phật, Hiền Thánh cũng nhờ tu tập giới pháp này mà thành tựu. Vì vậy nên gọi là Thánh Pháp. Hiện tại, phát tâm thọ giới pháp, cần nên biết cụ thể nội dung của giới pháp để tự mình có được nhận thức chính xác.

Đã là người chân thành phát tâm thọ giới, tất nhiên sẽ được giới thể, có sức mạng kháng lại các hành vi phạm giới sau này. Nhưng giới thể này làm cách nào phát được? Dựa theo khuôn khổ của Ngũ Giới và Bát Giới, sở dĩ phát được là nhờ nương vào sự duyên nơi các cảnh y báo, chánh báo của pháp giới chúng sanh. Như duyên nơi mười phương ba đời tứ thánh lục phàm ở pháp giới chúng sanh thì phát được giới thể của cảnh hữu tình. Còn như duyên nơi hết thảy vi trần quốc độ, sơn hà đại địa thì phát được giới thể của cảnh phi tình. Đối với những điều này, người truyền giới pháp phải giảng giải rõ cho người thọ giới, để họ biết đối tượng phát được giới thể là gì? Đối tượng gìn giữ giới hạnh là gì? Nếu không, khi đã thọ giới đã không thể đắc giới thể, mà sau khi thọ giới rồi, vẫn không biết phải trì giới thể nào. Ngẫm coi, điều này quan hệ vô cùng đối với người thọ giới nên người truyền giới bắt buộc phải giảng rõ, và người thọ giới phải học hỏi điều này.

Giới Sư khi khai đạo cho giới tử, phải xem trình độ tiếp thọ của họ đến đâu. Nếu cao thì phân tích cặn kẽ, nếu thấp thì chỉ bày tổng quát. Nhưng điều quan trọng nhất phải cho họ biết cảnh tượng của



giới mà họ phải phát sanh là gì. Nếu họ không biết chút nào về điều này, ắt có thọ giới cũng vô ích. Điều đáng buồn nhất là hiện nay người truyền cũng như người thọ thực sự hiểu rõ được các điều trên, có được mấy người? Từ xưa cho đến nay đều vậy, chẳng trách Linh Chi Luật Sư than thở, cho đó là bằng chứng không may của Phật pháp.

Hoặc giả có người nói: “Thọ giới thì cứ thọ là đủ rồi, cần gì phải nói giới cảnh của nó nữa, chỉ làm cho người thọ thêm rối rắm?” Trong Tư Trì Ký, Linh Chi Luật Sư giải thích: “Sở dĩ chúng sanh tạo tác đủ các ác nghiệp chính vì không hiểu biết chính xác về tình và phi tình. Giả như có nhận thức chính xác đâu đến nỗi tạo nghiệp vô cùng như vậy. Tất cả ác nghiệp đều sanh khởi từ cảnh giới tình và phi tình, hiện tại phát tâm thọ Luật Nghi Giới, dĩ nhiên vẫn từ cảnh giới này mà sanh, nghĩa là cũng phải duyên nơi cảnh tượng bao la của tình và phi tình, mới có thể phát được giới thể. Đức Phật y cứ theo đó mà chế lập giới pháp. Người phát tâm thọ giới nếu không hiểu rõ giới cảnh, ắt khi thọ giới không thể dụng tâm lãnh thọ. Như vậy, đương nhiên sự khai thị giới cảnh là điều tất yếu, không thể xem thường được”.

Đã có nhận thức chính xác về cảnh sở duyên của sự phát sanh được giới thể rồi, làm thế nào khai đạo người thọ giới nương cảnh phát tâm? Phát tâm thọ giới thì dễ, nhưng phát tâm mạnh hay kém có ảnh hưởng đến sự đắc giới thể có thù thắng hay không? Nếu phát tâm kém, ắt được giới thể không thù thắng. Ngược lại, phát tâm mạnh, ắt giới thể thù thắng, dĩ nhiên, vì phát tâm và đắc giới thuận chiều. Vì vậy, Giới Sư khi khai thị cho giới tử luôn luôn khích lệ: “Nên phát tâm thượng phẩm, cầu được giới thượng phẩm”. Có tâm thượng phẩm, ắt có trung và hạ phẩm, nhưng trong Luật không nói rõ ba phẩm tâm này khác biệt thế nào. Có lẽ trung và hạ không thù thắng nên không đề cập tới.

Muốn cho người thọ giới niệm niệm liên tục phát tâm thượng phẩm, điều quan trọng nhất là trước khi thọ giới phải được một vị Giới Sư hiểu biết chính xác về Giới Luật chỉ bày thêm những điều tất yếu để có sẵn một khái niệm rành rẽ về những điều sẽ gặp khi thọ giới. Có vậy, khi chính thức thọ giới mới đạt được sự thanh tịnh của giới thượng phẩm. Nếu không trải qua sự khai thọ trước như vậy, đến khi thọ giới, mới bảo họ phát tâm thượng phẩm thì chẳng có hiệu quả gì, bởi lẽ, lúc đó nói sơ qua danh từ thượng phẩm, người thọ làm sao hiểu được tính chất trọng yếu của giới pháp, chỉ hàm hồ làm theo nghi thức truyền giới, mà thậm chí nhiều khi ngay nghi thức truyền giới đã không làm nên sự, nói gì đến chuyện đắc giới thượng phẩm, chỉ e đắc giới cũng đủ là vấn đề rồi.

Người thọ giới sau khi trải qua sự khai đạo của Giới Sư, chân thành phát khởi tâm thượng phẩm, hợp cùng phép Yết Ma đúng pháp, thành sự cảnh tượng ưng nên được giới thể. Song lúc lãnh thọ điều hệ yếu của giới thể, người thọ phải lưu ý: cần phải chuyên tâm nhất ý vận dụng tư tưởng duyên khắp cảnh giới tình và phi tình. Do nhờ cảnh giới được quán rộng lớn vô biên, nên tâm lượng năng duyên cũng theo đó mà rộng lớn vô hạn. Lại quán tưởng tự thân đồng như hư không, biến khắp pháp giới, còn phải giữ cho quán tưởng niệm niệm phân minh, không để cho mảy may vọng tưởng xen tạp, và không được để cho tưởng duyên nơi cảnh giới vô quan này. Có vậy mới nạp thọ được giới thể. Giả như để vọng niệm xen tạp, cho dù trên hình thức đang thọ giới, song thực tế vẫn không đắc được giới thể.

Chỗ này hoặc có người hỏi: “Thể của mạng sống người thọ giới là cái thân cao sáu thước này đây, tại sao phải quán tưởng thành như hư không rộng lớn?” Phải biết giới pháp mà ta muốn lãnh thọ nào phải chỉ có chút đỉnh, mà nhiều như cát bụi, làm thế nào cái sanh mạng thể chút xíu này dung chứa được các giới pháp nhiều như vậy? Cho nên cần phải vận dụng quán tưởng, quán tự thân biến khắp pháp giới, mới dung nạp hết mọi thiện pháp của vô biên pháp

giới. Dù thấy sắc thân ngũ uẩn hiện tiền này, tuy quá khứ là chỗ chiêu cảm các hoặc nghiệp hữu lậu, nhưng nhờ tác pháp mà sanh khởi giới pháp nhiều như cát bụi, trôi chảy trong thân tâm của sắc thân. Do vậy, nhờ sắc thân này đắc được giới pháp. Khi chúng ta chánh thức tác pháp thọ giới phải vận dụng công phu quán tưởng, để đưa giới pháp quy nhập thân tâm.

Điều quan trọng của thọ giới là phải được giới thể, nếu không được giới thể thì thọ cũng như không thọ. Vấn đề là người thọ giới được giới thể vào lúc nào? Có người cho rằng sau khi thọ Tam Quy, lúc thuyết giới tướng, mới là chân chánh thọ giới và cũng mới có thể được giới thể. Nhưng thực tế chưa hẳn vậy, khi thọ xong Tam Quy là đắc được giới thể. Trong Ngũ Giới Chính Phạm nói: “Thọ Tam Quy rồi liền đắc giới thể”. Thọ Ngũ Giới, tiếp theo là tuyên thuyết về Ngũ Giới tướng, thọ Bát Giới tiếp theo là tuyên thuyết Bát Giới tướng. Yết Ma Chú nói: “Truyện Tam Quy rồi nói: Hướng về Tam Quy chính là giới thể, nay lại tam kết (7) là chỗ quy hướng của Giới”. Dù thấy vừa nói dứt Tam Quy, lập tức đắc giới thể.

Quá trình Tam Quy đắc giới như thế nào? Hoàng Nhất Luật Sư căn cứ theo Tam Pháp Thứ Đệ trong Tư Trì Ký giải thích: “Bất luận thọ Ngũ Giới hay Bát Giới, khi nói ba lần thệ nguyện quy y là đã đem giới thể quy nạp nơi tâm. Quá trình của nó như sau: Khi nói thệ quy y biến thứ nhất, do sức quan hệ của tâm, vô biên thiện pháp ở pháp giới có thể khiến tâm niệm chuyển động hoàn toàn, biến đổi ác pháp thành ra thiện pháp. Khi nói thệ quy y biến thứ hai, vô biên thiện pháp hoàn toàn tụ lại trên không như mây che, khiến thân tâm được thanh lương. Khi thệ quy y biến thứ ba, vô biên pháp giới thiện pháp bỗng từ không trung rơi xuống, rót vào thân tâm, tràn đầy trong sanh mạng thể. Vô biên thiện pháp như vậy chứa trong thân tâm, từ đó nương theo giới pháp này, tu tập định huệ vô lậu, lâu dần vượt được dòng sanh tử, đến thành Niết Bàn, được đại giải thoát”.

Giới thể đã đắc được ngay khi thuyết Tam Quy, trước khi truyền giới đương nhiên phải nói Tam Quy và tình cảnh lúc đó như sau: Người phát tâm thọ Bát Trai Giới, quỳ chấp tay trước Phật và Truyền Giới Sư, nói theo Giới Sư: “Con tên là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng một ngày một đêm làm tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di)”. Nói như vậy ba lần, tiếp theo nói: “Con tên là... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, một ngày một đêm làm tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di)”. Cũng nói ba lần như vậy. Đó là theo Trí Độ Luận. Còn chỗ khác thêm câu là: “Như Lai cho đến bậc Chánh Giác, là Thế Tôn của con”. Sở dĩ Trí Độ Luận không ghi câu này vì đa số người thọ Bát Trai Giới đều đã thọ Ngũ Giới, nên đã từng nói như vậy khi thọ Ngũ Giới, nên hiện tại lược đi không nói.

Trong Văn Quy Y dùng hai chữ “tịnh hạnh” như trên để phân biệt với “bất tà dâm” của Ngũ Giới, biểu thị con người thọ Bát Trai Giới đã không tà dâm mà còn tuyệt dâm. Một ngày một đêm là kỳ hạn thọ giới, khác với Ngũ Giới là giới suốt đời. Phật, Pháp, Tăng là đối tượng quy y cho đệ tử Phật, nhưng danh từ Tam Bảo vào thời kỳ đó ở Ấn không riêng Phật tử dùng mà có đến 96 ngoại đạo cũng dùng từ ngữ Tam Bảo, nên để khỏi lầm lẫn giữa Tam Bảo của Phật giáo với ngoại đạo, phải xưng đủ là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng để chỉ rõ tôn hiệu của Phật, Pháp, Tăng mà trong các ngoại đạo, không ngoại đạo nào đủ tư cách để xưng như vậy. “Con tên là” là xưng pháp danh của mình, bày tỏ chính mình quy y, không phải quy y giùm ai.

Sau khi dùng Tam Quy, Tam Kết rồi, chẳng những đã đắc giới thể, lại còn có chỗ quy hướng, lại thuyết thêm giới tướng để người thọ đúng pháp hộ trì. Giả như không biết giới tướng ra làm sao thì có phạm cũng không hay, điều này thực tệ và rất nguy hại. Giới tướng nên nói thế nào? Theo Trí Độ Luận: “Như chư Phật cả đời không sát sanh, cũng vậy con trọn một ngày đêm không sát sanh. Như chư Phật cả đời không trộm cắp, cũng vậy con nay trọn một ngày đêm không trộm cắp. Như chư Phật cả đời không dâm dục, cũng

vậy con nay trọn một ngày đêm không dâm dục. Như chư Phật cả đời không nói dối, cũng vậy con nay trọn một ngày đêm không nói dối. Cho đến không uống rượu, không ngồi nằm giường cao rộng, không trang sức anh lạc, hoa man, không thoa, ướp phấn hương nơi thân, không tự ca múa hát và cố ý xem nghe cũng giống vậy. Đã thọ tám giới, như chư Phật cả đời không ăn quá ngọ, con cũng vậy trọn một đêm không ăn quá ngọ. Con thọ hành Bát Giới, tùy học các pháp Phật, gọi là Bồ Tát”.

Y theo văn tựa hồ có đến chín giới, nhưng thực chỉ có tám vì sao? Xin dành lại cho phần “chi số biện biệt” sẽ giải thích. Đối với giới tướng này, trong Yết Ma Sớ từng giải thích: “Như chư Phật không sát sanh” là đem cảnh giới thù thắng của chư Phật cùng các việc nên làm đề ra trước. Từ chỗ “con tên là” trở xuống hiển thị giới tử nên làm như Phật. Nói cách khác, lấy đức Phật làm chuẩn, đức Phật làm sao, ta làm vậy. Trí Độ Luận giản lược, nhưng trong các kinh luận khác, phải qua phần vấn đáp mới tuyên thuyết giới tướng. Như hỏi có thể giữ được không, được hay không không nhất định bó buộc, tùy sức mà hành.

Trước tiên thọ Tam Quy, rồi cảm phát giới thể của Bát Giới, sau đó truyền giới tướng để hiểu rõ sự thọ trì từng giới. Tuy vậy, vẫn chưa kể là tác pháp viên mãn, còn cần người thọ giới phải phát nguyện nữa. Nếu thọ giới mà không phát nguyện, tuy có công đức, nhưng rất ít. Phải biết Bát Giới thuộc về hạnh, phát nguyện thuộc về nguyện. Hạnh nguyện tương ưng phối hợp mới thành phúc huệ thắng nghiệp. Nếu chỉ có giới hạnh, không có nguyện lực duy trì khác nào đồ gốm không qua lò nung, chung cục dùng không được. Cho nên Giới Sư sau khi truyền Tam Quy, Ngũ Giới, nhất định phải bắt giới tử đối trước Tam Bảo chí thành khẩn thiết phát thệ nguyện. Lúc phát nguyện, chỉ e người sơ tâm thọ giới không biết cách nào để phát, nên phải do Giới Sư thuyết cho giới tử nói theo như: “Con tên là... chí thành phát nguyện: Nay do công đức Bát Quan Trai không đọa ác thú, bát nạn, biên địa. Trì công đức này

niếp thủ hết thảy ác pháp của chúng sanh. Công đức có được xin huệ thí đến muôn loài, khiến họ thành đạo vô thượng chí chân, tương lai nơi ba pháp hội của Phật Di Lặc được độ tận sanh, lão, bệnh, tử”. Nói ba lần, mỗi lần lại một lạy. Nhờ tâm nguyện này vừa trừ được tam đồ bát nạn, vừa nhiếp thủ mọi ác pháp của chúng sanh, lại hồi hướng công đức trì giới đến chúng sanh, khiến đều thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Tự thân không còn bị đọa ác thú bát nạn thuộc về tự lợi, khiến chúng sanh thành Chánh Giác, đó là lợi tha. Tự lợi, lợi tha là tinh thần vì người mà thọ giới, không phải vì mình.

(7) Tam kết: Sau khi Tam Quy, lập lại Tam Quy xong, thêm chữ “rồi” vào là Tam Kết.



## Chương 8 Chi Số Biện Biệt

Các giới của hàng đệ tử Phật thọ, phần đông có số mục nhất định như Ngũ Giới của tại gia, Thập Giới của Sa Di... Ngay Bát Quan Trai Giới mà quý vị thọ hiển nhiên là Bát Chi Giới, chẳng có gì đáng nói; nhưng từ các số mục được liệt kê trong kinh, luận, lại có sai khác. Ngay đến thứ tự của các giới điều cũng có sự khác biệt về trước sau. Sâu hơn nữa, còn khác về khai và hợp. Có kinh khai giới điều này, kinh khác ngược lại. Sự kiện này không khỏi khiến chúng ta cảm thấy Bát Quan Trai Giới có phần nào phức tạp.

Tuy bề ngoài có nhiều sai khác, nhưng xét về thể nghĩa thì tánh chất của nó vẫn không thay đổi, đã chẳng tăng, cũng chẳng giảm bớt, vẫn là Bát Quan Trai Giới mà chúng ta muốn nói đến. Vấn đề ở chỗ chúng ta phải xử lý thế nào sự sai khác đó. Luận Tỳ Bà Sa nói: “Do vì Cận Trụ Luật Nghi có đủ tám chi, nơi năm tăng ba, nơi mười giảm một, hợp hai làm một, khai một làm hai”. Đó là so sánh giữa Ngũ Giới, Bát Giới và Thập Giới; nói rõ: Bát Giới sở dĩ thành Bát Giới là do ngoài Ngũ Giới tăng thêm ba giới, hoặc tại Thập Giới giảm bớt đi một. Đủ thấy Ngũ Giới, Bát Giới và Thập Giới có tánh chất tương thông với nhau. Nói đúng hơn, là Ngũ Giới và Thập Giới ắt không có Bát Giới.

Trong Luận gọi là “nơi năm tăng ba”, ý chỉ Bát Giới không phải là cái gì riêng khác, mà chính là Ngũ Giới thêm ba thành ra Bát Giới. “Ba giới tăng thêm” như trong Luận đã chỉ rõ: “Không thoa hương thơm, đeo hoa, múa ca xem nghe” là giới thứ sáu trong Bát Giới, lấy “không nằm ngồi giường cao rộng” làm giới thứ bảy trong Bát Giới, lấy “không ăn phi thời” làm giới thứ tám. Bát Giới theo thứ lớp như vậy, rõ ràng hợp “không thoa hương hoa” với “ca múa xem nghe” làm một. Lại “ba giới tăng thêm” chính là bốn giới sau của Sa Di Giới. Do hợp hai giới sáu và bảy làm một nên chỉ còn

Bát Giới. So với mười giới của Sa Di, Cận Trụ Luật Nghi chỉ thiếu một giới “không cất giữ kim, ngân, bảo vật”.

Trong Luận gọi là “nơi mười giảm một”. Ý nói: Hai chúng tại gia thọ Bát Quan Trai Giới so với mười giới của Sa Di chỉ bỏ bớt một là đủ. Phải biết mười giới sở dĩ được gọi là mười giới do vì phân khai “trang sức hương hoa” với “ca múa xem nghe” làm hai giới. Đó là điều trong Luận gọi là “khai một làm hai” và thêm giới “không cất giữ kim, ngân, bảo vật” thành mười giới Sa Di. Luận theo ngũ trần thì “ca múa xem nghe” chỉ hai trần Sắc và Thanh; “bôi thoa trang sức hương hoa” chỉ cho hai trần Hương và Xúc. Bốn trần này nhiệm ô, không dễ gây tán loạn hay trạo cử, mà dễ gây kiêu xa, phóng dật, tạo chướng ngại cho việc tu học. Cho nên bát luận đã sống hay đang tập đời sống xuất gia đều bó buộc phải xa rời những thứ này. Giả sử không xả hẳn thứ đó, tất khó sống an trong cảnh xuất gia.

Bốn trần Sắc, Thanh, Hương, Xúc đã là nhân duyên chướng đạo, vì sao “thoa xức hương hoa” và “ca múa xem nghe” lại khai hợp bất định như vậy? Trong Luận nói như sau: “Vì trang nghiêm thay đổi tùy chỗ nên hợp lại thành một chi”. “Trang nghiêm” ở đây có nghĩa là trang điểm, ăn mặc. Thói thường người đời, bất luận là nam hay nữ, ở Đông hay Tây, đều có thiên tánh thích đẹp. Cứ bắt đầu đến tuổi, dù không ai dạy, cũng tự biết trang điểm, chẳng những khảo cứu giỏi về y phục, lại rành rẽ về các món trang sức. Chưa đủ, còn thêm các mùi nước hoa, phấn son đủ cả bôi trên thân thể để tăng vẻ diễm lệ cho mình, sao cho kẻ qua đường cũng phải liếc ngó. Nhưng do vì phong tục mỗi nơi mỗi khác nên các món trang sức không giống nhau.

Một số người cho rằng đó là “trang nghiêm”, hay gọi theo thể tục là đẹp xinh. Nào dè đó là căn nguyên của tội ác, tội ác tà trời nào cũng do đây sanh. Đức Phật biết họa này không phải là nhỏ nên chẳng những bắt người xuất gia phải mặc áo hoại sắc mà đến hàng

tại gia đến chùa tu học cũng phải ăn mặc chỉnh tề, đơn giản, tuyệt đối không được ăn mặc hoa hòe, diêm đúa. Nước hoa, phấn sáp thoa thân, đức Phật chẳng những không cho người xuất gia dùng, mà cả những người phát tâm tu học đời xuất gia cũng không được dùng, bởi vì những thứ này là những ngoại duyên có sức xúc phạm đến giới pháp.

Ca múa xem nghe thuộc về cảnh giới mắt thấy tai nghe của hai trần Sắc và Thanh. Ca múa có tánh cách bảo thủ của ngày xưa mà đức Phật còn cấm, huống hồ loại ca múa có tánh chất đồi trụy của ngày nay. Những thứ làm vui tai, vui mắt này, thoạt nhìn thì không thấy nguy hại, nhưng nếu thường tiếp xúc chẳng những đạo nghiệp của ta phải hủy phế, còn từ từ phát sanh dục niệm, khiến bao chí hướng trong sáng không còn an trụ nơi Phật pháp nữa, lâu dần bị chuyển, lìa xa Phật pháp đến chốn sa đọa, đắm trong ca múa không thoát ra được. Cho nên bất luận xuất gia rồi hay đang tập xuất gia tự mình không được ca múa, và không được cố ý đến ca lâu, vũ sảnh xem nghe.

Giới tướng của Bát Giới chẳng phải chỉ có “thoa hương trang sức” với “ca múa xem nghe” hoặc khai hoặc hợp bất đồng, cũng khi hợp “ca múa xem nghe” với “nằm ngồi giường cao to” làm một chi. Như Tứ Phần Luật Yết Ma và Bát Thức Chính Phạm đều hợp như vậy. Cho dù trong kinh luận có nhiều cách giải sai biệt, nhưng người thọ Bát Quan Trai Giới vẫn nên chấp hành nghiêm chỉnh các giới điều của đức Phật quy định, như vậy thì vẫn không có gì khác biệt. Chẳng qua khi thuyết giới tướng, có khi đem điều này thuyết vào giới điều này, khi thuyết vào giới điều kia, người không biết cho là có sai khác. Kỳ thật, chỉ bảo chúng ta, những người thọ giới pháp, không nên làm cái này, cái nọ là được rồi, còn chuyện nên theo cách hợp nào không phải là vấn đề quan trọng. Cho nên chúng ta chỉ coi trọng tinh thuần giới luật, bất tất coi trọng thái quá đến sự khai hợp trong văn tự.

Còn vấn đề “giường cao rộng lớn”, thiên hạ bận rộn cả ngày, đến chiều tối ắt muốn ngủ nghỉ để khôi phục lại sức khỏe sau một ngày mỗi mệt, nếu không cái thân mong manh này ắt không chịu đựng nổi. Giấc ngủ chỉ để khôi phục sức khỏe nên chỉ cần ngủ sao cho ngon giấc, còn giường chiếu chỉ là phương tiện phụ thuộc. Như thế nhân chú trọng giường nằm: nệm dày, trướng rủ, mềm mại thư thích đã ngược lại khiến họ điên đảo mộng tưởng, không thể được giấc ngủ ngon lành. Như vậy đâu còn đúng như ý nghĩa chính yếu của giấc ngủ nữa. Đức Phật biết điều này có ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của thân thể nên đặc biệt chế giới “không nằm ngồi giường cao rộng” để khiến hành giả ngay đến lúc ngủ nghỉ cũng niệm chánh đạo, tránh không để thời giờ luống không.

Giường cao rộng không được dùng, như vậy giường theo Phật chế như thế nào? Phật chế sàng tòa cao không quá tám gang tay Như Lai (Như Lai toàn thân cao thước sáu thước, gang rộng hai tấc), theo thước Tàu là một thước sáu tấc; rộng ba khủy tay Như Lai (khủy tay Như Lai dài một thước tám tấc), theo thước Tàu là năm thước bốn tấc. Trong kinh A Hàm nói rõ: “Chiều cao thước sáu chẳng cao, chiều rộng bốn thước chẳng rộng, chiều dài tám thước chẳng to”. Theo kích thước này là thủ trì giới cấm của Như Lai. Nếu vượt qua kích thước này ắt phạm giới. Người xuất gia luôn sống đơn giản, tránh kiêu xỉ mới tương ứng với Thánh Đạo, nên các vị tỳ kheo thời đức Phật có nhiều vị thường ngủ dưới cội cây, có vị lại qua đêm tại gò mả, chẳng khi nào nghĩ chuyện giường nằm có thư thích hay không. Còn như các vị ở đây chỗ nằm đơn giản, đó là tuân theo luật chế đó vậy.

Giường nằm cao thấp to nhỏ, chẳng phải chỉ về mặt đo lường mà cả về mặt chất liệu nữa. Như các nhà giàu có ngày xưa ở Trung Quốc, giường nằm cũng được điêu khắc chạm trổ tinh chi, còn đính ngọc lát vàng, cho đến các ngoạn cụ như màn, mền, đều toàn bằng gấm vóc tế nhuyễn, hoa lệ cực kỳ. Như thế, tuy về mặt đo lường không quá sự quy định của đức Phật, nhưng về mặt chất liệu lại

cao xa, hoa lệ thái quá, nên cũng không phải là chỗ dùng của Phật tử. Nếu thọ dụng những thứ trân quý như vậy, không những thành thói quen mê nhiễm những món xa xỉ, quên cả tu Thánh Đạo, mà còn tăng trưởng tính kiêu mạn, cao ngạo, thành thử đức Phật không cho hàng đệ tử hưởng thụ như vậy. Chư vị ngày nay học tập đời xuất gia nên tập các thói quen như vậy.

Sau cùng là vấn đề “không ăn phi thời”. Có người cho rằng giới này là giới quan trọng nhất trong Bát Giới, thật thì Bát Giới, giới nào cũng quan trọng, khó mà phân biệt giới nào quan trọng nhất. Có điều đối với người xuất gia, nên nghiêm cách đời sống không ăn phi thời. Tăng đoàn thời đức Phật rất coi trọng giới này, ngay đến hiện nay, tỳ kheo của các xứ Nam Tông đều như pháp nghiêm thủ giới này. Giả sử có vị tỳ kheo nào ăn quá ngọ, chẳng những Tăng đoàn không chấp nhận, mà ngay đến tín chúng cũng không bỏ qua điều này. Nhưng ở Trung Quốc, giới này đã không được xem trọng. Đừng nói người xuất gia không ăn quá ngọ đã không bị xã hội phê bình, mà dẫu có vị Tăng nào ăn quá ngọ cũng thường không bị mọi người khuyến cáo. Chư Tăng Trung Quốc chưa từng nghiêm trì giới này, phải nói là do tại hoàn cảnh mà ra cả.

Ăn uống vốn dĩ là động lực chủ yếu để duy trì sanh mạng, dù là sanh mạng của ai. Nếu không ăn uống tuyệt đối không thể tồn tại. Nên trong kinh Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều nương vào ăn uống mà còn”. Quan sát hiện thực ở thế gian cũng thấy chưa từng có ai không nhờ ăn uống mà được tồn tại lâu dài. Thế gian sở dĩ phát sanh đủ chuyện chỉ do vì vấn đề sinh tồn. Sinh tồn tất cần sinh hoạt. Sinh hoạt tuy có nhiều mặt, nhưng ăn uống vẫn là mặt quan trọng nhất. Cho nên thế nhân đối với ẩm thực luôn luôn là nhu cầu, mong sao cho mỗi bữa đều phong phú món ăn. Chính vì mọi người đều có nhu cầu như thế nên một mai cầu không toại ý, bấy giờ các hành vi bất thiện sẽ bắt đầu hiện khởi, đưa đến nhiều vấn đề nghiêm trọng cho xã hội, thậm chí gây ra bạo động đấu tranh.

Tuy chúng ta học Phật, nhưng vẫn là người phàm, nên vẫn phải dựa vào ăn uống để sống hầu tu học Phật pháp. Ăn uống đã là mục đích nuôi thân học đạo, nên chỉ cần đủ nuôi sống cho thân mạng này, sao cho sắc thân đủ sức khỏe, là đã đạt được mục đích của sự ăn uống. Không cần phải chọn lựa hay phân biệt ngon dở, càng không như tục nhân quen thói không thịt ăn không no! Đối với điều này, trong kinh Di Giáo, đức Phật chỉ bày cho các vị tỳ kheo thật hay: “Các vị tỳ kheo coi chuyện ăn uống như là uống thuốc, dù ngon, dù dở, cũng không tăng giảm, chỉ để nuôi thân, cốt trừ đói khát, như ong hút nhụy chỉ lấy vị hoa, không làm tổn sắc. Tỳ kheo cũng vậy, thọ người cúng dường để trừ tự não, không được cầu nhiều, hoại mất thiện tâm. Thí như người trí phải lượng sức bò chịu được nhiều ít, không nên quá phần làm kiệt sức nó!” Dưới mắt đức Phật, ăn uống chỉ là thứ thuốc trị bệnh đói khát, dù ngon dù dở, ăn uống xong hề thấy no đủ là được, tuyệt đối không như người tại gia ăn uống không ngại chế biến mất công, hay thấy ngon thì ăn thêm chút nữa, nếu dở thì ít đi, mà quên cả Thánh Đạo mình đang tu. Đức Phật chế tỳ kheo thác bát xin ăn, tin chúng cúng gì ăn nấy, có đâu mà chọn lựa ngon dở! Nhưng khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, do vì chế độ thác bát chưa thể thực hành, Tăng Ni tại chùa chiền tự lo ăn uống nên không tránh khỏi chuyện lo chọn ngon dở; thậm chí tại các chùa miếu, làm món chay ngon hơn cả món mặn nên cả ngày bỏ hết thời gian vào nhà bếp, dĩ nhiên vì vậy phải xa lìa Phật pháp.

Đức Phật quy định các vị tỳ kheo đối với việc ăn uống không được để tâm đến chuyện ngon dở, cùng chế định giới “không ăn phi thời” cho Tăng chúng. Sở dĩ gọi là “không ăn phi thời” là vì thời gian ăn đã được quy định rõ ràng, ngoài giờ quy định này nhất quyết không ăn. Vậy thời gian nào quy định cho ăn? Kinh Tỳ La Tam Muội nói: “Sáng sớm giờ chừ Thiên ăn, giữa trưa giờ chừ Phật ăn, buổi chiều giờ súc sanh ăn, buổi tối giờ ngạ quỷ ăn. Như Lai muốn (chúng sanh) dứt trừ lục thú (8) khiến được nhập đạo, nên chế định (tho trai) giờ (ăn) của chư Phật”. Điều này không khác gì bảo chúng ta:



Tỳ kheo chỉ được ăn một bữa giữa trưa như chư Phật, ngoài ra đều không phải là giờ ăn. Trong kinh tuy nói vậy, nhưng vẫn có giải thích về “thời thực” và “phi thời thực” như sau: Từ sáng sớm mặt trời mọc cho đến giữa trưa là giờ ăn được. Bóng mặt trời quá giữa trưa một sợi tóc cho đến sáng sớm ngày hôm sau là giờ không được ăn, và gọi đó là giữ giới ăn ngộ hay “quá ngộ không ăn”. Ăn uống là sự ham muốn lớn của nhân sanh, không có loài nào thích thú ăn uống cho bằng loài người, đức Phật vì sao nghiêm cách hạn chế sự ăn uống của người xuất gia? Phải biết ăn uống dù là chuyện cần cho mỗi ngày, song có vẻ là chuyện không quan trọng, nhưng nó liên quan rất nhiều đến đạo nghiệp của chúng ta. Tục ngữ có câu: “Ăn no sanh dâm dục” đủ biết ăn uống là duyên tăng thượng cho dục của nam nữ. Trong Luật, sở dĩ đức Phật hạn chế nhiều về vấn đề ăn uống, mục đích lớn nhất và cũng quan trọng nhất là để chữa trị dục vọng cho nhân sanh. Vì dục là kẻ địch đối đầu làm chướng ngại cho sự giải thoát, người cầu tìm giải thoát nếu muốn đối trị kẻ địch này, phương tiện hay nhất chính là sự giảm nhẹ vấn đề ăn uống.

Giới “không ăn phi thời” chẳng riêng tỳ kheo nên giữ mà là giới chung cho hàng ngũ chúng xuất gia, và ngay đến hàng tại gia thọ Bát Quan Trai Giới, đức Phật cũng chế định phải giữ giới này. Như vậy, giới này rất quan trọng đối với Phật Giáo. Nói ra thật tầm quý, các vị thọ Bát Trai Giới, đúng theo luật chế quy định, phải đối trước chư Tăng trọn đời không ăn phi thời mà thọ giới, nhưng chư Tăng ngày nay thì thực ít người giữ giới này. Lại phần đông những vị Tăng phát tâm giữ giới “không ăn phi thời” này, lúc giữ, lúc bỏ, khó mà giữ được suốt đời. Ngay đến tôi cũng chưa thể làm được, cho nên tuy vì các vị truyền thọ Bát Quan Trai Giới, nhưng trong lòng không khỏi hổ thẹn vô cùng. Có điều vì chư vị truyền giới rồi, các vị trong một ngày đêm có thể như pháp thủ trì thanh tịnh, vẫn là điều tốt vô cùng.

Biện biệt phân tách chi số của Bát Giới, chủ yếu biện biệt sự khai hợp của tam chi sau, còn năm giới đầu cùng Cận Sự Luật Nghi không khác, bình thời giảng cũng đã nhiều. Ba chi sau đã có sự khai hợp và thứ lớp khác nhau. Sau khi đã phân tách rõ, sẵn lược giải ba chi để quý vị hiểu biết chính xác về Bát Giới. Song tôi muốn nhắc quý vị giới “bất tà dâm” của Ngũ Giới trong Bát Giới phải đổi lại là “bất dâm dục”. Trong Xuất Gia Luật Nghi quy định hoàn toàn đoạn dâm, các vị nay học đời sống xuất gia, nên phải giữ giới cả đời không dâm của chư Phật. Nếu không trừ sạch được dâm dục, không những khó sống đời xuất gia, mà còn ngăn trở chuyện giải thoát. Đó là điều chúng ta phải lưu ý.

Theo sự phân biệt của chi số, Cận Trụ Luật Nghi của chúng ta vừa đúng tám giới, đã không tăng thành chín chi được, cũng không giảm thành bảy chi. Nhưng vì sao chỉ có tám chi? Câu Xá Luận nói: “Bốn giới chi đầu thuộc về tánh tội, để phòng tánh tội phát sanh nên phải chế giới này. Giới ‘uống rượu’ thứ năm thuộc về phóng dật, vì sợ thất niệm rồi vọng tạo bốn tánh tội nên phải chế chi thứ năm ‘không uống rượu’. Ba giới sau cùng để phòng sự kiêu dật nên Phật chế ba chi sau”. Do đó, giản lược bằng bài tụng:

Giới bất dật, cấm ngăn  
Tứ, nhất, tam gồm tám  
Để phòng các tánh tội  
Thất niệm và kiêu dật  
(Giới, bất dật, cấm chi  
Tứ, nhất, tam như thứ  
Vị phòng chư tánh tội  
Thất niệm cập kiêu dật)

Chẳng những Câu Xá Luận giảng như vậy, Thành Thật Luận cũng nói: “Trong đó, bốn giới đầu là thật ác. Uống rượu là cửa các ác, còn ba giới sau là nhân duyên phóng dật. Người nào lìa năm món ác là nhân duyên phúc, lìa ba món sau là nhân duyên đạo. Cư sĩ

dầu yếu kém thiện pháp, nhưng có thể khởi nhân duyên đạo nên thành tựu ngũ thừa bằng tám giới này”. Ba giới sau của Bát Giới có thể xả lìa nhân duyên, không còn bị trần cảnh bên ngoài lay chuyển nữa, cho nên (có thể) làm nhân duyên thù thắng cho chánh đạo, cơ sở (căn bản) cho tam thừa thánh đạo hoàn toàn xây dựng trên các giới này. Bởi vậy, phát tâm thọ Bát Quan Trai Giới rồi không nên coi thường các giới. Vì sao? Ba giới sau ngỡ là bình thường, nếu không nghiêm chỉnh thọ trì thì chắc chắn ta không có phần trong xuất thế tam thừa thánh đạo. Như vậy sao dám coi thường? Nói chung, Bát Giới tuy là giới cho hàng tại gia thọ, nhưng thành Phật phải do nhân duyên này mà thành tựu. Như kinh nói: “Ta nay thành Phật đạo, vốn từ Bát Giới mà ra”. Bát Quan Trai Giới tu học Thánh Đạo quan trọng như vậy, nên tôi hằng mong mỗi quý vị phát tâm thọ trì.

(8) Lục thú: còn gọi là lục đạo, gồm Thiên, Nhân, A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ và Địa Ngục.

## Chương 9 Vấn Đề Liệu Giải

Hôm nay là lần thứ chín quý vị thọ Bát Giới, trong các lần trước tôi đã trình bày nhiều vấn đề liên quan đến Bát Trai Giới, hiện tại muốn cùng các vị liệu giải một số vấn đề, để các vị trong lòng không còn mối thắc mắc nào nữa về Bát Giới, an tâm phụng trì hàng tháng, không còn thối tâm. Nhờ vậy, các vị có thể dựa vào công đức này băng qua khổ hải, không còn đắm chìm trong sanh tử nữa.

Thuở giờ đệ tử Phật được chia làm bảy chúng có giới pháp khác nhau, như hai chúng tại gia có Ngũ Giới: tỳ kheo và tỳ kheo ni có Cụ Túc Giới, sa di và sa di ni có thập giới, thức xoa ma na có sáu pháp giới. Còn các vị thọ Bát Giới thuộc về chúng nào? Trước hết, phải biết Bát Giới là giới một ngày một đêm còn Ngũ Giới thuộc giới tận hình thọ (giới suốt đời). Nếu nói Bát Giới thuộc về hai chúng tại gia thì Bát Giới không phải là giới tận hình thọ nên tợ hồ không thuộc về hai chúng tại gia. Như thế phải quyết định thế nào?

Bát Giới không phải là giới tận hình thọ nên nếu bảo người thọ giới này thuộc ưu bà tặc (di) ắt không khỏi có vấn đề xảy ra. Bởi thông thường có giới tận hình thọ mới gọi là ưu bà tặc/di. Song người thọ Bát Giới trên thân mang giới trọn ngày đêm, lại không có tên nào để chỉ, nhưng trong học phái Phật giáo có khi gọi hạng người này là Trung Gian Nhân (người ở giữa). Như Tát Bà Đa Luận nói: “Người thọ Bát Giới trong thất chúng, thuộc về chúng nào? Tuy không có giới chung thân nhưng có giới một ngày một đêm nên gọi là ưu bà tặc. Nếu gọi như vậy lại không có giới chung thân; nếu không gọi như vậy lại có giới một ngày một đêm, nên chỉ gọi là Trung Gian Nhân, tức ngoài thất chúng còn có Mộc Xoa Bát Giới”. Sự thật, người thọ Bát Giới cũng có thể gọi là ưu bà tặc, song phải thêm hai chữ “tịnh hạnh”, nên khi thọ giới pháp, danh xưng thích hợp nhất là “tịnh hạnh ưu bà tặc/di”.

Phần trên đã nói người thọ Bát Giới nằm ngoài thất chúng là do nơi sự phân biệt của các học giả Hữu Bộ về giới tận hình thọ và giới nhật dạ; nhưng từ các kinh Hữu Bộ thành lập một phái riêng gọi là Thành Thật Luận Chủ, nói trong Thành Thật Luận, người hành Bát Giới không ngoài thất chúng, bởi vì Bát Giới thông suốt và thu nhiếp hai chúng tại gia. Lại xét lý do Phật chế Bát Giới thì chính vì tại gia chúng. Gần đây, Hoàng Nhất Luật Sư trong Phổ Khuyến Xuất Gia Nhân Thường Ứng Thọ Bát Giới Văn, tuy dựa theo kinh Dược Sư chứng minh người xuất gia cũng nên thường thọ Bát Trai Giới, nhưng người phát tâm thọ Bát Trai Giới dĩ nhiên đa số vẫn là người tại gia. Đồng thời, người thọ Bát Trai Giới đa số đã thọ Ngũ Giới (không thọ Ngũ Giới vẫn có thể thọ Bát Giới). Hiện tại, tuy chỉ thọ giới một ngày đêm, nhưng nhờ sự tuyệt dâm nên thắng hơn Ngũ Giới không tà dâm, do vậy gọi là tịnh hạnh ưu bà tắc/di. Các vị đều đã rõ, nếu thọ trì được đủ năm giới thì thật lý tưởng. Nhưng nếu cảm thấy không thể giữ nổi các giới tôn nghiêm này, đức Phật cũng từ bi phương tiện cho. Hơn nữa, cũng không quy định cứng nhắc, do người phát tâm tùy sức muốn thọ trì bao nhiêu giới thì thọ bấy nhiêu nên có bán phần, mãn phần, đa phần, thiếu phần, nhất phần ưu bà tắc/di khác nhau. Vấn đề hiện tại các vị thọ Bát Trai Giới có phải thọ toàn bộ hay không? Căn cứ theo phẩm Bát Giới của Thành Thật Luận: “Điều này cũng không nhất định, tự lượng sức mình thọ được bao nhiêu thì thọ bấy nhiêu, tuyệt đối không nên miễn cưỡng. Nếu cứng nhắc quy định phải thọ hết, giả như không thể nghiêm trì, há chẳng gây thêm tội sao?” Cho nên chúng ta thường nói: Đức Phật chế giới rất linh động, mục đích để giúp người giải thoát, không phải để làm khó người.

Khi thọ Bát Quan Trai Giới phải thọ từ sáng sớm trong ngày là đúng pháp nhất, nếu để sau Ngọ mới thọ thì không đắc giới. Nhưng trong Bà Sa Luận lại phương tiện nói: “Người phát tâm thọ giới giả sử nghĩ rằng ngày mai mình phải thọ giới, nhưng đến lúc đó, tự nhiên gặp chuyện phải lo, quên bồng mất Bát Quan Trai, cho đến khi xong việc về nhà dùng bữa mới chực nhớ lại, vội đến thọ

Bát Quan Trai Giới cũng có thể được. Nhưng điều này không những không thể coi là đương nhiên mà phải sanh tâm tầm quý, cho rằng mình quá lơ là, từ nay về sau không được làm thành lệ”. Nếu một lần như vậy, rồi từ đó trở đi cứ vậy mà làm thì thực trái với pháp. Mong các vị lưu ý điều này cho.

Người thọ Bát Giới phải thọ nơi Truyền Giới Sư, dĩ nhiên Giới Sư phải là người xuất gia. Trong ngũ chúng xuất gia, chúng nào cũng làm Bát Giới Sư được, chỉ cần vị này thủ trì giới “không ăn quá ngọ”. Nhưng hiện tại lại phát sanh vấn đề, vạn nhất không có Tăng thì ta phải làm sao để thọ giới? Có phương tiện nào đặc biệt cho chúng ta thọ giới không? Có thể đối trước Phật, tự nguyện thọ hành Bát Giới, vẫn đắc giới như thường. Lỡ tượng Phật không có thì phải làm sao? Vẫn có thể thọ giới, nhất tâm hướng về không trung, trong tâm tưởng và miệng nói như vậy: “Con nay thọ trì Bát Quan Trai Giới”. Như vậy cũng vẫn đắc giới. Bởi vì Pháp Thân chư Phật biến khắp hư không, hành giả cứ dụng tâm chí thành, tâm cung kính, tâm ân trọng, tâm thanh tịnh mà cầu tất sẽ cảm ứng và được đắc giới.

Thọ hành Bát Giới là chuyện đại công đức. Nhiều người phát tâm thọ giới này, đó là điềm lành. Vì như thế chẳng những chứng tỏ tâm người hướng nhiều về thiện, còn cho thấy Phật pháp được phổ cập hơn. Nhưng thêm một vấn đề là phát tâm thọ một lúc nhiều người hay chỉ riêng một người thọ thôi? Hành Sự Sao trích dẫn kinh Thiện Sanh: “Thọ Bát Giới không được đông, chỉ riêng mình thọ”. Sở dĩ trong kinh nói “chỉ riêng một người thọ” vì để hành giả chuyên tâm nhất ý đến giới hạnh mình thọ, không để cho tâm niệm thuần khiết này bị các hỗn loạn khác làm động. Hiện tại, các vị thọ Bát Quan Trai Giới, trên tình lý thì không có gì hại, nhưng đối với Giới Luật thì không mỹ mãn, nhưng đó là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ mong các vị bảo trì nghiêm túc, không nên gây ồn ào.



Thọ hành Bát Giới dĩ nhiên là nhiều công đức, song hiện tại nếu có người trước kia làm việc cho chánh quyền, rồi vì nhiệm vụ mà từng giết hay đánh đập người khác, nay phát tâm học Phật, muốn đến cầu thọ Bát Trai Giới, thì có đắc giới hay không? Đối với vấn đề này có thể nói: “Bất kể quá khứ họ ác như thế nào, tạo tội đến đâu đi nữa, nay phát tâm cầu thọ Bát Trai Giới, chỉ cần chí thành khẩn thiết sám hối các nghiệp tội quá khứ thì vẫn thành tựu giới pháp. Nếu không chịu sự sám hối thì do các nghiệp tội sâu dày kia cản trở, nên có thọ giới cũng không thành tựu giới pháp”.

Ngay bản thân người thọ giới cũng vậy, giả sử xưa nay thọ trì rất thanh tịnh, chưa từng động niệm phạm giới, nhưng gặp phải ác duyên đặc biệt bức phải bỏ giới, thử hỏi nên phương tiện xả như thế nào? Biện pháp lý tưởng và hay nhất đương nhiên là dùng vô số các phương tiện thiện xảo, trang nghiêm hộ trì, thà mất sanh mạng này quyết không bỏ các giới đã thọ. Còn như trong tình cảnh bất đắc dĩ, không xả giới không xong, muốn hy sinh tính mạng cũng không được, lúc đó đành phải phương tiện xả giới pháp. Khi xả giới pháp, chỉ cần một người chứng, nói rõ nhân duyên bất đắc dĩ phải xả giới là xong, không cứ phải xả giới trước chư Tăng, vì đó là bị ác duyên phải xả giới, đâu phải là ý mình muốn.

Bị ác duyên bức phải xả hoặc hủy giới tuy vẫn là nghiệp tội, song không nặng vì không phải ý muốn của chính mình, nên khi thoát được ác duyên rồi, chí thành sám hối để trừ diệt tội lỗi, sao cho đến khi sám hối cảm được điềm lành. Lúc đó mới thỉnh cầu thọ lại giới, như vậy vẫn thành tựu giới pháp. Trường hợp có người không do ác duyên mà do tự phiền não nơi mình xung động khiến tâm ô nhiễm, hủy phạm giới pháp của Như Lai, tội người này nặng hơn người trước, khó lòng mà sám hối để được thọ giới lại. Vì vậy, phải trang nghiêm hộ trì các giới đã thọ.

Người thọ giới phải thọ thọ trì giới thanh tịnh không được hàm hồ. Nhưng ở thế gian này, chuyện gì nói cũng dễ, làm mới khó, nhất

là tịnh giới của Phật pháp lại càng không đơn giản như ta tưởng tượng nên Ấn Thuận Luật Sư nói: “Thọ giới thì dễ, giữ mới khó”. Như thọ Bát Trai Giới, chẳng những không được giết mà ngay đến đánh đập chúng sanh cũng không được. Có nhiều người quen thói đánh mắng người, nghĩ rằng hôm nay thọ giới nên tạm thời không đánh mắng, mai xả giới rồi thì ta tha hồ đánh mắng. Lỗi suy nghĩ này tuy hôm nay không gây tội, nhưng không thể bảo là trì giới thanh tịnh. Hoặc gặp chuyện gì xúc phạm đến ý mình, liền nổi lời đanh, hoặc có chuyện phiền não gì của mình mà gây thương hại đến tâm ý người khác. Như vậy bề ngoài xem có vẻ không phạm giới, nhưng trì giới kiêu này thật bất tịnh.

Do vậy, đủ biết muốn được giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh phải luôn luôn kiểm điểm ba nghiệp, thân khẩu không được làm mất oai nghi, ý không được vọng khởi tham, sân, si. Như vậy mới được gọi là trì giới thanh tịnh, cho nên tôi thiết tha mong các vị hộ trì tịnh giới như giữ tròn con mắt, để tránh được mọi tội ác. Người thọ Bát Trai Giới nếu có điều vi phạm giới pháp, không những không tăng tiến các giới khác, cũng không thể sanh trưởng các thiện pháp. Vì vậy, phải luôn cẩn thận như pháp trì giới.

Giảng đến đây, tôi muốn kể một câu chuyện để chứng minh chuyện được mất của trì và không trì giới.

Thuở Phật tại thế, một lần Ngài thuyết pháp tại Kỳ Viên tinh xá, có đông đủ chư Bồ Tát và Thanh Văn chúng, xế chiều có hai vị tiên nhân đến trước Phật. Hai vị này do quá khứ từng thọ Bát Quan Trai Giới, nhờ công đức này được sanh cõi trời, thân phóng hào quang, nên khi họ tới, Kỳ Viên được hào quang chiếu sáng như ban ngày, khiến toàn tinh xá chiếu ánh sáng vàng như bảo quang. Đức Phật biết rõ lai lịch của họ, đợi họ phóng hào quang xong, Ngài tùy theo căn cơ mà thuyết pháp cho họ. Hai người này nghe diệu pháp của chư Phật như uống nước cam lồ, tâm khai ý giải, đốn ngộ được đạo huyền, siêu xuất tam giới, nên đánh lễ đức Phật,

trở về cõi trời. Ngày hôm sau, A Nan bạch Phật: “Hai vị tiên nhân hôm qua đến cầu pháp Thế Tôn, oai tướng kỳ đặc, tịnh quang diệu mục hơn các ánh sáng thường thấy, không biết họ nhờ công đức gì mà được phúc báo thù thắng như vậy? Cúi mong Thế Tôn từ bi khai thị”.

Đức Phật liền kể cho A Nan nghe: “Cách đây không lâu, vào thời kỳ Mạt Pháp của đức Phật Ca Diếp, có hai vị đạo sĩ tu cầu sanh Phạm Thiên, không những sanh cùng ngày, ở cùng nơi, lại là bạn cùng chí hướng. Nghe được sự lợi ích của Phật pháp, nhất là sự dễ tu tập của Bát Quan Trai Giới và công đức thù thắng của pháp tu đó nên hai vị tu sĩ tịnh hạnh này, vốn là dòng Bà La Môn, nhưng vì phát tâm cầu Bát Trai Giới, nên chẳng ngần ngại tìm đến chư Tăng cầu thọ giới pháp. Chư Tăng thấy hai người chí thành cầu giới nên như pháp truyền Bát Quan Trai Giới cho họ. Hai người tuy chí tâm cầu Bát Trai Giới, song tâm niệm mỗi người mỗi khác. Bà La Môn lớn muốn nương nhờ công đức Bát Trai Giới để được sanh thiên hưởng phúc báo. Bà La Môn trẻ lại muốn nhờ công đức Bát Trai Giới để kiếp sau trở lại thân người, làm vua ở thế gian.

Sau khi thọ giới, ai trở về nhà nấy, nghiêm túc trì giới, nhất là giới “quá ngộ không ăn”. Nhờ công đức trì giới không phạm, anh Bà La Môn trẻ sau khi mạng chung, được như nguyện thác sanh về nhân gian làm vua một nước. Còn vị Bà La Môn lớn bị người vợ bức bách quấy rầy, nên phải chiều vợ ăn phi thời, phá hỏng giới “không ăn quá ngộ”. Do ác duyên này, không những không thành tựu ý nguyện sanh thiên mà đọa lạc vào đường súc sanh làm rỗng. Từ đó, người và thú cách biệt, mỗi người chịu quả sướng khổ của riêng mình, không nhận ra nhau nữa. Một hôm, từ suối trôi vào một quả xoài. Người làm vườn vớt được, đem dâng cho người chủ vườn. Chủ vườn lại dâng cho người khác, rồi đến tay vua. Nhà vua thuở giờ chưa ăn xoài, nay thấy ngon miệng nên muốn ăn mỗi ngày, liền ra lệnh cho chủ vườn phải dâng xoài mỗi ngày. Nếu trái lệnh sẽ bị tội hình. Chủ vườn về nhà sợ hãi ngồi khóc, tiếng khóc

vang đến tai rồng ở con suối này. Rồng liền hóa thành một ông lão đến hỏi chủ vườn vì sao lại khóc thảm như vậy? Chủ vườn kể rõ câu chuyện. Ông lão an ủi: “Nhà ngươi đừng buồn, lão sẽ giúp nhà ngươi có xoài mỗi ngày, có điều khi dâng xoài lên vua, bảo nhà vua rằng: Lão với nhà vua vốn xưa là bạn thân đồng tu Bát Quan Trai Giới. Nhà vua nhờ giữ giới thanh tịnh, lại cầu làm vua nên được như nguyện. Còn lão vì giữ giới không trọn, nên phải chịu thân rồng. Nay muốn thoát thân này, chỉ có cách tu trì Bát Trai Giới nên xin nhà vua vì lão mà tìm giúp pháp Bát Trai Giới để lão sớm thoát thân này”. Chủ vườn hôm sau dâng xoài và chuyển lời ông lão đến vua. Nhà vua nghe xong kinh sợ, ngắt nổi thủa ấy Tam Bảo đã không còn ở thế gian, hà huống Bát Quan Trai Pháp! Nhà vua vẫn kể trí thần, trí thần tuy nhiều mưu trí song cũng bó tay. Người cha ông ta thấy con có điều suy nghĩ mới hỏi lý do. Trí thần bày tỏ mọi sự, người cha bèn bảo đôi cột nhà xem có không. Quả nhiên trong cột có kinh Thập Nhị Nhân Duyên và kinh Bát Quan Trai. Trí thần mừng rỡ đem kinh dâng vua. Vua đem kinh đựng trong hộp vàng, đích thân đem giao cho rồng. Từ đó, rồng tại Long cung phụng hành Bát Giới, chuyên tu không nghỉ. Vua tại cung điện cũng nỗ lực tu Bát Giới, đến khi quả trổ, cả đôi bạn này đều sanh thiên hưởng phúc báo. Hai vị này trọng thừa công đức Bát Giới tới qua đến Kỳ Viên tinh xá, thỉnh ta thuyết pháp. Nghe pháp xong, chứng được Thánh Quả, từ nay không còn chịu sanh tử trong tam giới nữa”.

Câu chuyện trên đây cho ta thấy công đức của Bát Giới, cũng như quả báo của sự trì giới không hoàn hảo, nhất nhất đều có quả báo. Các vị thọ Bát Giới nay đã hiểu rõ, ắt chuyện sanh thiên hưởng phúc hay giải thoát thoát sanh tử không còn là vấn đề nữa. Nên hãy chuyên tâm phụng hành như pháp, “không một sát na khởi tục niệm hay giải đãi thân tâm, cần tu lục niệm, hộ trì bát chi, nghiệp phiền não tận, tự nhiên thiện nghiệp khai phát. Nhân xuất thế do đây thành tựu”.



## Chương 10

### Lục Niệm Tu Pháp

Phần này nói về pháp tu Bát Quan Trai Giới. Thông thường thọ bát cứ giới gì, mọi người cũng chỉ tiêu cực không làm điều này, tránh gây điều kia là đủ, nhưng đệ tử Phật còn có cách tu trì các giới. Bát Trai Giới của chư Phật chỉ vồn vẹn một ngày một đêm, nên ngoài thời gian tác pháp thọ giới nên lợi dụng tối đa thời gian còn lại vào việc tu trì giới pháp, không để một sát na nào trôi qua luống không. Có vậy mới không uổng một ngày thọ giới, gieo duyên trọn vẹn với Phật pháp, mới chơn chánh thọ dụng được Phật pháp.

Trong Bát Quan Trai Giới hội này, chúng ta đã có nghi quỹ tu trì, ngoài hai thời công phu sớm chiều, còn tụng niệm kinh Kim Cang, xưng niệm hồng danh đức Phật. Tôi cùng các vị bàn luận các vấn đề về Bát Quan Trai Giới để mong sao các vị đạt đến trình độ hành giải tương ưng. Trong kinh, đức Phật dạy trong ngày thọ Bát Trai Giới phải nên tu tập nghĩ niệm, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên. Kinh A Hàm thêm niệm Thí, thành ra sáu niệm, có ý nghĩa như sau:

- Thứ nhất niệm Phật: Phật là bậc Thánh ở thế gian, bậc Chánh Giác viên mãn, rõ được Thật Tướng của chúng sanh. “Chánh Giác của Thế Tôn từ mình lan đến người, rồi trải khắp thế gian, triệt ngộ tự thân và cho người, Trung Đạo giữa tâm và vật. Do trí huệ quán chiếu khởi tâm từ bi đến mọi loài”. Cho nên bậc Chánh Giác chẳng những đạt được cứu cánh giải thoát ngay tại thế gian này, còn cứu vớt được hết thảy chúng sanh khiến đều được Chánh Giác như Ngài không khác. Như vậy, đủ thấy đức Phật có công đức thanh tịnh bất khả tư nghì. Niệm Phật không như người ta hay nghĩ là dùng miệng xưng niệm thánh hiệu mà phải tư niệm công đức vô tận của đức Phật, như niệm tướng hảo của Phật trừ được tánh nóng giận, niệm Thật Tướng của chư Phật chứng được diệt được mọi ác niệm, niệm các pháp môn của Phật trừ được sự ngu si, niệm mười



danh hiệu Phật vừa tăng tiến công đức cho mình, vừa giúp người nghe diệt được tâm khinh mạn, sanh tâm kính ngưỡng chư Phật, không dám khởi niệm ác. Lại phải biết đức Phật là bậc đầy đủ trí huệ, chúng ta nếu thành tâm niệm Phật, ắt dẫn khởi được trí huệ sẵn có của ta, lúc đó tự nhiên sẽ khuynh hướng về chân lý mà chư Phật đã thể hiện. Trí huệ không những là điều cần thiết để thể ngộ chân lý, còn là búa sắc để chặt mọi dây rợ phiền não. Niệm Phật có thể khai mở trí huệ, dễ như vậy sao? Niệm Phật là một pháp môn trọng yếu, chẳng những các vị chuyên tông như Tịnh Độ khuyên người niệm Phật, ngay đến bên Nguyên Thủy cũng có pháp Niệm Phật. Song đức Phật ban đầu chỉ bày cho người niệm Phật là muốn họ niệm công đức thanh tịnh của chư Phật, không phải chỉ xưng danh xuông.

- Thứ hai, niệm Pháp: Pháp là những lời dạy của chư Phật, Pháp của Phật không nói bằng trí tưởng tượng mà nói theo sự thật chứng. Pháp thật chứng này không gì khác hơn chân lý vũ trụ nhân sanh, cũng là quy luật của đạo. Phải tuân theo quy luật của đạo, thể ngộ được chân lý của vũ trụ nhân sanh mới thành Phật được. Đức Phật giác ngộ được chân lý, không như thế hay giấu diếm mà lập tức chỉ bày cho đại chúng, giúp mọi người hiểu đâu là lẽ thật của các pháp, đâu là quy luật của đạo, tiến đến cung điện của chân lý. Pháp trên lập trường tu học vô cùng trọng yếu, đừng nói chúng ta không y Pháp, không sao thể ngộ được chân lý, đến chư Phật nếu không có Pháp cũng không thể thành Chánh Giác. Vậy đạo cứu cánh là gì? Ý chỉ đức hạnh Trung Đạo, sự thực tiến hành trì của thân tâm, đó là hướng thượng, hướng thiện, hướng giải thoát, nói đúng hơn đó chính là Bát Chánh Đạo mà mọi người đều biết. Người hướng thượng khéo hành Bát Chánh Đạo, ắt “có tri kiến chính xác, tất đạt được mục đích”. Song trong thực tiễn, hành Bát Chánh Đạo chính là chánh hạnh, không tà, không lệch. Như vậy “chánh hạnh hướng thượng, hướng giải thoát, đạt được cứu cánh vô thượng”, thực hiện được mục đích cứu cánh này cũng gọi là Pháp. Trong kinh gọi là Vô Thượng Pháp, Cứu Cánh Pháp, cũng gọi là Thắng Nghĩa Pháp.

Nói theo chỗ chứng là Duyên Khởi Chánh Pháp. Duyên Khởi Chánh Pháp thấu suốt trong ngoài, biến khắp mọi nơi không đâu không có, người nào chứng được nó, ắt thể ngộ được chân lý, thành bậc Tự Giác, tự chứng giải thoát tự tại. Vì vậy, đức Phật muốn chúng ta thường tư niệm Pháp, để thân tâm thường hành theo chân lý của Pháp, ngõ hầu sớm được tự tại giải thoát.

- Thứ ba, niệm Tăng: Tăng là một trong Tam Bảo, cũng là nhân vật chủ yếu của Trụ Trì Tam Bảo, có địa vị đặc thù trong Phật pháp. Trong Luật tuy nói nhiều thứ Tăng khác nhau, nhưng niệm Tăng ở đây có nghĩa niệm Chơn Thật Tăng, hay niệm Thanh Tịnh Tăng. Sao gọi là Thanh Tịnh Tăng? Ý chỉ các vị Thánh Tăng hoặc các phàm phu Tăng trì giới. Các vị Tăng này ở thế gian thực khó kiếm, nơi thân tâm họ có đầy đủ các món công đức, có thể nhiếp hóa thế gian, làm phúc điền cho chúng sanh. Chúng ta nếu thường tư duy quán sát theo các vị này, hoặc lễ bái cúng dường, ắt được đủ phúc đức. Sao gọi là Chơn Thật Tăng? Đó là các vị Thánh Tăng chứng được Tứ Hướng, Tứ Quả (9). Họ đầy đủ Trí Đức và Đoạn Đức (10), đủ tư cách để gọi là “đại trọng phu” như xưa nay vẫn nói. Tứ Hướng và ba quả đầu đã phần nào chứng Ngũ Phần Pháp Thân. Ngũ Phần Pháp Thân là Giới, Định, Huệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến. Đến địa vị quả Thánh, bất luận tánh giới (11) hay già giới (12), những giới họ đã thủ đều thọ đều trì rất thanh tịnh, giới thể của họ không sao hoại được, nên thành tựu được Giới Thân. Đồng thời không còn hoặc loạn khi tu học Bát Giải Thoát hoặc (13) Cửu Thứ Đệ Định (14), nên thành tựu Định Thân. Do trí huệ vô lậu thấu suốt được chân lý Tứ Đế nên thành tựu Huệ Thân. Đạt được sự giải thoát nơi cách hành hữu vi nên thành tựu Giải Thoát Thân. Lại đối với sự phân biệt nhân quả, giải thoát, không còn mảy may thác ngộ nên thành tựu Giải Thoát Tri Kiến Thân. Chơn Thật Tăng thành tựu công đức Ngũ Phần Pháp Thân này, nếu chúng ta vận dụng tam nghiệp tinh cần lễ bái, cúng dường, tự niệm các món công đức của họ ắt cũng sẽ tăng trưởng công đức của mình. Đó là niệm Tăng đúng pháp.

- Thứ tư, niệm Giới: Giới là quy luật của đạo đức. Là đệ tử Phật, tất phải hành động, suy nghĩ đều trong khuôn khổ của đạo đức. Hễ thấy hợp với quy luật đạo đức thì mới làm. Có vậy thân tâm mới thanh tịnh. Đệ tử Phật do thân phận bất đồng nên giới thọ cũng khác. Như hai chúng tại gia thọ năm giới, xuất gia tăng ni thọ Cụ Túc Giới, sa di, sa di ni thọ mười giới. Thức xoa ma na thọ sáu pháp giới. Các giới tuy thọ có khác, nhưng thọ trì theo pháp thì không khác. Thọ trì cấm giới của Như Lai đã được công đức thù thắng, lại thêm hành động được quy củ. Theo Tỳ Ni Nghĩa Sao: Tại gia nhị chúng Tam Quy, Ngũ Giới, nghe Phật thuyết pháp có thể chứng được tam và tứ quả. Các vị hiện tại thọ Bát Trai Giới tuy chỉ có một ngày đêm, nhưng công đức rất ư thù thắng. Ngẫu Ích Đại Sư từng nói: “Chỉ cần nhân duyên một ngày đêm Bát Quan Trai tất được đầy đủ kho báu hết thảy hằng hà sa số vô lượng công đức của Phật Pháp. Trai Giới là pháp giới, nhất thiết pháp đều hướng đến Trai Giới ắt hướng đến sự không tạo lỗi lầm, đó gọi là Niệm Giới”. Trai Giới chỉ một ngày đêm còn được công đức thù thắng như vậy, huống hồ là các giới như Ngũ Giới, Thập Giới, Cụ Túc Giới thọ suốt đời. Hay như Tam Tụ Tịnh Giới đến tận vị lai các kiếp thì công đức không sao tính kể được. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thọ trì đầy đủ các oai nghi giới pháp, khiến hạt giống Tam Bảo không bao giờ dứt”. Tịnh hạnh liên quan đến sự tồn tại của Tam Bảo nên chớ coi thường Giới Luật. Như thường tư niệm công đức của Giới Hạnh, ắt không sao vi phạm tịnh giới.

- Thứ năm là niệm Thiên: Đệ tử Phật tư duy công đức của Tam Bảo, đó là lẽ tự nhiên, nhưng vì sao lại phải niệm Thiên? Thông thường đối với Phật pháp, không nên cầu sanh Thiên. Sanh Thiên không phải là cứu cánh của Phật tử, vậy niệm Thiên còn có ý nghĩa nào khác? Quả thực, chư Thiên không phải là cứu cánh, đức Phật vẫn căn dặn: Sanh Thiên không phải mục đích của học Phật. Nhưng khi chưa giải thoát, hãy còn trôi lăn trong lục thú thì phúc lạc ở cõi trời vẫn hơn xa cõi người, nên vẫn là chỗ mong cầu của con người. Song không phải cứ muốn sanh Thiên là sanh, cũng

phải có đủ nhân duyên sanh thiên, hoặc công đức sanh thiên. Nói đúng hơn, niệm Thiên không có nghĩa cầu phúc lạc ở cõi Thiên, mà chính là niệm công đức của chư Thiên, rồi so sánh tự thân xem mình có đủ các công đức này không? Trải qua sự tư niệm như vậy, mới thấy mình có công đức tin Tam Bảo, công đức trì tịnh giới, công đức nghe Phật pháp, công đức thí cho kẻ nghèo, công đức có trí huệ phân biệt, chính nhờ mình có đủ các món công đức như vậy, mà tin rằng không những mình có đủ công đức sanh Thiên hưởng phúc lạc, mà từ từ sẽ đến được thành Niết Bàn. Có được sức tự tin như vậy, càng dũng mãnh hành thiện pháp, không còn có thể đọa lạc được nữa. Đó là niệm Thiên của Phật pháp. Lại nữa, pháp môn niệm Thiên này trong A Hàm và Trai Kinh nói là niệm Lục Thiên ở Dục Giới vì niệm giới được sanh Thiên. Hoa Nghiêm kinh nói niệm Thiên là công đức của hàng Đại Sĩ Nhất Sanh Bồ Xứ ở cung trời Đâu Suất. Niết Bàn kinh nói niệm Thiên là niệm Đệ Nhất Nghĩa Thiên, đó là nói sâu hơn. Còn niệm Thiên theo chúng ta ở đây là niệm công đức Lục Thiên như kinh A Hàm.

- Thứ sáu, niệm Thí: Trong kinh Phật Thuyết Trai không đề cập đến niệm Thí. Song các kinh khác đều nói đến Lục Niệm, niệm cuối cùng là Niệm Thí. Ngẫu Ích Đại Sư nói Niệm Thí có thể được nhiếp trong Niệm Thiên bởi lẽ Thí là một điều kiện để sanh Thiên. Trong Lục Niệm pháp môn có nói đến Niệm Thí. Bồ Thí là pháp thiện lợi tha, vì tại thế giới này, nhất là Ấn Độ từ xưa đến nay, người bần cùng luôn luôn đa số. Đức Phật xuất hiện tại Ấn, cũng có thể bảo là do vì muốn cứu tế kẻ bần cùng, cho nên trong kinh điển, đều luôn nhấn mạnh đến công đức bố thí. Vì thế, các đệ tử tại gia giàu có của Phật thường hay bố thí rộng lớn; như trưởng giả Lê Tư Đạt Đa được đức Phật cảm hóa, nên thường làm: “Từ nay về sau, cửa không khép chặt, cũng không xua đuổi chống lại các tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di cho đến người lỡ đường”. Lại còn có thể: “Bố thí khắp bốn cửa thành, bố thí cho người nghèo khổ ở thành lớn”. Cứu tế người bần cùng, xả thí vật sở hữu, công đức này rất lớn. Mỗi người nên tùy khả năng mà bố thí, không

những giúp người thiếu ăn thiếu mặc được no đủ, còn giúp cho mình vun trồng thêm công đức thù thắng. Đệ tử Phật, nhất là hàng tại gia, nên dùng tiền của có dư vào việc trợ giúp cho người nghèo khổ được cùng hưởng phúc lợi, như vậy tất được quả báo thù thắng. Người ta sờ dĩ không chịu bố thí, vì không biết bố thí có công đức lớn, nếu thường niệm Thí ắt thích hành thí.

Lục Niệm pháp môn theo kinh A Hàm, chủ yếu nói cho hàng học Phật tại gia. “Đó là bởi vì lý trí của tín chúng bạc nhược, không thể dùng trí chế ngự tình cảm, bị các cảnh sanh tử biệt ly, cô quạnh lạnh lẽo não loạn cho nên dạy họ niệm - quán tưởng - công đức Tam Bảo, niệm công đức trì giới và bố thí, niệm tất sẽ sanh Thiên và được an lạc”. Trong Trai Kinh cũng nói: “Phụng trì Bát Giới, tập ngũ tu niệm, đó là Phật Pháp Trai, quán công đức Thiên, diệt trừ ác nghiệp, hưng khởi thiện pháp, sau được sanh Thiên, cuối cùng được Niết Bàn”. Như thế, lục niệm pháp môn tuy nói cho tín chúng tại gia và cho người phát tâm thọ Bát Giới tu trì, nhưng thật ra người học Phật nào cũng cần tu sáu pháp này, nhất là pháp môn Niệm Phật, nhờ Niệm Phật nhiếp tâm mà được nhất tâm bất loạn.

Các vị phát tâm thọ Bát Trai Giới lại khéo tu trì lục niệm pháp môn, phải biết chỗ thọ dụng không thể hạn lượng. Bởi vì Trai Giới và lục niệm như ngọc Như Ý thường sanh ra các món bảo khác, y phục, ẩm thực, kim, ngân, thất bảo tùy ý mà được. Nên nếu thường tập niệm, chẳng những sanh Thiên không thành vấn đề, cho đến thiện căn xuất thế của tam thừa cũng dư sức tăng tiến. Chỉ có điều y theo Phật pháp, dù thọ giới hay tu pháp môn nào đi nữa, căn bản vẫn là thanh tịnh nội tâm. Nội tâm có thanh tịnh thì tu pháp môn nào cũng thành tựu, nếu nội tâm bất tịnh có tu cũng thành ma nghiệp. Chúng ta cần phải lưu ý điều này. Muốn nội tâm thanh tịnh, phải kiểm thúc thân tâm bằng giới hạnh, tam nghiệp thanh tịnh đương nhiên sẽ được tự tại giải thoát.

## Kết Luận

Thọ Giới là bước đầu nhập đạo, phạm là đệ tử Phật tức phải thọ giới, và hễ thọ thì phải chuyên tâm nhất ý phụng trì, dù trong hoàn cảnh nào hay ở đâu đi nữa, cũng phải thường ghi nhớ giới đã thọ. Thậm chí ngay đến các việc thường nhật như ăn cơm, mặc áo, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, động tĩnh cũng không một giây xao lãng thủ trì giới pháp. Nếu không ức niệm ắt lúc nào cũng có thể phạm giới. Như vậy thọ giới mà không cố giữ thì vừa không có lợi ích, lại còn thêm nhiều tội. Điều này trong kinh, luật vẫn thường nhắc nhở chúng ta. Bất luận thọ Ngũ Giới hay Bát Giới, đều phải thủ trì đến độ có thể hy sinh mạng sống để bảo vệ giới thanh tịnh. Trong Niết Bàn kinh kể: “Quá khứ có vị Bồ Tát dùng chiếc ván trôi qua biển. Trôi đến giữa biển xuất hiện một La Sát đòi chiếc ván của Bồ Tát. Bồ Tát bảo La Sát: ‘Nhà ngươi muốn gì cũng được, trừ tấm ván này, đừng nói cả tấm, một miếng nhỏ cũng không được!’. Tấm ván này như Giới của chúng ta, nếu thiếu một mảnh cũng đủ hại mất huệ mạng. Vì vậy, các vị nên cố giữ gìn giới hạnh như giữ mạng sống.

Dịch xong tháng Giêng năm Kỷ Ty.

(9) Tứ hương tứ quả:

a. Tu Đà Hoàn dịch là Nhập Lưu, có nghĩa vào dòng Thánh Nhân. Vị này cần phải đoạn hết 88 món sử kiến hoặc ở Tam Giới mới đắc được. Khi chưa đoạn được hết gọi là Hương, đoạn hết gọi là Quả.

b. Tu Đà Hàm dịch là Nhất Lai, còn phải sanh vào Dục Giới một lần nữa. Vị này cần trừ hết kiến hoặc ở Tam Giới, và đoạn sáu phẩm đầu của Tư Hoặc ở Dục Giới mới đắc được. Khi đoạn được từ một đến năm phẩm Tư Hoặc gọi là Tư Đà Hàm Hương, đoạn hết sáu phẩm gọi là Tư Đà Hàm Quả.



c. A Na Hàm dịch là Bất Lai, không còn sanh tử ở Dục Giới nữa. Vị này đoạn hết Kiến Hoặc ở Tam Giới, còn phải đoạn cửu phẩm Tư Hoặc ở Dục Giới nữa mới đắc được. Khi đoạn được từ bảy đến tám phẩm Tư Hoặc gọi là Hương, đoạn hết chín phẩm gọi là Quả.

d. A La Hán dịch là Vô Sanh, vĩnh nhập Niết Bàn, không còn chịu phân đoạn sanh tử. Vị này ngoài các kiết sử ở tam giới, Tư Hoặc ở Dục Giới, còn phải đoạn Bát Địa 72 phẩm Tư Hoặc ở Sắc và Vô Sắc Giới mới đắc được. Chưa đoạn được hết 72 phẩm của Sắc và Vô Sắc Giới gọi là Hương, đoạn hết gọi là Quả.

(10) Nhị đức: Chúng sanh vốn sẵn đủ hai đức:

a. Trí đức: Soi chiếu hết thấy sự lý (liễu nhân)

b. Đoạn đức: đoạn sạch hết mọi vọng hoặc (duyên nhân).

Trí đức tức Bồ Đề, Đoạn đức tức Niết Bàn.

(11) Tánh giới: Bốn giới trọng Sát, Đạo, Dâm, Vọng tự tánh đã là giới, không đợi Phật chế, hễ giữ được ắt có phúc, hễ phạm tất chịu họa, nên gọi là tánh giới.

(12) Già giới: các giới như Âm Tửu gọi là già giới. Bởi lẽ nếu phạm các giới này tất có thể phát sanh hủy phạm các giới khác, nên đức Phật ngăn cấm không cho ẩm tửu. Âm tửu tự nó vốn chẳng phải tội vậy.

(13) Bát Giải Thoát: Còn gọi là Bát Bối Xả, tám loại Thiên Định diệt trừ hết mọi trói buộc của phiền não ở tam giới.

a. Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc giải thoát: Có nghĩa nếu nội tâm nghĩ tưởng đến Sắc (vật chất) (nội hữu sắc tướng) tất sẽ dẫn khởi tham tâm. Vì vậy, quán tưởng các pháp bên ngoài đầy đầy bất tịnh, để tham tâm không thể phát sanh, nên gọi là giải thoát (quán

ngoại sắc giải thoát). Giải thoát này nương định Sơ Thiên phát khởi, duyên với Sắc của Dục Giới.

b. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc giải thoát: Tức tuy nội tâm không nghĩ tưởng đến Sắc (nội vô sắc tưởng), song muốn cho tâm không tham thêm kiên cố nên vẫn hằng quán tưởng các ngoại pháp đầy bất tịnh, để tham tâm vĩnh viễn không sanh khởi, nên gọi là giải thoát (quán ngoại sắc giải thoát). Nương Nhị Thiên phát khởi, duyên với Sắc của Sơ Thiên.

c. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ: Nhất tâm quán tưởng các sắc quang minh, thanh tịnh, kỳ diệu gọi là tịnh giải thoát. Khi quán tưởng tịnh sắc này, khiến tham tâm không thể sanh khởi, chứng minh tâm tánh này đã giải thoát nơi thân nên gọi là Thân Tác Chứng. Lại sức quán tưởng này đã hoàn toàn viên mãn, đủ an trụ nơi định này nên gọi là Cụ Túc Trụ. Giải thoát này nương Tứ Thiên sanh khởi, duyên với Sắc của Dục Giới.

d. Không vô biên xứ giải thoát

e. Thức vô biên xứ giải thoát.

f. Vô sở hữu xứ giải thoát.

g. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát: Bốn thứ giải thoát (từ không vô biên đến phi phi tưởng) này nương vô sắc định sinh khởi, nơi định đắc được quán tưởng Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, khiến tâm xả bỏ hết thấy, nên gọi là Giải Thoát.

h. Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ giải thoát: Diệt thọ tưởng định còn gọi là Diệt Tận định. Đã có năm căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tất phải lãnh thọ năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Do vậy, phát sanh đủ mọi vọng tưởng. Nếu đủ sức định diệt trừ được thọ tưởng, tất sẽ diệt trừ được hết mọi vọng tưởng, cho nên là Diệt Tận định.

Cửu thứ đệ định: từ Sơ Thiên Thứ Đệ Định cho đến Tứ Thiên Thứ Đệ Định (trở lên gọi là Sắc Giới Tứ Thiên Thiên Căn Bản Định). Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thứ Đệ Định (trở lên là Vô Sắc Giới Căn Bản Định Cư Tứ Xứ) cùng Diệt Thọ Tướng Định, tất cả gọi chung là Cửu Thứ Đệ Định. Trí Độ Luận giải: “Thế nào là Cửu Thứ Đệ Định? Đáp: Người tu thứ lớp vào Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, Phi Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định dẫn đến Diệt Thọ Tướng Định mà không để cho các tạp tâm xâm nhiễm. Tu lớp lang như vậy gọi là Cửu Thứ Đệ Định.

### **Phụng khuyến Tăng Tục Nam Nữ Phổ Trì Bát Quan Trai Giới Văn**

Từ Hàng lão pháp sư duyệt cải

Hung Từ lão pháp sư giám định

Việt dịch: Thượng Tọa Thích Thiện Huệ

#### **A. Thuyết minh ý nghĩa và mục thứ khuyến trì Trai Giới.**

Bát Quan Trai Giới là cầu qua bờ sanh tử, là đèn soi sáng bóng đêm vô minh. Trong kinh Bồ Tát Xử Thai xưng tán Bát Quan Trai Giới là “mẹ sanh chư Phật”. Vì vậy, bất luận Tăng, tục, nam, nữ đều nên thọ trì, ưu bà tắc, ưu bà di tại gia cùng các thiện nam, tín nữ đều nên thọ trì giới này để làm bậc thang xuất thế. Năm chúng xuất gia cũng nên thọ trì, bởi lẽ giới tướng của Bát Quan Trai Giới tuy sẵn đủ trong Sa Di và Cụ Túc Giới, song vì để tăng trưởng công đức (lý do tăng trưởng công đức xem câu vấn đáp thứ năm ở phần sau), chẳng ngại gì tái thọ giới này.

Bản văn này trước hết hiển bày công ích thọ trì Bát Giới, theo thứ tự phân làm mười hai điều, mỗi điều đều trích dẫn kinh để chứng minh về nhân quả trì giới, mục đích giúp người đọc phát khởi tín tâm và vui thích hành theo. Sau đó, chú thích danh nghĩa, trì bày

thọ pháp, phân tích các điểm dị đồng trong phép Khai – Già. Lập ra sáu câu vấn đáp để thuyết minh những điều dễ hoài nghi nơi sự thọ trì Bát Giới, hầu giúp mọi người đều như pháp thọ trì, để hiểu được giới quan hệ thế nào đến bản thân, và có thể hành trì theo đúng sự hiểu biết, hầu không còn thối tâm nữa! Sau cùng trích lời Phật dạy về mối họa hoạn của người xuất gia do vì không trì Bát Giới để cảnh sách họ. Chỉ thẹn học thức thiên lậu, giới luật chưa được thấu đáo, không khỏi sai lầm, nhiều điều chưa biết, ngưỡng mong Đại Đức các nơi chỉ dạy thêm cho, thực là bỏ đá thêm ngọc, được nhiều thực lợi, còn mong gì hơn.

## **B. Công ích dẫn chứng**

Công ích thọ trì Trai Giới chỉ Phật trí mới biết rõ, do lời Phật mới tin nổi. Nay phân làm mười hai việc, dẫn kinh Phật minh chứng.

### **1. Thoát ly bệnh khổ:**

Phàm muốn giữ gìn thân thể luôn được mạnh khỏe, hoặc chán sợ bệnh khổ, muốn cầu mau thoát không thể không trì.

Theo kinh Cửu Hoạnh, Phật dạy chín nguyên nhân đưa đến hoạnh tử. Bốn thứ đầu đều do ăn uống bữa bãi, thứ năm do đường tiêu hóa không tốt, đủ thấy vấn đề ăn uống liên quan mật thiết đến sức khỏe. Nếu y theo Phật dạy, sau Ngọ không ăn, tất trong không túc thực (gây bội thực), ngoài không hạ phong, thân được an ổn không tật bệnh, tâm được dễ định lại ít hôn trầm (Kinh nói: “Sau Ngọ không ăn được năm phúc: Ít dâm, ít ngủ, được nhất tâm, không hạ phong, thân được an ổn, hoặc giả không họa túc thực”). Kinh Dược Sư nói: “Nếu có người bệnh muốn thoát bệnh khổ hãy vì người này mà thọ trì Bát Trai Giới trong bảy ngày đêm”.

### **2. Tiêu diệt tội chướng:**

Phàm muốn sám hối tội chướng, không thể không trì. Kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Thọ trì Bát Giới ngoài năm tội nghịch, tất cả các tội

khác đều được tiêu trừ”. Kinh Niết Bàn nói: “Phật dạy xứ Ba La Nại có đồ tể tên Quảng Ngạch, mỗi ngày sát hại rất nhiều dê. Gặp được Xá Lợi Phất, thọ Bát Giới một ngày đêm, do nhân duyên này, mạng chung sanh làm thiên vương Tỳ Sa Môn ở Bắc phương”. Nghiệp sát nặng như đồ phu còn trượng thừa công đức thọ trì Trai Giới một ngày một đêm mà diệt trừ được, huống chi các tội khác nhẹ hơn.

### **3. Miễn trừ hoạn họa:**

Nếu muốn gia đình và thân thể được yên ổn, không bị các thứ tai họa bất ngờ, không thể không trì. Kinh Tứ Thiên Vương nói: “Chỗ nào mà có người trì giới này quý dữ phải lánh xa, trụ xứ ở đó nhờ vậy yên lành. Vì vậy, trong sáu ngày trai thọ trì Trai Giới được phúc rất nhiều”. Lại kinh Pháp Cú Thí Như nói: “Phu nhân vua Ưu Điền vào ngày thọ trai, vua vội không đến, gọi đến ba lần, vì đang trì trai nên không tới. Vua liền nổi giận, sai người lôi ra, khiến bắn cho chết, nhưng tên bay ngược lại vua, lần nào cũng vậy, khiến vua đâm sợ, hỏi phu nhân có pháp thuật gì mà khiến được như vậy? Phu nhân đáp rằng: ‘Do nơi phụng kính Như Lai, quy mạng Tam Tôn, phụng trì trai pháp, quá ngọc chẳng ăn, cùng hành tám giới, tất được Thế Tôn hộ trì như vậy’. Vua liền nghe theo phu nhân, đến Phật nghe pháp, tâm được tỏ ngộ”.

### **4. Viễn ly ác thú:**

Nếu có người hạnh kiểm không tốt, sợ bị đọa ác đạo, không thể không trì.

Kinh Thập Thiện Giới nói: “Người trì Bát Quan Trai, thứ nhất không đọa địa ngục; thứ hai không đọa súc sanh; thứ ba không đọa ngã quỷ; thứ tư không đọa a tu la nên Bát Giới được gọi là Bát Thắng Pháp”.

### **5. Phúc báo ưu hậu:**

Nếu có người sợ đời loạn lạc khan hiếm gạo thóc, chịu khổ đói khát, không thể không trì.

Phật thuyết Hộ Tịnh kinh nói: “Một ngày trì trai được sáu mươi vạn đời dư ăn”. Luận Tát Bà Đa dẫn kinh nói: “Vua cõi Diêm phù Đề được làm chủ hết thầy báu vật không bằng một phần mười sáu công đức Bát Trai Giới”. Kinh còn nói: “Phật dạy vua Ba Tư Nặc: - Phước của Trai Giới tỏa rộng lan xa, thí như các món trân bảo đầy cả mười sáu nước, đem bố thí không bằng một ngày đêm thọ trì Phật trai pháp. Nếu so sánh phúc đức hai việc này khác nào Tu Di với hạt đậu”.

## **6. Mau chóng thành tựu**

Như người tuổi cao sức kém, sợ không còn ở thế bao lâu, hoặc thân bị giam nơi lao ngục, tánh mạng khó toàn, muốn thành tựu hạnh thù thắng trong một thời gian cực ngắn, không thể không trì.

Bát Quan Trai trì pháp kỳ hạn trong một ngày một đêm, thời gian cực ngắn song công đức rất thù thắng. Kinh kể: “Phu nhân vua Ưu Đà Tư, tử tướng hiện bày, mạng sống chỉ trong bảy ngày, nên muốn cầu xuất gia. Vua vì nặng tình mãi đến ngày thứ sáu mới thuận. Phu nhân liền xuất gia thọ Bát Trai Giới, đến ngày thứ bảy mạng chung được sanh cõi Thiên”. Hay như trong kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ nói: “Vua Tần Bà Sa La bị thái tử A Xà Thế giam trong bảy lớp ngục thất, từ xa hướng về Thế Tôn, lễ lạy cầu được Mục Kiền Liên truyền cho Bát Giới”. Phạm lúc sanh tử nguy cấp, thọ trì Bát Giới, do nhờ công đức của giới này dễ được thành tựu.

## **7. Đời sau được tôn quý**

Nếu muốn cầu đời sau làm vua trong thiên hạ, không thể không trì. Phật thuyết Phổ Đạt Vương kinh nói: “Khi tiên vương tại thế, có đứa trẻ để chôm, trai giới theo tiên vương một ngày đêm, phụng hành chánh pháp, giữ ý thanh tịnh, sau này mạng chung, thác sanh làm vương tử, nay được tôn quý, đều do nhân đời trước thọ trì Trai



Giới”. Kiền Đà Quốc Vương kinh nói: “Phật dạy: - Thời Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, vua và Ngưu là hai anh em, cùng làm ưu bà tắc trì Trai Giới một ngày một đêm, vua do tinh tiến giữ pháp, không dám lười mỗi, nay sanh làm quốc vương”. Bách Dụ kinh nói: “Phật dạy: - Thời Ca Diếp Phật, có hai bà la môn cùng thọ trai pháp, một người cầu sanh thiên, một người cầu làm vua. Thọ lãnh giới xong trở về trụ xứ, các bà la môn nài mời cùng ăn. Người cầu sanh thiên, do phá trai, không thành ước nguyện. Người kia không ăn, được thành quốc vương”.

### **8. Được sanh thiên thượng**

Nếu muốn cầu đời sau sanh Thiên, không thể không trì.

Kinh kể có một thiên nữ, dung mạo đoan nghi, vượt hơn mọi kẻ khác, chư Thiên hề thấy đều sanh tâm hy hữu. Thích Đề Hoàn Nhân hỏi do tạo nghiệp gì đời trước mà được phúc báo như vậy. Thiên nữ dùng kệ đáp: “Xưa nơi Ca Diếp Phật, thọ trì Bát Trai Giới, nay được sanh thiên thượng, được phúc báo đoan chánh”. Phật tại Xá Vệ quốc, có năm trăm thiên tử, quang minh biến chiếu Kỳ Hoàn Lâm, cùng đến lễ Phật. A Nan thưa hỏi nhân duyên của chư thiên tử. Phật kể xưa có năm trăm long tử, phụng tu trai pháp, sau khi mạng chung sanh Đạo Lợi thiên. Năm trăm long tử nay là năm trăm thiên tử.

### **9. Trợ duyên vãng sanh**

Như muốn cầu sanh Tịnh Độ, không thể không trì.

Kinh nói: “Trung phẩm thượng sanh là nếu có chúng sanh, thọ trì năm giới hoặc Bát Trai Giới, tu các thiện giới, không tạo Ngũ Nghịch, không làm các lỗi, dùng thiện căn này hồi hướng nguyện cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Lại nói: “Trung phẩm trung sanh là nếu có chúng sanh hoặc một ngày đêm trì Bát Trai Giới hoặc một ngày đêm trì Sa Di Giới, hoặc một ngày đêm trì Cụ Túc Giới, oai nghi không khuyết, do công đức này hồi hướng, nguyện sanh Cực Lạc thế giới”. Như kinh dẫn chứng, đủ biết muốn

cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới không thể không trì Trai Giới. Nên Viên Trung Lang nói: “Điều cấp bách phải phát sanh Giới, khuyên người niệm Phật cùng tôi ghi nhớ lời này”.

### **10. Lâm chung hoan lạc**

Nếu công phu niệm Phật chưa đạt mức nhất tâm bất loạn sợ sau khi mạng chung không chắc được vãng sanh, không thể không trì. Kinh Dược Sư: “Nếu có thể thọ trì bát phần Trai Giới, hoặc một năm, hoặc ba tháng, do thiện căn này, cầu sanh Tịnh Độ, nhưng chưa nắm chắc được, nếu nghe thấy danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, lúc mạng chung, có tám vị Bồ Tát: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát và Di Lạc Bồ Tát, dùng thần thông đến, hướng dẫn chỉ bày, được hóa sanh nơi thế giới Vô Lượng Tạp Sắc Chúng Bảo Hoa”. Vì vậy, người thường hay nghiêm trì Trai Giới, dù công phu niệm Phật hãy còn khiếm khuyết, khi mạng chung chưa thấy được Phật A Di Đà tiếp đón, song nhờ công đức trì trai, có tám vị Đại Bồ Tát dẫn đạo vãng sanh Cực Lạc. Phật không lường dối, quyết chẳng gạt người. Hành giả tín nhiệm vững chắc lời này, ắt không bối rối, không sợ sệt lúc quý vô thường hiện đến. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mở bày phương tiện này, không ngoài mục đích giúp người niệm Phật vào giờ phút nguy biến của sanh tử, được bảo đảm vãng sanh. Nên Pháp Hải Quán Lan nói: “Nếu khi mạng chung gân cốt đau nhức, bao nhiêu quyền thuộc sắp phải chia lìa. Hãy nhớ rằng ta có thanh tịnh giới, giúp cho thân tâm an lạc không còn sợ lo”. Nguyện người niệm Phật cùng tôi nghiêm trì Trai Giới, để nắm chắc được hoan lạc trong giây phút cuối cùng.

### **11. Được thân đủ tướng hảo**

Nếu thấy Phật tướng hảo, tâm sanh hoan hỷ, muốn trong đời sau tu được thân này, không thể không trì.

Kinh Trường Trảo Phạm Chí Thịnh Vấn nói: “Có bà la môn hỏi Phật tạo nghiệp gì đời trước được thân đủ mọi tướng hảo. Phật mỗi mỗi đáp do nghiệp lực gì đời trước, được quả như vậy”. Lược kể như sau:

Hỏi: Làm sao được thân Kim Cang bất hoại?

Đáp: Do đời trước xa lìa nghiệp sát hại hữu tình.

Hỏi: Làm sao được tướng có màng mỏng giữa các ngón tay?

Đáp: Do đời trước xa lìa nghiệp trộm cắp của người.

Hỏi: Làm sao đạt được đầy đủ sắc lực, các căn viên mãn?

Đáp: Do đời trước xa lìa dục nhiễm nam nữ.

Hỏi: Làm sao đạt được tướng lưỡi dài rộng che hết mặt?

Đáp: Do đời trước xa lìa lời dối trá gạt người.

Hỏi: Làm sao được tướng oai nghi từ tường như sư tử đi?

Đáp: Do đời trước xa lìa các chỗ rượu chè buông lung.

Hỏi: Làm sao đạt được vi diệu tướng hảo trang nghiêm thân này?

Đáp: Do đời trước xa lìa các thứ ca múa phô sắc.

Hỏi: Làm sao đạt được hương thơm thượng diệu tỏa nơi thân?

Đáp: Do đời trước xa lìa các món trang sức, hương, hoa, anh lạc.

Hỏi: Làm sao đạt được tòa kim cang thắng diệu?

Đáp: Do đời trước xa lìa các thứ giường kiêu xa, cao rộng.

Hỏi: Làm sao đạt được tướng bốn mươi răng trắng sạch đều đặn?

Đáp: Do đời trước xa lìa các bữa ăn phi thời.

Hỏi: Làm sao đạt được nhục kế viên mãn trên đỉnh?

Đáp: Do đời trước nơi chốn đáng cung kính, năm vóc sát đất, không chút mạn tâm, chí thành đỉnh lễ.

Bấy giờ, bà la môn thấy Phật nói nhân quả không sai dối, liền bạch rằng: “Phúc này gọi là gì? Làm sao để thọ trì?” Phật đáp: “Đây gọi là bát chi tịnh giới. Nếu có thể một ngày một đêm hoặc thường theo chư Tăng thọ trì, được quả như vậy”.

## **12. Duyên thành Phật đạo**

Nếu muốn mau thành Phật đạo, không thể không trì.

Kinh A Hàm nói: “Trì Bát Trai được hết lậu hoặc, vào thành Niết Bàn”. Lại nói: “Muốn thành Thanh Văn, Duyên Giác, Phật thừa đều được như nguyện”. Long Vương Kế Duyên trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Phật tại Vương Xá thành, Đề Bà Đạt Đa đến chỗ Phật, dùng lời ác hủy báng. A Nan nghe thấy, sanh tâm giận dữ, đuổi Đề Bà Đạt Đa đi. Phật kể lại nhân duyên đời trước: - Xưa tại Ca Thi Quốc, có hai anh em long vương, tên Đại Đạt và Ưu Bà Đại Đạt thường thọ trì Bát Trai Giới vào các ngày trai, do quốc vương hay phạm giới sát, khuyên mãi không thay đổi, nên bỏ đi nơi khác, gặp ác tiểu long. Tiểu long biết mình không bằng, sanh lòng ghen ghét, mắng nhiếc. Ưu Bà Đại Đạt muốn diệt tiểu long, Đại Đạt khuyên ngăn, trở về chốn cũ. Tam long đó chính là Như Lai, A Nan và Đề Bà Đạt Đa”.

### **C. Lược thích danh nghĩa**

Bát Quan Trai Giới trong các kinh hoặc gọi là Bát Phần Trai Giới, hoặc Bát Giới Trai, hoặc Bát Chi Tịnh Giới, hoặc Bát Chi Trai Pháp, hoặc gọi tắt Bát Giới. Tên tuy có khác, nhưng thực đồng là một. Theo Câu Xá Luận, một là sát sanh; hai không cho mà lấy; ba phi phạm hạnh (khác với tà dâm trong Ngũ Giới); bốn là hư dối; năm là uống rượu; sáu là trang sức hương hoa, đờn ca, múa hát, cố ý xem nghe; bảy là nằm ngồi giường cao rộng kiêu xỉ; tám là ăn phi thời. Là tám phi pháp này gọi là Bát Giới. Giới thứ tám “phi thời thực” là trai pháp nên gọi chung là Bát Trai Pháp. Theo Tát Bà Đa, Thành Thật Luận, Trí Độ Luận phân “thoa xúc hương hoa” và “múa hát xem nghe” làm hai giới, tổng cộng chín giới. Tám thứ đầu là giới, thứ cuối là trai, gọi chung là Bát Trai Giới. Nếu phân giải nghĩa của Trai và Giới thì trong sạch tâm ô nhiễm là Trai (Trai là “ngay ngắn”, ngay lại tâm này, hoặc nói là “trong sạch”, tỉnh nhiếp ý nghĩ. Nhân thất ở ngoài đời cũng gọi là Trai). Cấm ngăn các lỗi của thân là Giới. Quan có nghĩa do phụng trì Trai Giới này đóng được cửa tam ác đạo.

Thực (ăn) trong Luật chia làm Thời và Phi Thời. Từ minh tướng xuất hiện cho đến nhật trung (đúng Ngọ, mặt trời đúng bóng) là Thời. Từ nhật trung cho đến minh tướng (bình minh) xuất hiện là Phi Thời. Thời nên ăn, Phi Thời không nên ăn. Trai chỉ cho thời thực. Thời và Phi Thời nghĩa như thế nào? Luận Tát Bà Đa nói: “Từ sáng sớm đến nhật trung, thế nhân làm việc buôn bán, ăn uống, nên gọi là Thời. Từ Ngọ đến giữa đêm, tiệc tùng vui chơi, tìm thú hưởng lạc, tỳ kheo du hành ắt có chỗ phạm, nên gọi Phi Thời”. Lại vì Phật muốn chúng sanh đoạn trừ nhân lục thú, nên dạy chúng sanh ăn như chư Phật. Sáng sớm là giờ chư Phật ăn, mặt trời hướng Tây là giờ súc sanh ăn, mặt trời lặn là giờ quỷ thần ăn. Tỳ kheo học Phật, ăn lúc nhật trung, đó là nghĩa của Thời.

#### **D. Phương pháp thọ trì:**

Nếu thọ từ chư Tăng, ắt có nghi quỹ, nên văn này lược bớt (nghe đó). Như trước mắt không có Tăng, trong Luật Nam Sơn cho phép được tự thọ giới trước Phật. Còn như thọ dài hay ngắn, hoặc một ngày đêm, hoặc mỗi tháng sáu ngày trai, hoặc mỗi năm ba tháng, hoặc một năm, hoặc tận hình thọ, tùy theo chí nguyện hoặc sức mỗi người mà tự quyết định. Thời gian thọ giới nên vào sáng sớm hoặc vào mỗi ngày trai nhật, thọ trước Phật tượng, cho dù tận hình thọ cũng chỉ cần thọ một lần, tùy theo ý mình. Một ngày một đêm là do vì trì pháp của giới này từ nhật trung đến sáng sớm minh tướng xuất hiện là viên mãn (Nguyên văn: “Tự nhật trung chí lập thần minh tướng xuất hiện, tức vi viên mãn”). Nếu trời chưa sáng, đốt đuốc lên ăn, kể như phá trai, phải chú ý điều này. Mỗi tháng sáu ngày trai, Trí Độ Luận nói: “Ngày tám thiên vương sứ giả hạ thế, mười bốn thái tử hạ thế, mười lăm thiên vương tự hạ, quan sát thiện ác chúng sanh. Hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi cũng vậy. Tháng thiếu thì vào ngày hai mươi tám, hai mươi chín”. Ba tháng trai là tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, gương nghiệp ở minh giới quay chiếu Nam Châu. Mọi việc thiện ác đều hiện nơi

gương, vì vậy cần phải tu thiện. Theo Dược Sư Kinh, thọ trì một năm cho đến tận hình thọ là bốn phần của người xuất gia nên làm.

## **E. Khai Già Dị Đồng**

Đồng một sự việc, hoặc Khai hoặc Già, hoặc khoan, hoặc nghiêm tùy theo mỗi luật. Về vấn đề “thực” trong luật văn sao trích sau đây, phân làm ba loại. Thứ nhất trì pháp tối nghiêm, thứ hai ít nghiêm hơn, thứ ba ít nghiêm hơn nữa để giúp người trì trai ai cũng có thể hành theo sức kham năng của mình. Còn như bảy giới kia, pháp Khai Già nên nghiêm cứu theo Luật, nơi văn này lược bớt không đề cập đến.

### 1) Khai già thứ nhất:

Tăng Kỳ Luật: “Nơi chánh trung (chánh ngọ) gọi là thời phi thời, nếu ăn cũng bị tội nhẹ. Thời quá trong một nháy mắt, một cọng tóc, ăn là chánh phạm”. Chánh trung còn phạm, vì vậy phải ăn trước nhật trung. Thực thời trong kinh thường là Thìn - Ty. Cổ đức giữ Mão trai. Giữ trai như vậy là điều cấp bách, đó gọi là “thời thực”. Như Sự Sao đối với các thứ đậu, cốc, lạc (bơ), bánh, quả, cơm, rau, hay nước gạo (cơm), nước bột, Thánh Giáo cho phép dùng nên gọi là “thời thực”, vào phi thời không được dùng bữa. Còn như nước trong của hoa trái cùng mật, và các vị thuốc mặn, đắng, cay, ngọt không phải thức ăn, như hồ thực, hoàng kỳ, ba loại này không phải thời thực. Nếu có bệnh hòa với nước, phi thời phải tác pháp mới được dùng. Nội Pháp Truyện nói: “Trong răng còn dính đồ ăn, nơi lưỡi còn vị nồng, không dùng nước trong súc miệng, nếu nước bọt tiết ra phải nhổ đi, để quá thời là phạm phi thời”.

### 2) Khai già thứ nhì:

Tỳ Ni Quan Yếu nói: “Nếu có người bệnh nôn thuốc trở ra, khi cháo nấu chín đã quá nhật trung, nên nấu lúa tẻ không cho vỡ vỏ,



lấy nước mà uống. Nếu ợ ra nơi cổ, nuốt lại không phạm”. Sư Sao nói: “Tăng Kỳ cho dùng nước các thứ cốc, đậu, gạo, không được cho vỡ đầu”. Tu Trì Thích giải: “Các loại đậu đầu không vỡ. Nếu vỡ, phi thời không được uống”.

### 3) Khai già thứ ba:

Ngũ Phần ghi: “Khi làm thạch mật già gạo bỏ vỏ. Bản Thảo nói xứ Tây Qua dùng nước sữa bò, bột gạo hòa với đường rang luyện làm thành thạch mật. Phật dạy thạch mật được phép dùng phi thời, tác pháp nên vậy”. Căn Bản Yết Ma nói: “Tây Quốc làm đường đều để mật gạo, như làm thạch mật để sữa và dầu. Phật cho phép phi thời được nhai ăn, song phải phòng thô tướng để trưởng đạo tư thân”. Lời tựa Tỳ Ni ghi: “Bệnh dùng thuốc, sau giờ Ngọ tâm muộn, Phật khiến uống nước bông lúa rang, song vẫn không bớt. Phật cho dùng nước măng, bệnh vẫn không dứt. Bệnh nếu không khỏi, Phật cho đến chỗ kín đáo dùng cháo”. Căn Bản Ni Đà Na dạy: “Bí Sô có bệnh được dùng nước hòa bột ăn phi thời để trị bệnh”. Lại Phật dạy: Người bệnh cho uống bột hoặc đặc hoặc viên, tùy ý mà uống, nhưng cần phải tác pháp.

### 4) Khai già kết luận:

Phật ngôn: “Phàm có việc cần, ta cho bệnh nhân được phép phi thời. Nếu bệnh khỏi rồi, không được dùng nữa” (xem Căn Bản Ni Đà Na). Như Thích ghi: “Những việc này đều do Phật đại bi, thương xót đệ tử bệnh nặng, tùy bệnh cho thuốc, cho phép được dùng, nên nếu chẳng phải bệnh chí mạng, quyết không nên nhân chút bệnh hoạn, lợi thánh ý, như vậy không khỏi đã phạm lỗi phi thời, lại thêm tội dối Phật trái phép”. Xem như Đông Lâm Huệ Viễn Đại Sư ở Lô Sơn, bệnh ngủ mới dậy, đệ tử dâng bát mật lên, Ngài cản lại, bảo xem Luật có cho phép không? Bởi ngoại trừ bệnh ra, đều không được phép dùng. Ngài quả là mô phạm cho hàng hậu nhân trì giới.

## F. Giải đáp nghi vấn:

Việc thọ trì Bát Quan Trai Giới như trên đã thuật, còn như lý do tất yếu phải thọ trì, nếu không hiểu biết rõ ràng, vẫn dễ bị ngoại duyên lôi kéo, nên sau khi thọ trì khó giữ được tâm không lui sụt. Vì vậy, nơi các điểm dễ sanh hoài nghi, phương tiện lập nên sáu điều vấn đáp để giải thích cho rõ.

### 1. Nghi vấn một:

Hỏi: Tất cả luật văn đều do Phật dạy, vậy sao đồng một sự việc, hoặc Khai hoặc Già, mỗi luật có khác? Chỉ e trải qua nhiều đời, sự truyền thọ từ người này qua người khác, chư Tăng khó tránh được thiên ý nên chưa chắc đã hoàn toàn phù hợp Phật ý!

Đáp: Từ kim khẩu tuyên thuyết, Ưu Ba Ly tụng lời dạy của Như Lai vừa đủ 80 lời, gọi là Bát Thập Tụng Luật, từ Ca Diếp đánh thọ truyền đến Ưu Bà Quật Đa khoảng hơn trăm mười năm, chưa từng khác nghĩa. Đến vua A Dục hội Tăng kiết tập, người nào cũng dẫn lời thầy của họ, có khác, có đồng, nên phân làm hai bộ Tăng Kỳ và Thượng Tọa. Sau đó, khoảng hai trăm năm, lại chia ra làm mười tám bộ, nhưng chỉ có bốn bộ truyền vào xứ Chân Đán (Trung Quốc). Trong đó, kinh, tụng, khai, già tuy có bất đồng, nhưng đều từ Phật nói ra. Phật cũng từng tuyên đoán bằng bài kệ: “Mười tám cùng nhị bốn, tất từ Đại Thừa ra, không thị cũng không phi, nơi vị lai phát sanh”. Kệ này làm chứng không còn hoài nghi gì nữa. Do căn tánh chúng sanh thích dục, mỗi người mỗi khác, Như Lai tùy nghi thuyết pháp, phổ ứng quần cơ, giúp cho ai cũng thọ trì được, và thấm nhuần pháp ích. Như thầy thuốc theo bệnh cho thuốc, há lại có thể chỉ dùng một phương thôi sao? Người sau ai theo thầy nấy do thấy biết không rộng. Mỗi người chấp theo một lời, song chắc chắn vô nghi đều do từ kim khẩu Phật tuyên thuyết.

### 2. Nghi vấn hai:

Hỏi: Công đức trì trai chắc chắn như vậy, song chỉ một ngày một đêm mà đạt được đủ mọi sự phúc báo như trên đã nói, thật ngoài sức tưởng tượng của tâm lượng kẻ phàm phu, nên thật khó sanh tín tâm.

Đáp: Kinh nói: “Chúng sanh nghiệp lực không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn”. Chúng ta đương nhiên chỉ có thể từ tín mới vào được thâm nghĩa này. Trí phân của chúng ta không thể hiểu được, nhưng theo công dụng giới mà nói, khi thọ giới đem thiện pháp này nạp vào thân tâm, do tâm nghiệp lực kết thành giới thể, khởi đại công dụng dẫn thành hậu tập. Nơi các điều lỗi có thể nhớ giới, có thể trì nên có thể phòng được. Tâm vô biên nên giới cũng vô biên. Tâm vô tận nên giới cũng vô tận. Như thọ một giới bất dâm, liền nơi tận hư không, biến pháp giới, hiện tại, vị lai, hết thấy nam nữ sanh tâm không xâm phạm cùng sanh công đức giới. Thọ giới bất sát liền nơi tận hư không, biến pháp giới, quá hiện vị lai hết thấy thánh phàm, sanh tâm không nào hại cùng sanh công đức giới. Các giới khác cũng vậy. Mỗi một giới lượng như pháp giới, nên trì một giới phúc đồng hư không. Kinh nói: “Trì giới một ngày đêm công đức không cùng tận”. Do nhân như vậy được quả như vậy. Sự đã phải đến vậy, lý tất đương nhiên, suy rộng ra, một ngày đêm rồi lại một ngày đêm, ắt một tức một của nhiều. Vậy trí giả phải cố gắng.

### 3. Nghi vấn ba:

Hỏi: Bảy giới đầu trong Bát Giới không có gì để thắc mắc, chỉ có giới thứ tám “không ăn quá no”. Ngày nay sức lực chúng sanh không như cổ nhân, nếu không suy xét cẩn thận, vội vã hành động, chỉ e chưa kịp được phúc, thân đã bị hại. Hơn nữa, Phật quả ngoài đạo nhin ăn, sao riêng giới này lại không bị chê?

Đáp: Kinh Bảo Tích nói: “Bồ Tát nếu tư duy như vậy: pháp này sâu xa, pháp kia không sâu, pháp này là tịnh, pháp kia không tịnh, pháp này nên làm, pháp kia không nên, gọi đó là Tăng Thượng Mạn”. Chúng sanh do ăn mà sống, bị ăn uống làm phiền, không

sao rời được, nên đến lui trong lục đạo. Ngã Phật thương xót người si mê, dạy họ huân tu bằng trai pháp, dần dà thú hưởng đến giải thoát, ước định quá ngộ không ăn. Đó chính là Phật tử Trung Đạo, không rơi vào Nhị Biên, chẳng giống phàm phu chịu khổ bởi lòng tham ăn uống vô độ, cũng khác ngoại đạo do mê muội chịu đói vô ích. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Ăn uống không tiết chế gây nhiều khổ hoạn, ăn uống thiếu kém không đủ khí lực suy. Nay dùng pháp ăn thời thực, như cân cân không cao thấp”. Phúc duyên nào chúng ta gặp được thắng pháp này, nên phải khởi tâm khó được mà phấn chấn hành trì, sao lại khởi tâm cao ngạo, phát sanh tà kiến, phạm vào điều chê trách của Bảo Tích Kinh, gây mối tự hại tự nghi như vậy!

Lại từng thấy nhiều Phật tử mỗi khi được người khác khuyên tu trì Bát Trai Giới là tự cho mình sức khỏe yếu kém, sợ giảm ăn uống, dinh dưỡng không đủ, lại sợ nửa đêm bụng đói khó chịu đựng nổi, đủ thứ suy tưởng, tự gây nhân duyên chướng đạo! Nào hay ăn chiều chỉ là một thói quen, cứ đến giờ là muốn ăn, chẳng phải đói thật. Nếu đói thật, ắt nửa đêm phải đói gắt gao hơn vào lúc ăn chiều, cho đến sáng hôm sau ắt phải chịu hết nổi. Nhưng sự thật lại chẳng phải vậy. Ban sơ mới tập ăn ngộ, thói quen bụng đói vào giờ ăn chiều vẫn xảy ra. Sau đó, cho đến sáng không còn thấy đói. Dù thấy cái đói chiều qua chỉ là tác dụng của tâm ý, thử tập vài lần sẽ thấy quả đúng như vậy. Còn sợ dinh dưỡng không đủ, là vì bảo trọng thân này quá đáng mà tưởng như vậy. Phải biết tham ăn không chán là lý do chính yếu đưa tới bệnh hoạn. Nếu bảo do không ăn chiều mà bệnh, nhất định không phải. Phật là bậc Nhất Thiết Trí, giáo pháp của Ngài để bảo hộ chúng sanh, lìa khổ được vui và còn hơn nữa, tuyệt đối có lợi, vô hại. Phật là bậc đại từ đại bi, coi chúng sanh như con cái, nên thương xót, chăm lo không hề mảy may. Hễ có bệnh đều khai mở cho phép như đã trình bày, há lại không chu đáo bằng chúng ta đang lo sao? Nếu thường nghi như vậy là tăng thượng mạn như trong kinh Bảo Tích đã chê trách.

Nguyện cùng mọi người, nơi lời Phật sanh tìn, không còn hoài nghi!

#### 4. Nghi vấn bốn:

Hỏi: Bát Giới vốn chế cho người tại gia, chẳng qua thông với giới của Tăng chúng xuất gia, đâu phải hết thấy mọi người đều phải thọ trì. Nay chư Tăng phần đông không thọ giới này, lại khuyên người phở trì, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Kiên Lao La Hán có bài kệ: “Sanh tử không đoạn tuyệt, do ưa nếm các vị, nuôi oán vào mộ phần, phải chịu bao tâm khổ”. Đủ thấy ăn uống, kiêu xỉ, phóng dật là nhân trói buộc sanh tử. Phật chế trì trai pháp có công năng “tiềm di mặc hóa” (đổi ngầm thay dần), tự lìa được khổ tham thực dục hội nào không hay. Chúng sanh vốn đồng một bệnh nên cần cùng uống thuốc này. Đó là ý khuyên nên phụng trì giới này. Còn như hiện thời chư Tăng hoặc cũng có người không để tâm đến điều này, đó chỉ là do nơi mỗi người hoặc xét về nhân, hoặc xét về trí mà đặt nặng các pháp khác nhau. Ngã Phật khi còn tại thế, hàng đại đệ tử đã chứng A La Hán, mỗi người còn có riêng mỗi túc tập, huống hồ phàm phu Tăng ngày nay làm sao hành trì nhất chí được. Trì trai là pháp của ba đời chư Phật cùng hành. Nguyện người trí giả giữ lời giáo huấn, y pháp bất y nhân, mà nỗ lực phụng hành.

#### 5. Nghi vấn năm:

Hỏi: Người xuất gia trì Sa Di Giới và Cụ Túc Giới tất bao quát Bát Giới bên trong, lẽ ra đã được hết mọi công đức có được của Bát Trai Giới, có sao lại phải tái thọ, há chẳng phải là làm chuyện “giường nặng thêm ván” sao? Nay lại bảo tái thọ để công đức tăng trưởng, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Điều này phân làm ba bậc:

- Thứ nhất: Theo nghĩa tác pháp thọ giới, khi nạp thiện pháp này vào trong Tạng Thức người thọ, khiến kết thành giới thể, song mỗi người tâm có sáng tỏ, mê mờ, học có tinh, thô, chưa hẳn một lần

có thể thâm nhập được trọn vẹn. Vì vậy, Phật cho phép tái thọ. Tu Trì nói: “Thọ lại có ý giúp hành giả thẩm xét lại giới đã thọ, để cầu tăng trưởng và thù thắng”. Đó là ý nghĩa tái thọ.

Người xuất gia tuy đã hành trì giới tướng của Bát Giới nhưng trước kia nếu chưa chính thọ thì không ngại gì tái thọ để được thêm một phen cảnh sách, chuyển thành thượng phẩm (Kinh nói: “Giới là duyên cảnh ý”). Chi Phạm nói: “Thọ lần đầu chỉ phát trung hay hạ phẩm, Phật cho phép thọ lại để tăng trưởng, chuyển thành thượng phẩm”. Đó là ý nghĩa tăng thượng công đức.

- Thứ hai: Người xuất gia nếu tái thọ Bát Giới theo kinh Dược Sư dạy, chỉ cần một năm hoặc ba tháng, trong khoảng thời gian ngắn này được đại lợi ích. Đó là nghĩa tăng thượng công đức.

- Thứ ba: Nếu không đúng pháp thọ Bát Giới, quyết không được các công ích của Bát Trai Giới như trong kinh nói, cho dầu trì Cụ Túc Giới, luận theo công đức trì giới cũng chỉ đủ đời sau sanh Thiên. Nếu y pháp tái thọ, ắt được lợi ích có đại Bồ Tát tiếp dẫn vãng sanh. Đây là ý nghĩa tăng trưởng công đức.

#### 6. Nghi vấn sáu:

Hỏi: Ba giới sau cùng của Bát Giới chỉ là việc nhỏ, không làm hại người, cần gì Phật phải răn cấm? Cho dù không phạm các điều đó, cũng chỉ là thiện nhỏ nhặt, đâu thể xếp cùng giới Sát, Đạo, Dâm?

Đáp: Ba giới sau có thể nhiếp năm trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc), sự tuy nhỏ nhưng đủ ngũ dục. Cái hại của ngũ dục ban đầu nhỏ sau thành to, như chỉ đóm lửa nhỏ đốt sạch cánh đồng, nước từng giọt không ngừng đủ thành sông lớn. Lửa sân khuể và nước tham ái cũng vậy, trị chúng phải ngay từ lúc ban sơ còn yếu, ắt dụng công ít mà dễ được hiệu quả. Nếu đợi lửa, nước đã thịnh, tắt không còn kịp. Cổ đức nói: “Không làm cái nhỏ, ắt tổn sức lớn”. Phật vì phòng trừ cái nhỏ, ngăn cái dần dà (“phòng vi đồ tiệm”), nên xếp những thứ này vào Giới. Thế nên người chân thật biện đạo ngay những việc nhỏ trong đời sống hằng ngày đều dụng công khắc trị. Tuy phạm ác nhỏ cũng vẫn sợ sệt, phải chặn đứng nguồn ác thô



trọng. Nếu ngay đến ác nhỏ còn không chặn được, nói gì đến sự lớn lao. Nếu nói suông chỉ là hý luận, lượm lặt cái thừa của người. Phải biết trì hay phạm, công hay lỗi đều do nơi tự tâm, nào phải do sự tướng lớn nhỏ mà luận được sao? Phật dạy: “Một chút thiện nhỏ, tuy là hữu vi, song trợ Bồ Đề, cho đến thành Phật không dám hủy hoại”. Lại Bảo Vũ Kinh nói: “Uống nhiều độc được, uống ít độc được, cả hai cũng đều làm người chết. Nếu hay phạm tội, hoặc phạm tội nhỏ cũng đều sanh ác thú”. Thế Nho cũng có câu: “Đừng cho thiện nhỏ mà không làm, đừng ngờ ác nhỏ mà cứ làm”. Phật chế ba giới này, vì chê trách ngũ dục, để chặn nguồn ác. Ý chỉ thâm sâu, không ngờ gì nữa!

### **G. Phật chỉ bày nổi họa hoạn của người xuất gia không trì Bát Giới**

Kinh Xá Lợi Phất Vấn nói: “Phật dạy: - Người ăn phi thời là người phá giới, là kẻ phạm trộm cắp. Cho phi thời cũng là phá giới, cũng phạm trộm cắp. Trộm của đàn việt, chẳng phải ý thí chủ, ắt thí chủ vô phúc vì giống như mất của vậy”.

Lại nói: “Trộm và nhận của trộm, dù một nắm, một bó, hột muối, chút dầu, chét đọa tiêu trường địa ngục (đốt ruột), nuốt hòn sắt nóng, từ địa ngục ra, sanh làm heo chó, ăn toàn đồ dơ, lại sanh ác điều, bị người chán ghét tiếng kêu của chúng, sau sanh ngạ quỷ lai vãng nơi chón già lam, ăn nơi nhà xí, ăn toàn phần ứ đến cả ngàn vạn năm, sanh trở lại làm người, nghèo nàn hạ tiện, có nói điều gì cũng chẳng ai tin. Trộm của một người tội hãy còn nhẹ, tội cắt đoạt phúc điền của nhiều người phải chịu quả đoạn xuất thế đạo”.[]

#### **Tiểu sử Đại Lão Pháp Sư Thích Điển Bồi**

(theo Huệ Quang Từ Điền)

Lão Pháp Sư người Giang Đô, tỉnh Giang Tô, họ Lý, hiệu Đế Quán. Ngài sinh năm 1912. Năm 12 tuổi xuất gia với Hòa Thượng

Thường Thiên ở am Phúc Điền, Lâm Trạch, Cao Bru. Năm 18 tuổi, Sư thọ Cụ Túc Giới tại viện Phúc Thọ ở Bảo Ứng.

Lúc đầu, Sư đến Quán Tông Giảng Tự học Thiên Thai Giáo Quán, kế đến các viện Mân Nam, Giác Tân, Hán Tạng nghiên cứu ý chỉ hai tông Tánh, Tướng và học Trung Quán truyền từ Tây Tạng. Sư đã từng thân cận các cao tăng đương thời như Đế Nhân, Thái Hư, Từ Hàng, Ân Thuận, cũng từng giảng dạy tại Hoa Tây Phật Học Viện, Liên Tông Học Viện, Hạ Môn Đại Giác Giảng Xá v.v...

Năm 1949, Pháp Sư đến Hương Cảng, hợp sức biên tập và ấn hành bộ Thái Hư Đại Sư Toàn Tập. Sau đó, qua Đài Loan làm công tác trú thuật hoằng pháp, học Nhật ngữ và các học thuyết của các học giả Nhật Bản. Sư từng sang hoằng pháp ở Thái Lan, Việt Nam, Cao Miên, Lào, Tân Gia Ba, Mã Lai, Phi Luật Tân và các nước vùng Bắc Mỹ.

Sư lần lượt giữ các chức vụ Chủ Tịch Hội Phật Giáo Trung Quốc, trụ trì các chùa Thiện Đạo, Huyền Trang, Linh Phong Bát Nhã Đường ở Tân Gia Ba, Diệu Pháp Tinh Xá ở Việt Nam... và viện trưởng viện Thái Hư Phật Học, xử lý thường vụ Từ Hàng Trung Học. Sư có trú tác và dịch thuật rất nhiều, trong đó phần trú tác được đăng rải rác trong các đặc san Phật Giáo, phần dịch thuật được gom góp thành Đế Quán Toàn Tập...

### **Lược Truyện Từ Hàng Trưởng Lão (1895-1954)**

(theo Huệ Quang Từ Điền)

Đại Lão Luật Sư Từ Hàng người huyện Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, họ Ngải, tự Ngạn Tài, hiệu Kế Vinh.

Ngài mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Năm 17 tuổi, xuất gia với Hòa Thượng Tự Trung, năm sau thọ giới Cụ Túc tại chùa Năng Nhân ở Cửu Giang. Sư từng tham lễ khắp các đạo tràng như Cửu Hoa,

Thiên Thai, Phổ Đà... Sư học Thiền tại chùa Thiên Ninh ở Thường Châu, chùa Cao Môn ở Dương Châu, theo học với Pháp Sư Đế Nhân, lại học Tịnh Độ với Pháp Sư Độ Ách. Năm 1927, Sư đến Phật Học Viện Môn Nam, gần gũi Thái Hư Đại Sư, được Ngài hun đúc, từ đó có chí cách tân Phật Giáo. Ngoài ra, Sư còn gần gũi Pháp Sư Viên Anh. Sư từng 2 lần nhập thất để đọc Đại Tạng trong sáu năm. Năm 1929, Sư chủ trì chùa Nghinh Giang ở An Khánh, hết lòng với sự nghiệp hoằng pháp, đề xướng cải cách Tăng Già, chinh đốn Phật Giáo.

Sư cũng từng sáng lập hội Phật Học Trung Quốc tại thủ đô Rangoon của Miến Điện (Myanmar). Năm 1940, Sư theo Đại Sư Thái Hư thăm viếng các quốc gia Phật Giáo vùng Đông Nam Á, kế đó lưu lại ở Mã Lai Á, sáng lập các cơ sở như học viện Bồ Đề ở Tinh Châu (Tân Gia Ba), hội Phật Học Tinh Châu, hội Phật Học Di Bảo, hội Phật Học Tân Thành, đồng thời phát hành nguyệt san Nhân Gian, ra sức đẩy mạnh việc Phật học xã hội hóa, nhờ đó, Phật Giáo Nam Dương được hưng thịnh. Năm 1948, Sư đến Trung Lich ở Đài Loan chủ trì Phật Học Viện Đài Loan do Pháp Sư Diên Quả sáng lập. Sau đó, Sư thành lập Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chỉ để tiếp nhận các thanh niên Tăng từ Hoa Lục đến. Đồng thời khai giảng các kinh luận Đại Thừa như Nhân Minh, Duy Thức, Lăng Nghiêm... tận tâm tận lực trong việc giáo dục, hoằng hóa.

Sư thị tịch vào tháng 5 năm 1954, thọ 60 tuổi, 42 tăng lạp. Di thể Sư ngòai kiết già trong một cái chum lớn, được an trí tại viện Tĩnh Tu sau núi. Ba năm sau, mở chum ra, nhục thân Sư vẫn không hư hoại, các nơi đều kính ngưỡng. Sau đó, đồ chúng xây dựng Từ Hàng Đường để kỷ niệm đức nghiệp của Sư và tôn phụng nhục thân. Người đời sau gom góp tác phẩm của Sư thành Từ Hàng Pháp Sư Toàn Tập lưu hành ở đời.

## **Tiểu sử Đại Lão Pháp Sư Thích Điển Bồi** (theo Huệ Quang Từ Điền)

Lão Pháp Sư người Giang Đô, tỉnh Giang Tô, họ Lý, hiệu Đê Quán. Ngài sinh năm 1912. Năm 12 tuổi xuất gia với Hòa Thượng Thường Thiên ở am Phúc Điền, Lâm Trạch, Cao Bru. Năm 18 tuổi, Sư thọ Cụ Túc Giới tại viện Phúc Thọ ở Bảo Ứng.

Lúc đầu, Sư đến Quán Tông Giảng Tự học Thiên Thai Giáo Quán, kế đến các viện Môn Nam, Giác Tân, Hán Tạng nghiên cứu ý chỉ hai tông Tánh, Tướng và học Trung Quán truyền từ Tây Tạng. Sư đã từng thân cận các cao tăng đương thời như Đê Nhân, Thái Hư, Từ Hàng, Ấn Thuận, cũng từng giảng dạy tại Hoa Tây Phật Học Viện, Liên Tông Học Viện, Hạ Môn Đại Giác Giảng Xá v.v...

Năm 1949, Pháp Sư đến Hương Cảng, hợp sức biên tập và ấn hành bộ Thái Hư Đại Sư Toàn Tập. Sau đó, qua Đài Loan làm công tác trú thuật hoằng pháp, học Nhật ngữ và các học thuyết của các học giả Nhật Bản. Sư từng sang hoằng pháp ở Thái Lan, Việt Nam, Cao Miên, Lào, Tân Gia Ba, Mã Lai, Phi Luật Tân và các nước vùng Bắc Mỹ.

Sư lần lượt giữ các chức vụ Chủ Tịch Hội Phật Giáo Trung Quốc, trụ trì các chùa Thiện Đạo, Huyền Trang, Linh Phong Bát Nhã Đường ở Tân Gia Ba, Diệu Pháp Tinh Xá ở Việt Nam... và viện trưởng viện Thái Hư Phật Học, xử lý thường vụ Từ Hàng Trung Học. Sư có trú tác và dịch thuật rất nhiều, trong đó phần trú tác được đăng rải rác trong các đặc san Phật Giáo, phần dịch thuật được gom góp thành Đê Quán Toàn Tập...

## **Lược Truyện Từ Hàng Trưởng Lão (1895-1954)** (theo Huệ Quang Từ Điền)

Đại Lão Luật Sư Từ Hàng người huyện Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, họ Ngải, tự Ngạn Tài, hiệu Kế Vinh.

Ngài mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Năm 17 tuổi, xuất gia với Hòa Thượng Tự Trung, năm sau thọ giới Cụ Túc tại chùa Năng Nhân ở Cửu Giang. Sư từng tham lễ khắp các đạo tràng như Cửu Hoa, Thiên Thai, Phổ Đà... Sư học Thiền tại chùa Thiên Ninh ở Thường Châu, chùa Cao Môn ở Dương Châu, theo học với Pháp Sư Đề Nhân, lại học Tịnh Độ với Pháp Sư Độ Ách. Năm 1927, Sư đến Phật Học Viện Môn Nam, gần gũi Thái Hư Đại Sư, được Ngài hun đúc, từ đó có chí cách tân Phật Giáo. Ngoài ra, Sư còn gần gũi Pháp Sư Viên Anh. Sư từng 2 lần nhập thất để đọc Đại Tạng trong sáu năm. Năm 1929, Sư chủ trì chùa Nghinh Giang ở An Khánh, hết lòng với sự nghiệp hoằng pháp, đề xướng cải cách Tăng Già, chinh đôn Phật Giáo.

Sư cũng từng sáng lập hội Phật Học Trung Quốc tại thủ đô Rangoon của Miến Điện (Myanmar). Năm 1940, Sư theo Đại Sư Thái Hư thăm viếng các quốc gia Phật Giáo vùng Đông Nam Á, kế đó lưu lại ở Mã Lai Á, sáng lập các cơ sở như học viện Bồ Đề ở Tinh Châu (Tân Gia Ba), hội Phật Học Tinh Châu, hội Phật Học Di Bảo, hội Phật Học Tân Thành, đồng thời phát hành nguyệt san Nhân Gian, ra sức đẩy mạnh việc Phật học xã hội hóa, nhờ đó, Phật Giáo Nam Dương được hưng thịnh. Năm 1948, Sư đến Trung Lịch ở Đài Loan chủ trì Phật Học Viện Đài Loan do Pháp Sư Diên Quả sáng lập. Sau đó, Sư thành lập Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chỉ để tiếp nhận các thanh niên Tăng từ Hoa Lục đến. Đồng thời khai giảng các kinh luận Đại Thừa như Nhân Minh, Duy Thức, Lăng Nghiêm... tận tâm tận lực trong việc giáo dục, hoằng hóa.

Sư thị tịch vào tháng 5 năm 1954, thọ 60 tuổi, 42 tăng lạp. Di thể Sư ngòai kiết già trong một cái chum lớn, được an trí tại viện Tĩnh Tu sau núi. Ba năm sau, mở chum ra, nhục thân Sư vẫn không hư

hoại, các nơi đều kính ngưỡng. Sau đó, đồ chúng xây dựng Từ Hàng Đường để kỷ niệm đức nghiệp của Sư và tôn phụng nhục thân. Người đời sau gom góp tác phẩm của Sư thành Từ Hàng Pháp Sư Toàn Tập lưu hành ở đời.



薩菩天尊馱韋法護無南



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát